

BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**(GIAI ĐOẠN 2019-2023)**

*Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo*

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2024*

BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**(GIAI ĐOẠN 2019-2023)**






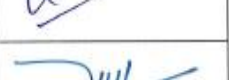




*Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo*

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2024*

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**Thành viên Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo tích hợp  
ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học**

*(Kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Tiến Đạt	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa Quản trị kinh doanh	Phó Chủ tịch	
4	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên	
6	Huỳnh Thế Nguyễn	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Thành viên	
7	Phan Thị Hằng Nga	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý khoa học	Thành viên	
8	Nguyễn Thanh Hải	Tiến sĩ, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Kim Phụng	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Thành viên	
10	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Thành viên	
11	Nguyễn Thị Trúc Hà	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện	Thành viên	
12	Nguyễn Duy Minh	Phó Giám đốc Trung tâm - phụ trách Trung tâm Quản lý Kí túc xá	Thành viên	
13	Tô Anh Thơ	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên	

Danh sách gồm có: 15 người./.

# MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>i</b>
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>v</b>
<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ .....</b>	<b>vi</b>
<b>PHẦN I: KHÁI QUÁT.....</b>	<b>1</b>
1. Đặt vấn đề .....	1
2. Tổng quan chung.....	7
<b>PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....</b>	<b>16</b>
<b>TIÊU CHUẨN 1 MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Mở đầu .....	16
Tiêu chí 1.1. ....	16
Tiêu chí 1.2. ....	22
Tiêu chí 1.3. ....	24
Kết luận về Tiêu chuẩn 1 .....	26
<b>TIÊU CHUẨN 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>26</b>
Mở đầu .....	26
Tiêu chí 2.1. ....	27
Tiêu chí 2.2. ....	29
Tiêu chí 2.3. ....	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 2 .....	32
<b>TIÊU CHUẨN 3 CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC</b>	<b>32</b>
Mở đầu .....	32
Tiêu chí 3.1. ....	33
Tiêu chí 3.2.. ....	35
Tiêu chí 3.3.. ....	36
Kết luận về tiêu chuẩn 3 .....	39
<b>TIÊU CHUẨN 4 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC .....</b>	<b>40</b>
Mở đầu .....	40
Tiêu chí 4.1. ....	40
Tiêu chí 4.2.. ....	42
Tiêu chí 4.3. ....	43

Kết luận về Tiêu chuẩn 4 .....	45
<b>TIÊU CHUẨN 5 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC...Error!</b>	
Bookmark not defined.	
Mở đầu .....	46
Tiêu chí 5.1. ....	46
Tiêu chí 5.2.. ....	49
Tiêu chí 5.3. ....	51
Tiêu chí 5.4 .....	53
Tiêu chí 5.5. ....	54
Kết luận về Tiêu chuẩn 5 .....	55
<b>TIÊU CHUẨN 6 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN .....</b>	<b>57</b>
Mở đầu .....	57
Tiêu chí 6.1 .....	57
Tiêu chí 6.2 .....	59
Tiêu chí 6.3 .....	61
Tiêu chí 6.4 .....	63
Tiêu chí 6.5. ....	65
Tiêu chí 6.6 .....	67
Tiêu chí 6.7 .....	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 6 .....	71
<b>TIÊU CHUẨN 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN .....</b>	<b>72</b>
Mở đầu .....	72
Tiêu chí 7.1 .....	73
Tiêu chí 7.2 .....	75
Tiêu chí 7.3 .....	77
Tiêu chí 7.4 .....	78
Tiêu chí 7.5 .....	80
Kết luận về Tiêu chuẩn 7 .....	81
<b>TIÊU CHUẨN 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC....</b>	<b>82</b>
Mở đầu .....	82
Tiêu chí 8.1 .....	82
Tiêu chí 8.2 .....	85

Tiêu chí 8.3. ....	86
Tiêu chí 8.4 .....	89
Tiêu chí 8.5 .....	93
Kết luận về Tiêu chuẩn 8 .....	95
<b>TIÊU CHUẨN 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....</b>	<b>96</b>
Mở đầu .....	96
Tiêu chí 9.1 .....	97
Tiêu chí 9.2 .....	99
Tiêu chí 9.3 .....	102
Tiêu chí 9.4.....	104
Tiêu chí 9.5.. .....	106
Kết luận Tiêu chuẩn 9 .....	108
<b>TIÊU CHUẨN 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....</b>	<b>110</b>
Mở đầu .....	110
Tiêu chí 10.1 .....	110
Tiêu chí 10.2 .....	114
Tiêu chí 10.3 .....	115
Tiêu chí 10.4 .....	117
Tiêu chí 10.5 .....	119
Tiêu chí 10.6 .....	121
<b>TIÊU CHUẨN 11 KẾT QUẢ ĐÀO RA .....</b>	<b>126</b>
Mở đầu .....	126
Tiêu chí 11.1 .....	126
Tiêu chí 11.2 .....	130
Tiêu chí 11.3 .....	132
Tiêu chí 11.4 .....	134
Tiêu chí 11.5 .....	137
Kết luận Tiêu chuẩn 11:.....	138
<b>PHẦN III: KẾT LUẬN .....</b>	<b>139</b>
1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục .....	139
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục .....	143

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo. ....	146
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá theo Thông tư 04/2016.....	152
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC</b> .....	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo .....	155
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách .....	175
Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT .....	181

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

BGH	Ban Giám hiệu
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác SV
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
ELO	Chuẩn đầu ra (kết quả học tập mong đợi)
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
GVDN	Giảng viên doanh nhân
HDKH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo
HP	Học phần
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
NH	Người học
NV	Nhân viên
PEO	Mục tiêu đào tạo
PGS	Phó Giáo sư



## DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

### Danh mục bảng biểu

Bảng 1.1: Tính kết nối giữa Tâm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh .....	18
Bảng 4.2: Sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CĐR tương ứng của CTĐT .....	42
Bảng 5.1 : Sự phù hợp của hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các CĐR của CTĐT .....	47
Bảng 6.1 : Bảng thống kê số lượng GV Khoa QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây .....	58
Bảng 6.2.1 : Tỷ lệ SV trên 1 GV qua từng năm học .....	59
Bảng 6.2.2 : Thống kê số lượng GV Khoa QTKD ngành QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây.....	60
Bảng 6.6 : Các hình thức đánh giá và các loại khen thưởng .....	67
Bảng 6.7.1 : Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm .....	70
Bảng 6.7.2 : Số lượng bài báo của GV qua từng năm.....	70
Bảng 6.7.3 : Số lượng các đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy .....	70
Bảng 7.1 : Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên .....	74
Bảng 8.1 : Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học .....	84
Bảng 8.4 : Các hoạt động hỗ trợ NH trong quá trình học .....	90
Bảng 10.1 : Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH.....	110
Bảng 10.6 : Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống .....	122
Bảng 11.1.1 : Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học.....	127
Bảng 11.1.2 : Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành QTKD (Khoa QTKD) của 5 khoá gần nhất .....	128
Bảng 11.1.3 : Tỷ lệ NH thôi học ngành QTKD của 5 khoá gần nhất .....	128
Bảng 11.1.4 : Đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của 5 khoá gần nhất của Viện QTQT giữa ngành QTKD với ngành Marketing, ngành KDQT.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 11.3.1 : Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của ngành QTKD (%) .....	132

Bảng 11.3.2 : Thống kê môi trường làm việc của NH ngành QTKD tốt nghiệp (%)	132
Bảng 11.4.1 : Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH của NH Khoa QTKD qua các năm	134
Bảng 11.4.2 : Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Khoa QTKD với NH các khoa khác thuộc trường	135
Bảng 11.4.3 : Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Trường Đại học Tài chính – QTKD với cơ sở đào tạo khác	135

## PHẦN I:

### KHÁI QUÁT

#### 1. Đặt vấn đề

##### *a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo*

Trường Đại học Tài chính – Marketing (ĐHTCM) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) từ năm 2004 nhằm đào tạo những cử nhân QTKD có đủ năng lực về kiến thức; kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; phẩm chất, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực Kinh doanh và Quản trị trong các doanh nghiệp/tổ chức, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh môi trường bất định, hội nhập quốc tế và kinh tế số. Người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản trị, kinh doanh, kinh tế, xã hội; có kiến thức tổng quát về hoạt động doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp và kinh doanh, khởi nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có kiến thức vững chắc về các quy trình, và cách thức vận hành quy trình trong doanh nghiệp; kiến thức về các vấn đề có liên quan đến luật pháp và các chuẩn mực đạo đức trong quá trình hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, người học có khả năng ứng dụng các kết quả học tập, nghiên cứu khoa học, công nghệ trong giải quyết công việc, xử lý tình huống và hình thành các giải pháp quản trị; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, học tập và tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc; hình thành kỹ năng học tập suốt đời.

Kết cấu của báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD gồm 04 phần:

- Phần I. Khái quát: báo cáo tóm tắt về Trường ĐHTCM; Khoa Quản trị Kinh doanh (QTKD), và Báo cáo TĐG.

- Phần II. Tự đánh giá Theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục: (1) Mô tả; (2) Điểm mạnh; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

- Phần III. Kết luận: tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

- Phần IV. Phụ lục.

**Mục đích tự đánh giá:** Việc tự đánh giá giúp khoa QTKD rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn. Ngoài ra, hoạt động này còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã

hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường. Đây cũng là điều kiện cần thiết để khoa QTKD đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

**Phạm vi tự đánh giá:** Đánh giá CTĐT Tích hợp ngành Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Tài chính-Marketing theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục sau đại học, ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

**Giai đoạn đánh giá:** 5 năm (từ 01/01/2019 đến 31/12/2023).

**Hội đồng tự đánh giá:** Thành lập theo Quyết định số 1884/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2023.

**Phương pháp và quy trình tự đánh giá:** quá trình tự đánh giá CTĐT Tích hợp ngành QTKD được thực hiện theo các Công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 và Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng).

**Khoa đã tiến hành thực hiện theo trình tự sau:**

**Bước 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, Ban chỉ đạo, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách;

**Bước 2.** Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

**Bước 3.** Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

**Bước 4.** Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

**Bước 5.** Viết báo cáo tự đánh giá;

**Bước 6.** Đánh giá đồng cấp và đánh giá nội bộ;

**Bước 7.** Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

**Bước 8.** Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá được thực hiện từ tháng 8 năm 2023 theo kế hoạch Tự đánh giá số 1663/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 01/8/2023 về tự đánh giá CTĐT tích hợp ngành QTKD trình độ ĐH và Quyết định số 1884/QĐ-ĐHTCM ngày 01/8/2023 thành lập Hội đồng tự đánh giá. Quá trình thực hiện tự đánh giá được sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm chuyên trách và hầu hết giảng viên, nhân viên, người học, viên chức của các Khoa, đơn vị tham gia đào tạo, các phòng chức năng hỗ trợ triển khai chương trình đào tạo ngành QTKD tổng hợp. Các cá nhân, đơn vị liên quan cung cấp nội dung, thông tin minh chứng, góp ý các phiên bản đánh giá. Quyển báo cáo tự đánh giá được công khai, lưu trữ tại thư viện

Trường đề toàn thể viên chức xem và góp ý. Báo cáo Tự đánh giá được đánh giá bởi hội đồng Tự đánh giá trước khi được phê duyệt.

Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính:

1. Mô tả;
2. Điểm mạnh;
3. Điểm tồn tại;
4. Kế hoạch hành động;
5. Tự đánh giá.

**Bộ công cụ đánh giá:** Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GDĐT ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016 và các văn bản hướng dẫn khác của Cục Quản lý chất lượng.

Trường đã ban hành Kế hoạch số 1663/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 01/8/2023 về tự đánh giá CTĐT tích hợp ngành QTKD trình độ ĐH và Quyết định số 1884/QĐ-ĐHTCM ngày 01/8/2023 thành lập Hội đồng tự đánh giá. Ban thư ký thuộc Hội đồng tự đánh giá đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình tự đánh giá và viết báo cáo; các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Khoa Quản lý huy động toàn bộ nguồn lực GV, Thư ký khoa, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình tự đánh giá trong đó giao nhiệm vụ cho 01 cán bộ thuộc Tổ ĐBCL của Khoa làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Trường khoa cập nhật tình hình tự đánh giá. Để triển khai tự đánh giá, Trường khoa tiến hành họp Khoa phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: khảo sát các bên liên quan; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo tự đánh giá; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu thông tin MC cần thiết cho Khoa.

**Nội dung của báo cáo TĐG:** Tập trung TĐG 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

- **Về mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT:** Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KDQT do đơn vị chủ quản xây dựng và được thông qua Hội đồng Khoa học của Khoa QTKD, Hội đồng Khoa học của Trường ĐHTCM, đảm bảo mục tiêu của CTĐT hướng đến và đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Trường; CĐR phù hợp với yêu cầu của người học và nhu cầu của xã hội.

- **Về bản mô tả CTĐT:** Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng với đầy đủ thông tin về mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, ... và cập nhật theo yêu cầu của CĐR, đề cương học phần (ĐCHP) và ma trận tích hợp CĐR các học phần. Bản mô tả

CTĐT được cụ thể hóa thông qua các ĐCHP. Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa QTKD.

- **Về cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học (CTDH):** CTDH trình độ đại học ngành QTKD có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về CDR và khả năng học tập nâng cao trình độ. Khung CTĐT bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Các học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp.

- **Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học:** Phương pháp dạy và học được xây dựng phù hợp với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ và đặc điểm chuyên ngành đào tạo nhằm đạt được CDR. Triết lý dạy học thể hiện rõ trong mục tiêu đào tạo của chuyên ngành của CTĐT. Giảng viên (GV) được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy phù hợp với học chế đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá kết quả học tập theo hướng giúp người học (NH) phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm.

- **Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học:** Các quy định về đánh giá KQHT của NH được được thông báo công khai thông qua Sổ tay SV lúc nhập học, đồng thời ngay trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, SV được GV phổ biến kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra, đánh giá cho học phần đó. GV sử dụng phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học dễ dàng thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp cần thiết.

- **Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên:** Nhà trường coi việc quy hoạch, đào tạo phát triển và chuẩn hóa đội ngũ GV là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển Trường. Tại Khoa QTKD, đội ngũ GV giảng dạy ngành QTKD cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng, được quy hoạch, tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ, có phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn phù hợp đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng.

- **Về đội ngũ nhân viên:** Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHTCM và Khoa QTKD đảm bảo về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng để hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh được thực hiện công khai, minh bạch, tạo động lực phấn đấu và phát triển cho nhân viên.

- **Về người học và hoạt động hỗ trợ người học:** Người học đóng vai trò trung tâm và chủ động tham gia vào quá trình đào tạo. Trường và Khoa QTKD xây dựng môi trường học đường và tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ người học như: thành lập Trung

tâm Tuyển sinh - Quan hệ doanh nghiệp (TTTS-QHDN); phát huy vai trò đội ngũ cố vấn học tập (CVHT) để tư vấn cho SV giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình đào tạo; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo (QLĐT); thường xuyên tổ chức các chương trình ngoại khóa dưới các hình thức giao lưu giữa SV và doanh nghiệp (DN); tổ chức ngày hội việc làm cho SV...

• **Về cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị:** Trường ĐHTCM và Khoa QTKD chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp, cũng như quản lý sử dụng có hiệu quả CSVC, trang thiết bị đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Trường và Khoa QTKD chủ động liên kết các DN, các tổ chức ngoài Trường để hợp tác, hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

• **Về nâng cao chất lượng:** Việc nâng cao chất lượng CTĐT luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu và Khoa đặc biệt quan tâm. Khoa QTKD cũng đã có nhiều hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) ngành QTKD như: định kỳ 2 năm một lần rà soát, đánh giá CTĐT để làm cơ sở cho việc hoàn thiện CTĐT; đánh giá KQHT của người học và khảo sát ý kiến của các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tương thích của CTĐT với CĐR; đồng thời sử dụng các kết quả NCKH để cải thiện hoạt động dạy và học.

• **Về kết quả đầu ra:** Hàng năm, Trường ĐHTCM và Khoa QTKD đều tiến hành việc thống kê, so sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV, đồng thời thực hiện khảo sát cựu SV về tình hình việc làm và mức thu nhập bình quân hàng tháng của SV sau khi tốt nghiệp, nhằm đánh giá chất lượng của CTĐT đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Hàng năm, Nhà trường và Khoa QTKD đều phát động phong trào SV NCKH và tổ chức các hội nghị, hội thảo NCKH cho SV. SV Khoa QTKD đã đạt được 1 vài giải NCKH cấp trường, đạt giải tại các cuộc thi học thuật về Shinning Contest Cấp Thành phố Hồ Chí Minh tại English Campus, cuộc thi Loreal brandstorm vòng chung kết quốc gia, cuộc thi Loreal brandstorm vòng chung kết quốc gia, chung kết cuộc thi MKT sinh viên tại NEU.

**Mã hóa minh chứng (MC):** Mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn có một hệ thống MC đi kèm. Các MC được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó:

- H là hộp MC
- n là số thứ tự hộp MC
- ab là số thứ tự tiêu chuẩn
- cd là số thứ tự tiêu chí
- ef là số thứ tự của MC trong tiêu chí

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3.

**b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá**

**Mục đích TĐG:** giúp Nhà trường và Khoa QTKD có sự đánh giá khách quan, toàn diện và có hệ thống về tình trạng CTĐT ngành QTKD, đặt cơ sở khoa học cho việc xây dựng kế hoạch hành động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng (ĐBCL) trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, phát huy tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa QTKD trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác đào tạo, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và góp phần tích cực vào việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu của phát triển Trường ĐHTCM. Kết quả TĐG còn là căn cứ để Trường và Khoa QTKD đăng ký thực hiện đánh giá ngoài.

**Quy trình TĐG:** Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành QTKD trình độ đại học; Bước 2. Lập kế hoạch TĐG; Bước 3. Họp Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, Nhóm Công tác để triển khai và phân công; Bước 4. Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm theo yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG); Bước 5. Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn Trường.

**Phương pháp TĐG:** đối sánh với tiêu chí chất lượng và thang điểm đánh giá, kết hợp sử dụng kỹ thuật thảo luận nhóm tập trung (bao gồm các thành viên của nhóm công tác) xác định các điểm mạnh cần phát huy; các điểm yếu cần khắc phục, từ đó đánh giá điểm cho từng tiêu chí và đề xuất các kế hoạch hành động.

**Công cụ TĐG:**

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của BGDĐT, ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL CTĐT của Trường ĐH, CĐ, TCNN.

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, của BGDĐT ban hành Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn số 1704/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28/6/2017, của Cục Khảo thí-Kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

- Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2019, của Cục Quản lý chất lượng v/v thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCLKĐCLGD.



- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, v/v Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn 774/QLCL-KĐCLGD, ngày 10/6/2021, của Cục Quản lý chất lượng v/v điều chỉnh một số phụ lục Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD

- Kế hoạch số 246/KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT, ngày 10/3/2019, về TĐG CTĐT ngành QTKD trình độ đại học và Quyết định số 299/QĐ-ĐHTCM, ngày 10/3/2019, của Hiệu trưởng Trường ĐHTCM về thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành QTKD trình độ đại học; Quyết định 1384/QĐ-ĐHTCM, ngày 29/7/2020 về thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng TĐG CTĐT ngành QTKD trình độ đại học.

- Chương trình tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo TĐG của Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Khái quát về Trường Đại học Tài chính - Marketing**

Tiền thân là Trường cán bộ vật giá Trung ương miền Nam, trải qua các giai đoạn phát triển, đến năm 2004 Trường được nâng cấp thành Trường đại học bán công Marketing; đến năm 2009 đổi tên thành Trường đại học Tài chính - Marketing. Tháng 3 năm 2015, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015 - 2017 theo Nghị quyết số 77-NQ/CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ (tại Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015). Đến tháng 8 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan vào Trường Đại học Tài chính - Marketing.

Hiện nay, Trường Đại học Tài chính - Marketing là một cơ sở GDĐH công lập được giao quyền tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Luật GDĐH năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Sứ mạng: Trường ĐHTCM đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý, tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành Tài chính, các DN và tổ chức xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐHTCM trở thành một trường ĐH đa ngành, đa cấp độ và là một trung tâm nghiên cứu - tư vấn về kinh doanh và quản lý đạt đẳng cấp quốc gia và khu vực.

Các giá trị cốt lõi:

(1) *Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp*: Xây dựng môi trường giáo dục, khoa học - công nghệ sáng tạo, biết phát huy giá trị tri thức phục vụ đào tạo những con người vừa có năng lực chuyên môn cao, vừa là công dân có trách nhiệm.

(2) *Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự say mê*: Trường ĐHTCM là một môi trường khuyến khích sáng tạo và đổi mới; là nơi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ GV, cán bộ, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh (NCS). Đó là nền tảng đổi mới và tạo ra tạo những đột phá để khẳng định thương hiệu của Trường.

(3) *Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác*: Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt giúp Trường ĐHTCM gắn kết mọi thành viên theo mục tiêu chung, tạo nên hợp lực mạnh mẽ nhất. Trường đề cao và tôn trọng tính tự chủ học thuật.

(4) *Coi trọng chất lượng và hiệu quả*: Chất lượng - hiệu quả vừa là con đường, vừa là mục tiêu phấn đấu để trường ĐHTCM đạt đến tầm quốc gia và khu vực. Chất lượng và hiệu quả được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của Trường, trong mọi đơn vị của Trường.

Mục tiêu phát triển chung của Trường được xác định tại Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 17/10/2022 của Hội đồng trường phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045 nêu rõ: “*Đến năm 2026, Trường Đại học Tài chính – Marketing trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng, duy trì đạt chuẩn quốc gia cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 04 chương trình đạt chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến hết 2030, trường đạt cấp trường đại học uy tín của khu vực ASEAN; đến hết 2045, trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học danh tiếng khu vực Châu Á (Theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành cơ sở giáo dục định hướng ứng dụng hàng đầu của Việt Nam và khu vực ASEAN*”.

\* Chiến lược tổng thể của Trường Đại học Tài chính - Marketing đến năm 2030:

(1) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động quan trọng là đào tạo đại học, sau đại học và đẩy mạnh NCKH đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tập trung đầu tư cho 07 chuyên ngành (Tài chính doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Ngân hàng, Bảo hiểm, QTKD tổng hợp, Quản trị dự án và Thẩm định giá) để nhóm này sớm đạt chuẩn top 200 khu vực vào năm 2025.*

(2) *Thực hiện sự khác biệt hóa một cách sâu rộng trong các hoạt động của Trường:* Trong đào tạo, Trường phát triển những chuyên ngành hẹp, khác biệt với nhiều trường thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý. Trong NCKH, Trường đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho các tổ chức và DN. Trường tiến hành xây dựng văn hóa tổ chức với những nét đặc trưng, độc đáo.

(3) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động tại địa bàn trọng tâm:* Địa bàn hoạt động trọng tâm đối với NCKH, đào tạo đại học và sau đại học của Trường là các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

(4) *Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình trường đại học:* Phát triển các đơn vị hoạt động trong những lĩnh vực mà Trường có thế mạnh, một số lĩnh vực hoạt động mang bản sắc của Trường như: Marketing, thẩm định giá, kinh doanh bất động sản, hải quan, quản trị bán hàng, chính sách tài chính công.

(5) *Hoàn thiện công tác quản lý theo hướng hiện đại hóa, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm:* Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong giáo dục - đào tạo, triển khai hệ thống quản trị chất lượng giáo dục tiên tiến.

## **2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy Trường**

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTCM ban hành kèm theo Quyết nghị số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường, cơ cấu tổ chức của Trường gồm: (1) Hội đồng trường; (2) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (sau đây gọi là BGH); (3) Hội đồng Khoa học và Đào tạo; (4) Hội đồng tư vấn; (5) Các phòng, viện chức năng; (6) Các đơn vị đào tạo và nghiên cứu; (7) Các đơn vị phục vụ, hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu; (8) Các đơn vị dịch vụ [xem Sơ đồ cơ cấu tổ chức].

Trường có 13 khoa, 3 viện đào tạo, 5 trung tâm, 11 phòng chức năng. Trường triển khai CTĐT từ trình độ đại học đến trình độ tiến sĩ các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị DN. Qui mô đào tạo khoảng 20.000 SV, học viên và nghiên cứu sinh. Công tác quản lý đào tạo (QLĐT) của Trường được giao cho 4 đơn vị đầu mối là Phòng QLĐT, Viện đào tạo sau đại học, Viện đào tạo thường xuyên, Viện Đào tạo quốc tế. Hình thức đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông đại học chính quy, liên thông đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2, liên kết đào tạo với nước ngoài. Các ngành đào tạo bao gồm:

- Đào tạo đại học:

Chương trình chuẩn và đặc thù: 14 ngành với 29 chuyên ngành.

Chương trình Tích hợp: 6 ngành với 10 chuyên ngành.

Chương trình Tích hợp tiếng Anh toàn phần: 3 ngành với 3 chuyên ngành.

- Đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ: 2 ngành (TCNH và QTKD)

- Đào tạo liên kết quốc tế: 5 ngành cử nhân và 01 ngành tiến sĩ.

Về đội ngũ nhân lực, tính đến tháng 01/2024, tổng số công chức, VC và lao động hiện đang làm việc tại Trường là 610 người, trong đó có 9 phó giáo sư, 88 tiến sĩ, 369 thạc sĩ.

Về NCKH, Trường đầu tư cấp kinh phí cho hoạt động NCKH theo quy định, có chế độ khuyến khích GV, VC thực hiện NCKH. Hằng năm tham gia đấu thầu và thực hiện các đề tài cấp bộ, sở ban ngành, địa phương. Loại hình NCKH của GV, SV đa dạng. Các sản phẩm NCKH của GV phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy như giáo trình, tài liệu. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và nước ngoài tăng đáng kể.

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường Đại học Help (Malaysia), trường Đại học UCSI (Malaysia) và trường Đại học Thompson Rivers (Canada) đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành QTKD, Marketing, Tài chính, Kế toán và Quản trị khách sạn. Đối trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, Trường liên kết hợp tác đào tạo với Đại học HELP và UCSI (Malaysia) chuyên ngành QTKD. Ngoài ra, Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như: Trường Đại học Nanyang (Singapore), Trường Đại học IGlobal (Mỹ), Trường Đại học Brescia (Canada), Trường Đại học Canada West, Trường Đại học Gwang Ju (Hàn Quốc), Trường Đại học Hertfortshire (Anh Quốc), các tổ chức giáo dục như: CPA Australia, Edunation Phần Lan, Học viện Lithan (Singapore), Trường Đại học St. Francis (Mỹ).

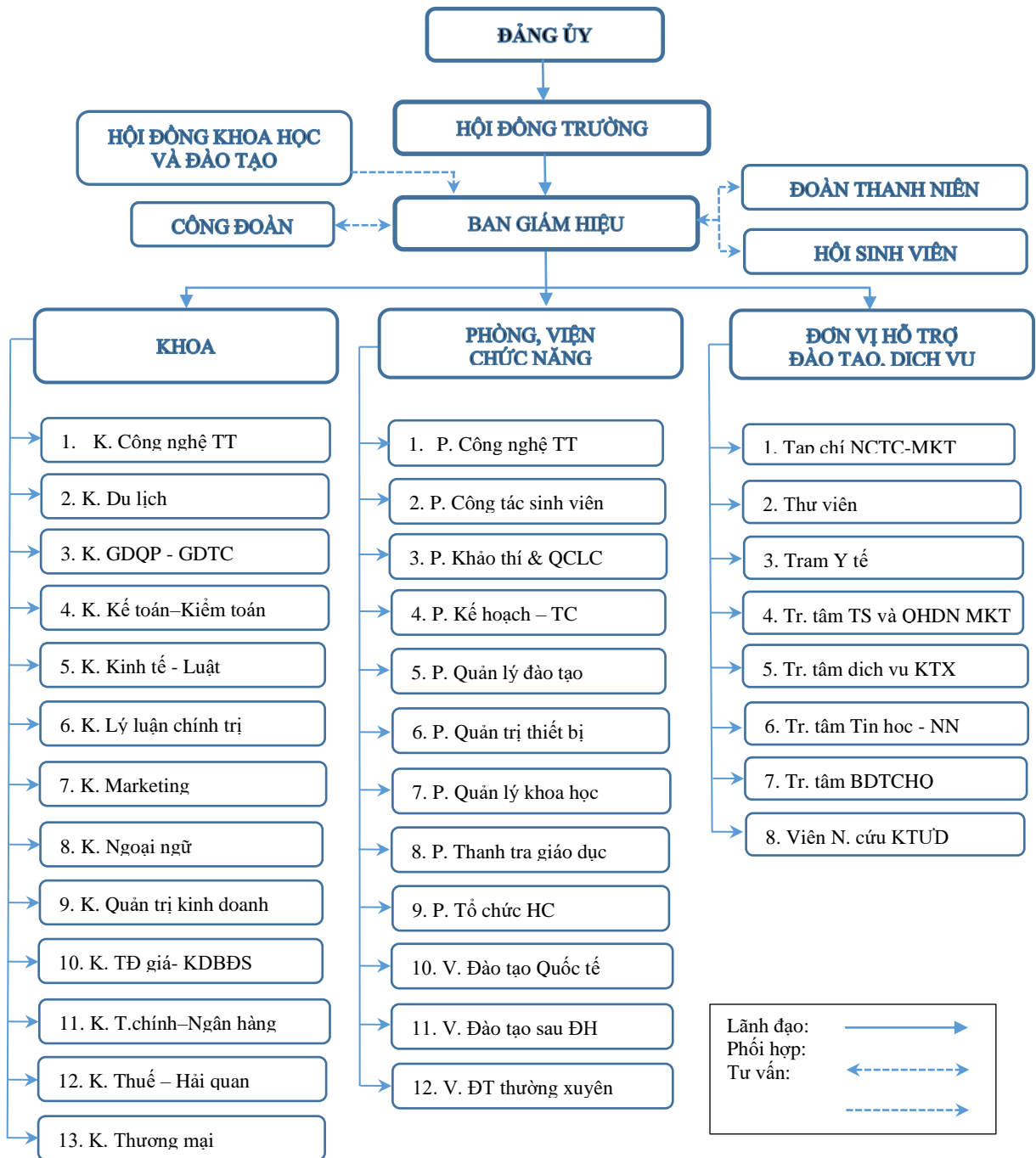
Về CSVC (CSVC), Trường có 1 trụ sở chính tại 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận và 3 cơ sở khác là cơ sở 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình; cơ sở 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7; cơ sở số B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Thủ Đức, cơ sở Long Trường 306 Võ Văn Hát, Long Trường, Tp.Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Các cơ sở có đủ giảng đường, phòng học, phòng thực hành máy tính, trang thiết bị và phương tiện phục vụ giảng dạy, có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe, có Thư viện phục vụ nhu cầu của SV và GV.

Về tài chính, Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Bộ Tài chính được giao tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được thực hiện theo quy định. Các nguồn thu hợp pháp của Trường tuân thủ theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính và các quy định của Hiệu trưởng về mức thu và đối tượng thu.

Về công tác sinh viên (CTSV), Trường luôn quan tâm theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng SV nhằm giải quyết những tâm tư, tình cảm và vướng mắc của SV. Đồng thời, tổ chức nhiều hoạt động hướng SV tham gia vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV và phấn đấu đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về phục vụ cộng đồng (PVCD), từ nhiều năm qua Trường tham gia đóng góp các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ người khó khăn tại các vùng miền trong cả nước. VC của Trường tham gia PVCD qua các chương trình và hoạt động thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, học thuật, hỗ trợ SV, thiện nguyện...

Về hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL), Trường có mạng lưới Tổ ĐBCL tất cả các đơn vị thuộc Trường và xây dựng mô hình ĐBCL bên trong. Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia TP. HCM cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục vào tháng 11/2017; cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 2 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (QTKD, TCNH) và 3 chuyên ngành chương trình Tích hợp trình độ đại học (QTKD tổng hợp, Quản trị Marketing, Ngân hàng) vào tháng 12/2019; cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT trình độ đại học đối với 11 ngành (28 chuyên ngành) vào tháng 6/2022. Đến nay Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình cải tiến chất lượng giáo dục.



### 2.3. Giới thiệu về Khoa Quản trị Kinh doanh

Khoa Quản trị Kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường ĐH bán công Marketing (nay là trường ĐHTCM), tiền thân là Khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing – thành lập năm 1996.

**Sứ mạng của Khoa Quản trị Kinh doanh:** Phấn đấu kiến tạo những trải nghiệm thực tiễn cho SV trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý với các chuyên ngành như QTKD tổng hợp, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án, và hướng đến là Quản trị nguồn nhân lực; có sứ mạng cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng về lĩnh

vực kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Chương trình giảng dạy của Khoa cung cấp cho SV một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh doanh hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lãnh đạo và kinh nghiệm thực tế cần thiết để thành công trong môi trường làm việc toàn cầu, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và sự phát triển của cộng đồng.

**Tầm nhìn của Khoa Quản trị Kinh doanh:** Phần đầu phát triển trở thành một trong số những đơn vị đào tạo, nghiên cứu hàng đầu về kinh doanh và quản lý ở khu vực phía Nam, cả nước và khu vực Đông Nam Á với các CTĐT có chất lượng cao nhất theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu của các DN và tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra.

***Các giá trị cốt lõi của chương trình dạy học của Khoa Quản trị Kinh doanh:***

(1) ***Cam kết về chất lượng:*** Tiếp cận phương pháp giảng dạy và nghiên cứu hiện đại giúp SV đạt được thành công cá nhân và đóng góp cho xã hội;

(2) ***Trách nhiệm xã hội:*** Đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có trách nhiệm và đạo đức trong nghề nghiệp cũng như có trách nhiệm đối với xã hội;

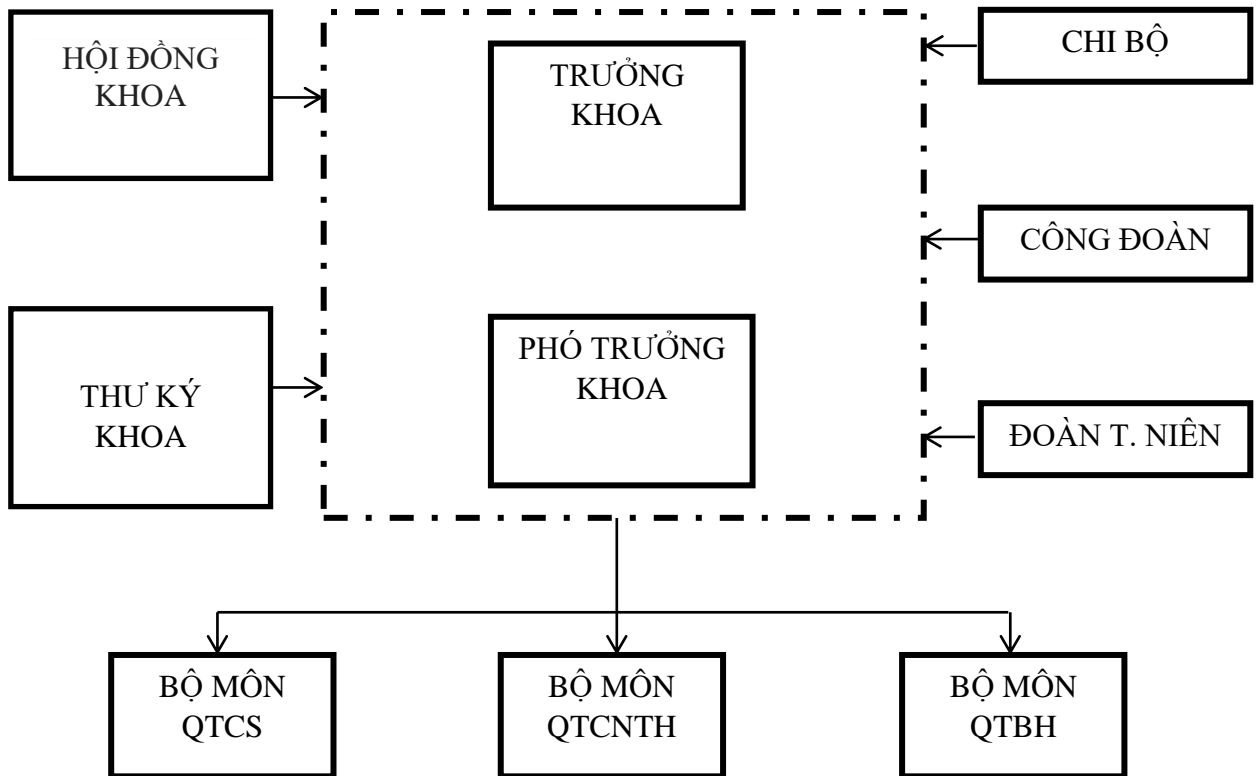
(3) ***Tư duy độc lập:*** Tạo cơ hội cho SV suy nghĩ phân tích và tư duy độc lập trong việc đưa ra quyết định và xây dựng lòng tin;

(4) ***Sáng tạo:*** Khuyến khích, hỗ trợ và khen thưởng cho các nỗ lực liên tục tìm kiếm tri thức và các giá trị tinh thần;

(5) ***Tính chính trực:*** Đào tạo những nhà kinh doanh, nhà quản lý trung thực và đáng tin cậy trong tất cả các hoạt động;

(6) ***Tôn trọng sự khác biệt:*** Giúp SV biết tôn trọng sự khác biệt để nhận ra giá trị của sự đa dạng.

***Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị Kinh doanh:*** gồm có 01 trưởng khoa, 01 phó trưởng khoa, 02 phó trưởng bộ môn, 02 giáo vụ, Hội đồng khoa và các tổ chức Đảng, đoàn thể như chi bộ, tổ công đoàn, đoàn thanh niên. Sơ đồ tổ chức Khoa Quản trị Kinh doanh như sau:



**Hình 1: Sơ đồ tổ chức của Khoa Quản trị Kinh doanh**

**Nhân sự của Khoa Quản trị Kinh doanh:** Tính đến 31/12/2023, khoa QTKD có 03 Bộ môn là Quản trị cơ sở, Quản trị bán hàng và Quản trị chuyên ngành tổng hợp, đội ngũ gồm 37 GV gồm 1 PGS, 14 TS, 22 ThS, đội ngũ GV của Khoa giàu kinh nghiệm quản lý và kinh doanh thực tế; có trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng sư phạm, khả năng ngoại ngữ-tin học, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, tư vấn và hướng dẫn SV; tham gia giảng dạy từ bậc ĐH đến TS của Trường. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có 02 giáo vụ được phân công công việc cụ thể là: công tác hành chính và hỗ trợ các công việc liên quan khác.

**Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm của Khoa Quản trị Kinh doanh:** được chú trọng thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo đủ số lượng và chất lượng đội ngũ GV- viên chức cho Khoa Quản trị Kinh doanh. Đội ngũ GV của Khoa Quản trị Kinh doanh được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng với tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng, công khai cũng góp phần quan trọng cho chiến lược phát triển đội ngũ GV của Khoa và Trường.

**NCKH của Khoa QTKD:** Khoa QTKD tổ chức các Hội thảo cấp Khoa và Trường hằng năm. GV Khoa QTKD tham gia đề tài NCKH cấp Bộ, Sở ban ngành và đề tài nhánh cấp nhà nước; chủ biên giáo trình và bài giảng về lĩnh vực quản trị; có bài báo, kỷ yếu đăng trên tạp chí trong và ngoài trường; tham gia viết sách tham khảo, chuyên khảo. Ngoài ra, SV của Khoa cũng tham gia NCKH và đạt nhiều giải thưởng.



**Hoạt động đào tạo của Khoa QTKD:** Khoa và các Bộ môn xây dựng và phát triển CTĐT cho từng khóa học; triển khai rà soát định kỳ, thường xuyên nội dung CTĐT, đề cương, bài giảng, giáo trình; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá năng lực SV; chú trọng công tác CVHT. Khoa đào tạo chính quy trình độ CĐ ngành QTKD, trình độ ĐH chuyên ngành QTKD TH, QTBH và QTDA. Tính đến nay Khoa đào tạo 17 khóa tuyển sinh; tổ chức đào tạo các lớp bồi dưỡng kỹ năng quản trị, kinh doanh ngắn hạn; thực hiện các dự án tư vấn kinh doanh và tư vấn quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân, DN và các tổ chức xã hội. Khoa đã xây dựng và đào tạo 3 chuyên ngành bậc ĐH: QTKD TH, QTBH, QTDA; đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. CTĐT được xây dựng đúng quy định và trải qua 03 lần điều chỉnh, rà soát tổng thể để hoàn thiện, cải tiến.

**Hoạt động kết nối DN:** được chú trọng thường xuyên, Khoa QTKD có mối liên hệ với nhiều DN như AEON, Savimex, Sagonap, Tôn Hoa Sen, Misa ... qua đó tạo điều kiện cho SV được tham quan DN, trao đổi các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp, kỹ năng cần thiết cho SV và kinh nghiệm khởi nghiệp; hỗ trợ cung cấp thông tin về nhu cầu của xã hội và thị trường lao động, tham gia đóng góp ý kiến về CTĐT của Khoa.

**Quy mô NH:** Khoa tuyển NH đầu vào với số điểm tương đối cao; hiện nay, Khoa QTKD có quy mô hơn 3000 người học các hệ. NH của khoa tốt nghiệp đa số đều có việc làm trong ngành đúng và gần với chuyên ngành đào tạo, và nhiều cựu NH của Khoa hiện đang nắm giữ những vị trí chủ chốt trong các DN và tổ chức chính trị, xã hội.

**Hoạt động CLB (câu lạc bộ) đội nhóm SV:** Khoa QTKD vẫn đang duy trì hoạt động của các CLB: CLB sự kiện; CLB NCKH; CLB khởi nghiệp, CLB nhà lãnh đạo trẻ, CLB tình nguyện. Đây là môi trường tốt để SV rèn luyện, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn.

**Công tác Đảng, đoàn thể:** Chi bộ Khoa QTKD, tổ công đoàn, đoàn thanh niên khoa đã phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo khoa, xây dựng tập thể Khoa Quản lý đoàn kết, tạo động lực to lớn thực hiện chiến lược và mục tiêu của Khoa, Trường đề ra.

**Công tác ĐBCL:** Tổ ĐBCL Khoa QTKD gồm 11 người, thực hiện công tác liên quan đến chất lượng giáo dục do Trường quy định; hệ thống hóa văn bản chứng từ của Khoa và lưu trữ dưới dạng số hóa bằng công cụ Onedrive. Thường xuyên khảo sát hoạt động giảng dạy của Khoa thông qua SV, cựu SV và DN.

**CSVC, trang thiết bị:** Khoa QTKD có 01 văn phòng khoa tại Trụ sở chính 778 Nguyễn Kiệm, P.4, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM. Tại văn phòng Khoa có bố trí phòng làm việc riêng cho Trưởng khoa, khu vực làm việc của bộ phận giáo vụ, khu vực làm việc của GV, khu vực tiếp SV, khu vực họp khoa, bộ môn. Khoa được trang bị đầy đủ dụng

cụ, máy móc, trang thiết bị để thực hiện công tác quản lý đào tạo. Khoa có Website là [www.khoaqtkd.ufm.edu.vn](http://www.khoaqtkd.ufm.edu.vn) cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết như: nội dung CTĐT, CĐR, đội ngũ GV, các hoạt động của Khoa cho tất cả mọi đối tượng từ GV, SV, phụ huynh và xã hội.

Với thời gian gần 24 năm thành lập và phát triển, Khoa QTKD đã xác lập được uy tín đào tạo trên địa bàn các tỉnh phía Nam và dần vươn ra các tỉnh phía Bắc cũng như miền Trung, Tây Nguyên. Là một trong những khoa có nhiều thành tích nổi bật của Trường, Khoa luôn phấn đấu không ngừng để tạo lập môi trường đào tạo chất lượng cao, là sự lựa chọn lý tưởng cho SV. Trong những năm sắp tới, Khoa QTKD sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ nội dung CTĐT tiệm cận với chuẩn khu vực châu Á; phát triển hơn nữa đội ngũ GV có trình độ TS, có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh các chương trình của Khoa và Trường.

## **PHẦN II:**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

#### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.**

##### ***Mở đầu***

Mục tiêu và CĐR của một CTĐT là một trong các thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học, ngành đào tạo với nhu cầu đào tạo của XH. Do đó, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QTKD được xây dựng dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, TLGD, chiến lược dài hạn của Nhà trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của GDĐH đã quy định tại Luật GDĐH, và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CĐR này. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, cụ thể: CTĐT ngành QTKD đã thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT trong Quyết định ban hành CTĐT của Hiệu trưởng số 711/QĐ-ĐHTCM (năm 2018); 1643/QĐ-ĐHTCM (năm 2021); và 2652/QĐ-ĐHTCM (năm 2022) thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.01], Bản mô tả CTĐT và Đề cương chi tiết học phần thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.02]. Trong đó, mục tiêu của

CTĐT ngành QTKD năm 2022 bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.03] như sau:

Về mục tiêu chung: “Mục tiêu chung của chương trình đào tạo giúp người học tiếp thu và hoàn thiện kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, về chính trị và pháp luật, kiến thức kinh doanh và QTKD sâu rộng và toàn diện, kiến thức thực tế vững chắc về kinh doanh và QTKD để làm cơ sở giải quyết những vấn đề QTKD cho doanh nghiệp và tổ chức. Theo chương trình đào tạo này người học thông thạo tiếng Anh để hoạt động chuyên môn trong môi trường toàn cầu; có năng lực chuyên môn sánh vai cùng các nước Đông Nam Á, một số sinh viên có thể đạt được tiêu chuẩn toàn cầu; có kỹ năng nhận thức các vấn đề để phản biện, phân tích, tổng hợp; thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ QTKD mà ngành nghề đặt ra; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành QTKD và chuyên ngành QTKD, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; phát triển được bản thân và tổ chức phù hợp với các tiêu chuẩn pháp lý, đạo đức, trách nhiệm xã hội và phát triển năng lực học tập suốt đời.”

Mục tiêu cụ thể:

“Về kiến thức:

PO1: Trình bày được những kiến thức cơ bản trong khoa học kinh tế, xã hội, kinh doanh và quản trị vào lĩnh vực kinh doanh nói chung và QTKD trong doanh nghiệp nói riêng.

PO2: Phân tích và vận dụng được những lý thuyết nền tảng về kinh doanh và QTKD áp dụng trong quá trình quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đặc biệt có thể làm việc và vận dụng ở các công ty đa quốc gia.

PO3: Làm chủ, thực hiện tốt những vấn đề thuộc chuyên môn và nghiệp vụ chuyên môn căn bản và nâng cao liên quan đến các hoạt động QTKD trong các doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

PO4: Thông thạo tiếng Anh, các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành QTKD để có thể làm việc trong môi trường toàn cầu và hội nhập.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

PO5: Ý thức trách nhiệm cao, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích của khách hàng, của doanh nghiệp và quốc gia.

PO6: Liên tục cập nhật kiến thức mới, làm chủ khả năng tự đào tạo với thái độ học tập suốt đời để nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển của công việc trong bối cảnh kinh doanh và cạnh tranh thay đổi.”

Nhằm định hướng rõ ràng sứ mạng đã đề ra, mục tiêu đào tạo của Khoa QTKD được thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT ngành QTKD, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa đã bám sát vào tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của Khoa để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của CTĐT thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.04]. Mục tiêu đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa hai lần nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành QTKD thể hiện ở minh chứng [H1.01.01.05]. CTĐT cũng được tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ (GV, NH, nhà tuyển dụng) để hoàn thiện mục tiêu đào tạo và xây dựng định hướng đúng đắn cho quá trình dạy và học của Khoa QTKD thể hiện qua minh chứng [H1.01.01.06]. Mục tiêu của CTĐT cũng được đối sánh với các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước như Đại Học Hoa Sen, Đại Học Công Nghệ TPHCM, Đại Học Công Nghệ Queensland, Đại Học St. Joseph’s College, thể hiện qua minh chứng [H1.01.01.07]. Qua đó, mục tiêu của CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế thể hiện qua [H1.01.01.08].

**Bảng 1.1: Tính kết nối giữa Tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành QTKD**

	<b>Trường Đại học Tài Chính – Marketing</b>	<b>Khoa QTKD</b>	<b>Mục tiêu đào tạo ngành QTKD</b>
<b>Tầm nhìn</b>	Đến năm 2045, Trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học hàng đầu Châu Á (theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành một trường đại học có định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam, đồng thời là một trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học	Không ngừng nỗ lực và phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo chất lượng quốc tế hàng đầu cả nước, cung cấp các chương trình đào tạo được kiểm định và đạt chuẩn quốc tế để phục vụ cộng đồng và các thế hệ sinh viên. Hướng tới mục	Mục tiêu chung của chương trình đào tạo giúp người học tiếp thu và hoàn thiện kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, về chính trị và pháp luật, kiến thức kinh doanh và QTKD sâu rộng và toàn diện, kiến thức thực tế vững chắc về kinh doanh và QTKD để làm cơ sở giải quyết những vấn đề QTKD cho doanh nghiệp và tổ chức. Theo

	và công nghệ có uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh quản lý của Việt Nam và khu vực ASEAN.	tiêu lâu dài và phát triển bền vững.	chương trình đào tạo này người học thông thạo tiếng Anh để hoạt động chuyên môn trong môi trường toàn cầu; có năng lực chuyên môn sánh vai cùng các nước Đông Nam Á, một số sinh viên có thể đạt được tiêu chuẩn toàn cầu; có kỹ năng nhận thức các vấn đề để phản biện, phân tích, tổng hợp; thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ QTKD mà ngành nghề đặt ra; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành QTKD và chuyên ngành QTKD, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; phát triển được được bản thân và tổ chức phù hợp với các tiêu chuẩn pháp lý, đạo đức, trách nhiệm xã hội và phát triển năng lực học tập suốt đời.
<b>Sứ mạng</b>	Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội, nghiên cứu và chuyên giao những thành tựu khoa học công nghệ về kinh doanh và quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đạt chuẩn quốc tế đặc biệt ở các lĩnh vực kinh doanh và quản lý và tài chính nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội hiện nay và mai sau.	

*Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành QTKD với mục tiêu GDDH của Luật GDDH được thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể:* Đối với mục tiêu chung trong luật GDDH là “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” thì mục tiêu chung trong CTĐT ngành QTKD là “Mục tiêu chung của chương trình đào tạo giúp người học tiếp thu và hoàn thiện kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, về chính trị và pháp luật, kiến thức kinh doanh và QTKD sâu rộng và toàn diện, kiến thức thực tế vững chắc về kinh doanh và QTKD để làm cơ sở giải quyết những vấn đề QTKD cho doanh nghiệp và tổ chức. Theo chương trình đào tạo này người học thông thạo tiếng Anh để hoạt động chuyên môn trong môi trường toàn cầu; có năng lực chuyên môn sánh vai cùng các nước Đông Nam Á, một số sinh viên có thể đạt được tiêu chuẩn toàn cầu; có kỹ năng nhận thức các vấn đề để phản biện, phân tích, tổng hợp; thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ QTKD mà ngành nghề đặt ra; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành QTKD và chuyên ngành QTKD, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; phát triển được bản thân và tổ chức phù hợp với các tiêu chuẩn pháp lý, đạo đức, trách nhiệm xã hội và phát triển năng lực học tập suốt đời.”. Bên cạnh đó, cử nhân ngành QTKD cũng có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý và vận dụng hiệu quả các kiến thức ngành để làm việc trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, xuất nhập khẩu, logistic, bảo hiểm ngoại thương, thanh toán quốc tế. Cử nhân QTKD còn phát triển nghề nghiệp bản thân trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập toàn cầu.

*Đối với mục tiêu cụ thể theo luật GDDH là “Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”. Điều này được cụ thể hóa thành sáu mục tiêu cụ thể trong CTĐT ngành QTKD từ PO1 đến PO6 gồm:*

**PO1:** Trình bày được những kiến thức cơ bản trong khoa học kinh tế, xã hội, kinh doanh và quản trị vào lĩnh vực kinh doanh nói chung và QTKD trong doanh nghiệp nói riêng.

**PO2:** Phân tích và vận dụng được những lý thuyết nền tảng về kinh doanh và QTKD áp dụng trong quá trình quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đặc biệt có thể làm việc và vận dụng ở các công ty đa quốc gia.

**PO3:** Làm chủ, thực hiện tốt những vấn đề thuộc chuyên môn và nghiệp vụ chuyên môn căn bản và nâng cao liên quan đến các hoạt động QTKD trong các doanh nghiệp.

**PO4:** Thông thạo tiếng Anh, các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành QTKD để có thể làm việc trong môi trường toàn cầu và hội nhập.

**PO5:** Ý thức trách nhiệm cao, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích của khách hàng, của doanh nghiệp và quốc gia.

**PO6:** Liên tục cập nhật kiến thức mới, làm chủ khả năng tự đào tạo với thái độ học tập suốt đời để nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển của công việc trong bối cảnh kinh doanh và cạnh tranh thay đổi.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu xã hội, chiến lược phát triển của trường và luật GDĐH. Theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CDR như đã đề cập. Khoa QTKD thành lập đội ngũ rà soát, soạn thảo CTĐT là những người có chuyên môn cao và kinh nghiệm thuộc ngành của Khoa và của Trường. CTĐT được thẩm định và thông qua bởi Hội đồng thẩm định gồm những chuyên gia đến từ các trường đại học có uy tín và các tổ chức kinh doanh và nghề nghiệp ở Việt Nam, HĐ.KHĐT của Khoa, của Trường. Sau khi CTĐT được HĐ.KH-ĐT thẩm định, Hiệu trưởng Nhà trường ký quyết định ban hành để triển khai vào thực tiễn thể hiện ở [H1.01.01.09].

## ***2. Điểm mạnh***

Mục tiêu của CTĐT QTKD được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT QTKD được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

## ***3. Điểm tồn tại***

Việc khảo sát đánh giá của người học, người sử dụng lao động chưa đa dạng đối tượng, chưa thường xuyên tổ chức hội thảo về chương trình đào tạo.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Khoa QTKD tiếp tục lập danh sách cụ thể các tổ chức/DN, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT.

*Khắc phục tồn tại:* Năm 2024 - 2025, Khoa tiếp tục tham khảo các trường ĐH trong và ngoài nước có đào tạo ngành QTKD, xây dựng kế hoạch đánh giá đồng cấp để rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)**

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng trong Quyết định công bố CĐR các ngành đào tạo của Trường ban hành năm 2018 và 2021 thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.03]. Chuẩn đầu ra được thiết kế có tính hệ thống với mục tiêu cụ thể của CTĐT, bao gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ học phần (HP) thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT ngành QTKD được xác định và tuyên bố rõ ràng theo các mục tiêu cụ thể: (1) Về kiến thức gồm 4 CĐR, LO-1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành học vào thực tế kinh doanh của tổ chức; LO-2: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và thực hành công việc trong môi trường toàn cầu; kiến thức về công nghệ thông tin chuyên ngành phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo; LO-3: Sử dụng các kiến thức về kinh tế, kinh doanh, tài chính, kế toán, thống kê và nghiên cứu trong kinh doanh giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động quản trị các chức năng của doanh nghiệp và QTKD; LO-4: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, phân tích, tổng hợp và đánh giá các hoạt động QTKD của doanh nghiệp, lý thuyết và thực tiễn về hoạt động kinh doanh và QTKD, đặc biệt các hoạt động quản trị các chức năng bên trong doanh nghiệp (2) Về kỹ năng gồm 4 CĐR: LO-5: Có kỹ năng để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong môi trường hoạt động kinh doanh, có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực kinh doanh; LO-6: Kỹ năng thực hiện các hoạt động QTKD diễn ra nhịp nhàng ổn định, truyền đạt, thông tin và xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tế hoạt động QTKD của doanh nghiệp; LO-7: Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có kỹ năng thực hiện thành thạo nghiệp vụ chuyên môn trong hoạch định, tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; LO-8: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (3) Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm gồm 2 CĐR, LO-9: Có khả năng chấp nhận áp lực cao, không ngại khó khăn, có niềm tin, tự định hướng, xây dựng kế hoạch cá nhân để thích nghi với công việc, nghề nghiệp Marketing, có khả



năng đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.; LO-10: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm đối với xã hội, có tính kỷ luật trong công việc và trong tổ chức, có tác phong chuyên nghiệp, có phẩm chất tự làm việc độc lập, làm việc nhóm và tinh thần nghiên cứu và tự học hỏi suốt đời. Nhìn chung, 10 mục được thiết kế trong CĐR đã khái quát và đáp ứng toàn bộ yêu cầu mà mục tiêu cụ thể trong CTĐT đã xác định thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT ngành QTKD được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP. Trong đó mỗi CĐR của các HP được thiết kế phải đóng góp vào việc đạt được một trong các CĐR của CTĐT thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.05]. CĐR của CTĐT QTKD được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, căn cứ vào ma trận giữa mục tiêu – CĐR thể hiện ở minh chứng [H1.01.02.08]. Chuẩn đầu ra của CTĐT QTKD thể hiện được các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, NH còn có khả năng theo học tiếp tục ở bậc học cao hơn là ngành QTKD và các ngành liên quan khác như: Marketing hay Kinh doanh quốc tế.

Khoa QTKD đã xây dựng kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động trong vòng 5 năm và lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR khi xây dựng CTĐT thể hiện qua minh chứng [H1.01.02.09]. Thông qua các biên bản đóng góp ý kiến, Khoa đã tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT để đáp ứng CĐR phù hợp. Qua đó giúp GV, NH và các DN hiểu rõ hơn, đánh giá đúng chất lượng đào tạo ngành QTKD của trường Đại học Tài chính Marketing thể hiện qua minh chứng [H1.01.02.10].

## ***2. Điểm mạnh***

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chi rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của BGD&ĐT.

## ***3. Điểm tồn tại***

Khoa QTKD chưa thực sự chủ động trong việc khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, GV, chuyên gia và nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành QTKD

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 - 2025, được sự chỉ đạo của BGH nhà trường, Khoa QTKD phối hợp các phòng chức năng: Phòng KT&ĐBCL, Phòng QLĐT và các tổ chuyên môn triển khai bộ CĐR và CTĐT theo hướng tiếp cận Luật giáo dục

mới; Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan tới CĐR của CTĐT.

*Khắc phục tồn tại:* Khoa định kỳ 2 năm tiến hành đánh giá và điều chỉnh lại CTĐT QTKD nhằm nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với CĐR.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)**

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT, nhà Trường yêu cầu phải thực hiện có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Nhà trường phân công Hội đồng KH & ĐT trường, Phòng QLĐT, Phòng QLKH là đơn vị chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa thực hiện việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Qua đó, Khoa QTKD lấy ý kiến của chuyên gia, GV, NH, cựu NH, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức như đóng góp trực tiếp tại hội đồng nghiệm thu CTĐT hoặc bằng phiếu khảo sát thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.01]. Quá trình rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo kế hoạch định kỳ của nhà trường, lần gần nhất vào năm 2019 và năm 2021. Năm 2019 và 2021 HĐKH & ĐT Trường họp rà soát và ban hành quyết định thông qua CĐR của CTĐT QTKD định hướng ứng dụng, đồng thời cập nhật, chỉnh sửa CĐR của CTĐT QTKD định hướng ứng dụng thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.01] và [H1.01.03.02]. Tất cả các kết quả của việc rà soát, cập nhật, chỉnh sửa được thể hiện bằng biên bản, Khoa sẽ sử dụng làm căn cứ xây dựng CĐR của CTĐT gửi về Phòng QLĐT, trình qua HĐKH & ĐT Trường để họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành công khai bằng nhiều hình thức đến các Khoa, phòng chức năng GV, NH để thực hiện thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.04].

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành QTKD phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. CĐR được xây dựng trên tài liệu khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành QTKD thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.03], có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, GV, NH và DN bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.05]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan khi cập nhật CTĐT ngành QTKD, Khoa QTKD chú ý tập trung về việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và việc thiết kế các HP trong CTDH để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT hướng tới đáp ứng được CĐR của ngành đào tạo. Đó là sự cam kết của Khoa,

Nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.03] và [H1.01.03.06].

CĐR của CTĐT ngành QTKD được rà soát, cập nhật theo kế hoạch cập nhật chỉnh sửa của CTĐT từ năm 2019, 2021 với những nội dung được biên soạn theo thông báo của Trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình triển khai thực hiện CĐR của CTĐT được ban hành mỗi năm cùng với CTĐT. Tuy nhiên quá trình rà soát, cập nhật có thể thay đổi hoặc giữ nguyên nội dung cơ bản theo CĐR đã ban hành. Năm 2019 và 2021, nhà trường rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại CĐR của CTĐT. Khoa có lập kế hoạch đề xuất nhóm chuyên môn cùng nhau thảo luận và rà soát bảng ma trận của các HP với CĐR, để khẳng định sự phù hợp của CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT thể hiện ở [H1.01.03.04].

Chuẩn đầu ra của CTĐT QTKD được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường để NH biết được các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo, đồng thời cũng là để CB quản lý, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn thể hiện ở minh chứng [H1.01.03.07] và [H1.01.03.08].

## ***2. Điểm mạnh***

CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp, có lấy ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố công khai trên website Trường, website Khoa, cổng thông tin đào tạo và được thể hiện cụ thể trong từng năm học ở từng học phần.

## ***3. Điểm tồn tại***

Quá trình xây dựng CĐR chưa mở rộng lấy ý kiến được nhiều DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng CĐR của CTĐT. Việc tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan có thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD tiếp tục thực hiện rà soát và hoàn thiện các CĐR CTĐT theo hướng tiếp cận của BGD&ĐT.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý GD, các DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CĐR của CTĐT và kết quả đầu ra của NH.

**5. Tự đánh giá:** Đạt (4/7).

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:**

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu XH và hội nhập toàn cầu và phù hợp với mục tiêu GDĐH của luật GDĐH. Mục tiêu được thiết kế, xây dựng dựa trên cơ sở kết quả khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phân thành 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học khi ra trường, bao quát được yêu cầu chung và một số yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo định hướng tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp, có lấy ý kiến của các BLQ. CĐR được công bố công khai trên website Trường, website Khoa, cổng thông tin đào tạo và được thể hiện cụ thể trong từng năm học ở từng học phần.

**Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:**

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay. Sự gắn kết giữa Khoa QTKD với nhà tuyển dụng để nắm bắt nhu cầu từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế.

**Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:**

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 4. Mức trung bình: 4,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

## **TIÊU CHUẨN 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT Tích hợp ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của BGDĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và của Khoa QTKD gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần

cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, PP KTĐG KQHT của người học. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Bản mô tả CTĐT Tích hợp ngành QTKD có đầy đủ các nội dung. Từ năm 2004, ngành QTKD được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo theo Quyết định số 3299 /QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT & Quyết định số 5789/QĐ-BGDĐT năm 2012 của Bộ GD&ĐT về việc đào tạo bằng ĐH thứ 2 [H2.02.01.01]. Đến năm 2019, CTĐT được điều chỉnh để phù hợp với quy định của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 03/02/2016, Bản mô tả CTĐT bao gồm các nội dung chính [H2.02.01.02], như sau: Tên CTĐT; tên gọi của văn bằng; cơ sở đào tạo; Mục tiêu đào tạo; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc CTĐT; Đối tượng tuyển sinh; Mô hình đào tạo; Phương pháp dạy và học; Quy trình đào tạo; Thang điểm đánh giá; Kế hoạch giảng dạy; Thời gian đào tạo và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Ma trận kỹ năng; Nội dung tóm tắt các học phần; Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được công bố đa dạng và theo các hình thức gồm: tài liệu tuyển sinh (tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh), sinh hoạt đầu khóa, trang thông tin điện tử để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Qua đó, các bên liên quan (GV, NH, nhà tuyển dụng) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng thiết thực [H2.02.01.05].

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa đã có 03 phiên bản mô tả CTĐT của các năm 2019, 2021 và 2022 [ H2.02.02.02].

Bản mô tả CTĐT Tích hợp ngành QTKD được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan; được rà soát và cập nhật các nội dung mới nhất về mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc CTĐT và ma trận kỹ năng [H2.02.01.06].

Từ năm 2015 đến năm 2021, CTĐT ngành QTKD được xây dựng và áp dụng đào tạo nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành cũng thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (i) Mục tiêu đào tạo; (ii) CĐR; (iii) Kế hoạch giảng dạy, (iv) ĐCCT các học phần. Năm 2021 Khoa tiếp tục cập nhật, điều chỉnh theo hướng quốc tế hoá mục tiêu đào tạo và CĐR cụ thể thông qua ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, PP đánh giá hiệu quả, cùng với nhiều học phần mới gắn liền với sự phát triển của ngành, phù hợp với điều kiện CSVC của Trường và phù hợp với tiêu chuẩn kiểm định chất

lượng giáo dục và bắt đầu xây dựng bản mô tả vào thời gian này. Năm 2019, do BGDĐT điều chỉnh tên và số tín chỉ các học phần, ma trận chuẩn đầu ra nên bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo yêu cầu của BGDĐT.

Hàng năm, Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, triển khai theo kế hoạch [H2.02.01.07]. Trong quá trình điều chỉnh, bổ sung Bản mô tả CTĐT chương trình Tích hợp ngành QTKD năm 2021 và năm 2022, Trường đã tham khảo ý kiến các BLQ [H2.02.02.07], tham khảo, đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với các trường trong nước và của nước ngoài như: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, National University of Singapore, Swinburne University of Technology [H2.02.01.08].

Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang điện tử của Trường và Khoa để NH tham khảo, đồng thời cũng được cập nhật trong các tài liệu quảng bá, phổ biến trong buổi gặp mặt đầu khoá của NH [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

## ***2. Điểm mạnh***

Bản mô tả CTĐT Tích hợp ngành QTKD thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức.

Bản mô tả CTĐT được bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR cụ thể.

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ.

## ***3. Điểm tồn tại***

Một số HP trong khối kiến thức chuyên ngành chưa cập nhật thường xuyên theo nhu cầu xã hội.

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 – 2025, Khoa sẽ cải tiến và cập nhật CTĐT theo hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của NH.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ chỉ đạo Hội đồng khoa học Khoa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CDR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ. Bản mô tả CTĐT, ma trận CDR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).***

## ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trường đã ban hành hướng dẫn về mẫu đề cương HP, theo đó tất cả (100%) đề cương HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: tên đơn vị phụ trách, tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên HP; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của HP; cấu trúc HP; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo... [H2.02.02.01].

Tất cả (100%) đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, điều chỉnh HP của CTĐT chương trình Tích hợp ngành QTKD được rà soát, điều chỉnh hai lần và vào các năm 2021 và 2022 [H2.02.02.02]. Căn cứ vào thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT về Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT về quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Nhà trường ban hành quy trình triển khai hoạt động đào tạo, quy trình xây dựng CTĐT và đánh giá cập nhật chỉnh sửa CTĐT [H2.02.02.03].

So với phân rà soát, điều chỉnh năm 2021/2018 thì lần rà soát điều chỉnh năm 2022/2021 đã có nhiều thay đổi: tập trung thực hiện đối với CĐR giảm từ 29 CĐR ở CTĐT năm 2018 và 18 ở CTĐT 2021 xuống còn 10 cho CTĐT 2022; bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT. Bổ sung các điều kiện tiên quyết, tiến trình đào tạo các HP; chỉnh sửa về hình thức trình bày; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; PP giảng dạy – học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỷ trọng điểm, ...); bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của HP; cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc [H2.02.02.06].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của Trường và của Khoa; qua gặp tuần sinh

hoạt công dân đầu của NH, các bên liên quan và gửi trực tiếp cho NH qua Tài liệu sinh hoạt công dân NH đầu khóa [H2.02.02.03]

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương chi tiết học phần có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CDR môn học gắn kết với CDR của CTĐT. Các đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành QTKD. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP chỉ chú trọng vào giảng viên và NH mà chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết HP phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm 2024 – 2025, Khoa QTKD tổ chức khảo sát lấy ý kiến đối với người sử dụng lao động các nội dung liên quan đến đề cương các HP có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng từ đơn vị người sử dụng lao động. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD .

## **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả Chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

### **1. Mô tả hiện trạng**

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT sau khi được cập nhật, được HĐKH & ĐT của Khoa thông qua và phê duyệt chính thức để áp dụng [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT được công khai toàn bộ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả các hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyển sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa hoặc công bố thông qua website của Trường và của Khoa (gián tiếp). Đối với các HP, tất cả ĐCCT học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT được đăng ở dạng file điện tử trên trang thông tin điện tử của Khoa và NH có thể truy cập bằng tài khoản là email của Trường cung



cấp. Qua đó, NH có thể tham khảo về nội dung của học phần để lựa chọn học phần phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT học phần được giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.03.02].

Trường đã ban hành Quyết định công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.03]. Hệ thống công nghệ thông tin được ứng dụng để đăng tải Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa để NH có thể tự tham khảo trong quá trình học tập [H2.02.03.04]. Điều này giúp NH có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo liên quan đến môn học và tự học tại nhà.

Các BLQ gồm cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Bản mô tả CTĐT chương trình Tích hợp ngành QTKD được công bố một phần trong tài liệu tuyển sinh để giới thiệu đến học sinh, phụ huynh và các đối tượng có quan tâm. Trong tuần lễ sinh hoạt công dân học sinh SV đầu khóa, các nội dung của bản mô tả CTĐT cũng được hướng dẫn cụ thể để SV dễ tra cứu và tìm hiểu [H2.02.03.05].

Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả học phần ngành QTKD đều được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp. Vì vậy, GV và NH có tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.06].

Hàng năm, Trường/Khoa đều khảo sát ý kiến của GV, NH về CTĐT, ý kiến NH về hoạt động giảng dạy hàng năm cho thấy, trên 90% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ”; trên 80% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “GV giới thiệu đề cương môn học và kết quả học tập mong đợi ngay từ buổi học đầu tiên” [H2.02.03.07].

## ***2. Điểm mạnh***

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần được công bố công khai, đầy đủ với nhiều hình thức khác nhau giúp cho các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong đào tạo và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các học phần để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

## ***3. Điểm tồn tại***

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT Tích hợp ngành QTKD còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

Khoa chưa thiết kế kênh phản hồi tự động (khảo sát tự động) các bên liên quan về mục đích sử dụng thông tin trong bản mô tả CTĐT và DCCT, thông tin nào được các bên liên quan quan tâm nhiều.

#### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Người học được tiếp cận chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các HP thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Phòng Quản lý Khoa học và Khoa QTKD sẽ tăng cường tìm kiếm các kênh để công khai bản mô tả CTĐT, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ.

Thiết kế kênh phản hồi tự động (khảo sát tự động) các bên liên quan sẽ giúp Khoa QTKD có nhiều kênh thông tin hơn, thông tin cập nhật tức thời hơn cho việc rà soát, đánh giá CTĐT và xây dựng, cập nhật đề cương chi tiết các học phần.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

##### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2:***

##### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Bản mô tả CTĐT và bản mô tả DCCT các HP chương trình Tích hợp ngành QTKD đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật. Đề cương các HP được thiết kế và chuẩn hoá đúng quy định; các đề cương HP liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của Hội đồng khoa học cấp trường, cấp khoa, các GV, cựu NH, các đơn vị tuyển dụng và của các nhà chuyên môn.

##### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến khảo sát của GV và NH. Việc lấy ý kiến của cựu NH, nhà tuyển dụng còn ít và chưa đa dạng.

##### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:***

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 4. Mức trung bình: 4,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

### **TIÊU CHUẨN 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***Mở đầu***

Chương trình dạy học ngành QTKD được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ GD&ĐT, Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của ngành QTKD trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực

của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành QTKD được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Theo quy chế đào tạo Đại học của Bộ GD & ĐT và quy chế đào tạo của Trường [H3.03.01.01]. CTDH được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành QTKD. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể như: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

Trong chương trình dạy học, mỗi học phần có vai trò nhất định để góp phần đạt được CĐR, cụ thể theo ma trận kỹ năng [H3.03.03.04]. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR. Theo đó, CTDH gồm 134 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó:

- Kiến thức đại cương	: 43 tín chỉ	Tỉ lệ: 32 %
- Kiến thức chuyên nghiệp	: 85 tín chỉ	Tỉ lệ: 63.5 %
+ Kiến thức cơ sở ngành	: 40 tín chỉ	Tỉ lệ: 30 %
+ Kiến thức ngành	: 39 tín chỉ	Tỉ lệ: 29 %
+ Kiến thức bổ trợ	: 6 tín chỉ	Tỉ lệ: 4.5 %
- Tốt nghiệp	: 6 tín chỉ	Tỉ lệ: 4.5 %

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa QTKD thực hiện và cập nhật theo triết lý khác nhau từng năm, CTDH được xây dựng theo hướng phát triển năng lực của người học. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa QTKD xác định “*hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Khoa QTKD gắn liền với hoạt động thực tiễn ...*” nhằm đào tạo đội ngũ NH có kiến thức vững vàng và năng lực thực hành nghề nghiệp tốt có chất lượng và uy tín.

Việc giảng dạy và học tập của ngành QTKD được thực hiện kết hợp các phương pháp giảng dạy, học tập trực tiếp trên lớp và các phương pháp giảng dạy theo định hướng

thực hành. Đối với các học phần cơ sở ngành, phương pháp giảng dạy chủ yếu sử dụng thuyết giảng kết hợp với thảo luận nhóm, thuyết trình. Đặc biệt, NH ngành QTKD cần đạt được yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp như khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề về quản trị trong doanh nghiệp. Do đó, CTDH được thiết kế có các tiết thực hành và các buổi kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp [H3.03.01.05], [H3.03.01.06].

CTDH được triển khai thực hiện cụ thể theo kế hoạch qua các năm và phân bổ GV phụ trách từng môn học phù hợp cụ thể theo Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]. NH phải thực hiện theo kế hoạch thực hiện CTDH này đối với từng khối kiến thức cụ thể để đạt được các CĐR cần thiết của CTĐT ngành QTKD. Quá trình xây dựng CTDH có sự tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H3.03.01.09].

Hàng năm, Khoa QTKD đã phối hợp với phòng Khảo thí & ĐBCL tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ để tổng hợp và phân tích kết quả nhằm đưa ra các định hướng hoàn thiện CTDH ngành QTKD [H3.03.01.10].

## **2. Điểm mạnh**

Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan đối với CTDH chỉ chú trọng vào NH, các đối tượng khác chưa được quan tâm nên CTDH có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế tại các doanh nghiệp.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa QTKD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)**

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% các môn học/ HP trong CTDH được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng rèn luyện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, sau đó xác định CĐR HP để đạt mục tiêu, từ đó mới xây dựng nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR HP. Điều này thể hiện rõ nét trong CTDH, ĐCHP, Ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT. Mặt khác, các HP tự chọn sẽ giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi HP tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR [H3.03.02.02].

Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV. Đối với các học phần có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ môn học tiên quyết. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR.

Các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PP dạy và học, PP KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận “Mối liên hệ giữa Chiến lược và PP dạy-học để đạt được CĐR” và ma trận “Mối liên hệ giữa PP đánh giá nhằm đạt CĐR” [H3.03.02.02]. Việc xây dựng ĐCCT các học phần luôn đảm bảo đề cương có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐT; mỗi bài học đáp ứng CĐR nào của học phần. Các PP giảng dạy phù hợp với từng học phần được quy định rõ trong ĐCCT của từng học phần. Để đảm bảo việc đạt CĐR trong mỗi học phần, kỳ thi kết thúc học phần được thực hiện bằng các hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp và được Khoa QTKD quy định trước, GV phải thông báo cho NH ngay buổi học đầu tiên [H3.03.02.04]. Trong từng PP đánh giá, GV phải ghi rõ đáp ứng với CĐR nào của học phần và có đáp án rõ ràng. Mỗi học kỳ Khoa

QTKD tổ chức họp mặt toàn thể GV tham gia giảng dạy để thống nhất nội dung giảng dạy và hình thức thi. Dựa vào các tiêu chí đánh giá SV được quy định trong Quy chế đào tạo của BGDĐT, trong Quy chế đào tạo của Nhà trường. Khoa QTKD đã biên soạn cụ thể thành các hướng dẫn thực hiện Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Chuyên đề tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp nhằm thực hiện PP đào tạo kết hợp lý luận với thực tiễn [H3.03.02.05].

Hàng năm, Khoa QTKD phối hợp với phòng Khảo thí & ĐBCL đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các BLQ về hoạt động giảng dạy, đánh giá tính phù hợp của môn học, các PP KTĐG KQHT [H3.03.02.06]. Qua đó, Khoa QTKD tiến hành cập nhật, điều chỉnh nội dung CTDH, đáp ứng CĐR ngày càng phù hợp với nhu cầu XH hơn và công bố rộng rãi đến các bên có liên quan thông qua website của trường, Khoa QTKD [H3.03.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi học phần trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR.

Các học phần trong CTDH ngành KDQT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu SV, SV phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 -2025, Khoa QTKD tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTDH.

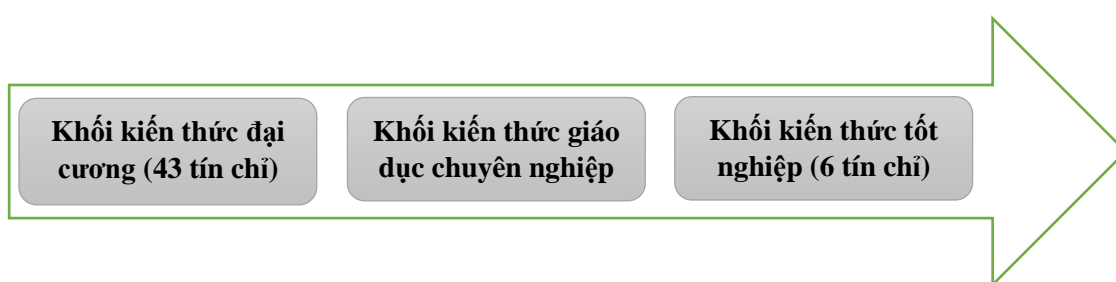
*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2023 - 2024, Khoa QTKD thay đổi cách thức và PP trong việc thu thập các thông tin, ý kiến đóng góp của các NTD, cựu NH, NH năm cuối để phục vụ tốt hơn cho việc xây dựng và cập nhật CĐR của CTĐT và của các học phần để kịp thời đáp ứng các yêu cầu của XH.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)**

**Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Tất cả các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành QTKD được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực quản trị [H3.03.03.01]. CTDH ngành QTKD được xây dựng phân bổ trên các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và học phần tốt nghiệp và gắn kết chặt chẽ với nhau.



**Hình 2: Mối liên kết giữa các khối kiến thức**

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Viện đào tạo quốc tế nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch [H3.03.03.02]. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4 năm [H3.03.03.03]. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên sâu. Đồng thời, các học phần thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn về pháp luật trên giảng đường. Năm học cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các cơ sở hành nghề luật và làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực QTKD trong tương lai.

Chương trình dạy học có 138 tín chỉ, được chia thành 4 năm học, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho SV, gồm: chương trình dạy học được thể hiện qua trình tự các học phần theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các học phần ở học kỳ trước là nền tảng cho các học phần ở học kỳ tiếp theo [H3.03.03.04].

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy ở các học kỳ của hai năm học đầu tiên (từ học kỳ 1 đến học kỳ 6) và được phân bổ rải rác trong các học kỳ này để tránh sự nhàm chán cho NH. Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: như học phần Nhập môn ngành QTKD như Quản trị học được giảng dạy ngay học kỳ đầu tiên của năm 2. Các học phần chuyên ngành cơ bản được bố trí theo trình tự từ các học phần như Quản trị bán hàng đến Quản trị chuỗi cung ứng được bố trí trong năm học thứ ba (học kỳ 7 đến học kỳ 9), NH tập trung học các học phần chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, khóa luận tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT [H3.03.03.04]. Nhờ đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CDR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.03.05], [H3.03.03.06].

Đặc biệt, CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/1 lần. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CTDH ngành QTKD được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường [H3.03.03.07], [H3.03.03.08]. Dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan như NH, GV và nhà tuyển dụng [H3.03.03.09], CTDH được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động.

Từ năm 2019 đến nay, CTDH ngành QTKD liên tục được rà soát, điều chỉnh và đã được HĐKH thẩm định ban hành [H3.03.03.10], [H3.03.03.11].

CTĐT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa QTKD đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTĐT của một số CSGD uy tín khác trong và ngoài nước như ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH HELP (Malaysia), ĐH Thompson River, ĐH Concord (Hoa Kỳ) [H3.03.03.12]. Điều này giúp đảm bảo CTĐT ngành QTKD phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành QTKD ở Việt Nam hiện nay.

Đồng thời, CTDH có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp. Sau khi tích lũy đủ kiến thức, NH sẽ làm khóa luận tốt nghiệp. Tỷ lệ các môn học tự chọn được thiết kế cân đối trong tổng số tín chỉ của CTDH. Nhờ vậy, SV có thể đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau.

## **2. Điểm mạnh**



Các HP trong CTDH ngành QTKD được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và thực tập tốt nghiệp đảm bảo sự gắn kết và liền mạch tạo thành một khối thống nhất.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

### ***3. Điểm tồn tại***

Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

### ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa QTKD tăng cường công tác tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên và cải tiến phương pháp dạy và học.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD sẽ tiến hành tổ chức hội thảo, tọa đàm hoặc các hình thức thăm dò khác để thu thập ý kiến NTD và các về CTDH.

### ***5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).***

#### ***Kết luận về tiêu chuẩn 3:***

#### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Trường ĐH Tài Chính - Marketing, Khoa QTKD đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình dạy học của các trường ĐH có uy tín trong nước và khảo sát các bên có liên quan nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội.

Ngành QTKD được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các DN sử dụng các NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

#### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số ĐCCT của học phần không thuộc ngành quản lý chưa có tổ hợp các PP KTĐG để đạt CĐR. Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách cụ thể về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CĐR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

#### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:***

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 4 trở lên. Mức trung bình: 4,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

## **TIÊU CHUẨN 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

### ***Mở đầu***

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay triết lý giáo dục là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở đào tạo xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục, Khoa QTKD, cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo triết lý giáo dục.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trường và Khoa có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD hoặc mục tiêu giáo dục. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính - Marketing là “Thực chất – Đổi mới sáng tạo – Hội nhập” được Hiệu trưởng ký tuyên bố chính thức bằng văn bản vào ngày 17/10/2022. Khoa thống nhất sử dụng TLGD này và chuyển tải thành TLGD của Khoa đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, được Trường khoa ký ban hành [H4.04.01.01].

Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. TLGD của Trường được toàn thể cán bộ, lãnh đạo Nhà trường cùng tham gia thảo luận để thống nhất. Từ đó, GV, NV của Khoa QTKD cũng đã họp thảo luận để cụ thể hóa dựa trên TLGD của Nhà trường. Vì vậy, GV và NV của Khoa hiểu rõ, chuyển tải trực tiếp vào các hoạt động dạy và học, gồm: Đề án xây dựng và triển khai mô hình gắn kết đào tạo giữa Trường Đại học Tài chính – Marketing và các doanh nghiệp; Kế hoạch tổ chức chương trình kiến tập cho SV ngành QTKD. Nhằm thực hiện thực học thực hành, Nhà trường đã có xây dựng mô hình gắn kết đào tạo giữa Trường với Doanh

nghiệp, Khoa đã thực hiện thỏa thuận với doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động thực tiễn cho NH [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục của Trường và Khoa được phổ biến tới các BLQ với nhiều hình thức khác nhau. Triết lý giáo dục của Trường được đăng tải trên website Trường, TLGD của Khoa được đăng tải trên website của Khoa [H4.04.01.03]. Ngoài ra, TLGD của Nhà trường được treo tại các sảnh, phòng họp trong Trường để phổ biến đến GV, NV, NH, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. SV còn được phổ biến TLGD thông qua sinh hoạt công dân đầu khóa. GV thường xuyên được phổ biến để chuyển tải TLGD vào trong hoạt động dạy và học tại các buổi họp chuyên môn [H4.04.01.04].

## ***2. Điểm mạnh***

TLGD của Nhà trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức.

## ***3. Điểm tồn tại***

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các bên liên quan. Trong đó, mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ là chưa đồng đều (gồm GV, NH, các nhà tuyển dụng), mức độ hiểu và áp dụng TLGD của NTD trên thực tế chưa hiệu quả.

## ***4. Kế hoạch hành động***

### ***Phát huy điểm mạnh:***

Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa và Trường tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung đã tuyên bố với người học và tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề để tiếp nhận ý kiến của nhà khoa học, chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên về mục tiêu giáo dục.

### ***Khắc phục tồn tại:***

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phổ biến triết lý giáo dục đến các BLQ thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về triết lý giáo dục để nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn triết lý giáo dục của Trường và Khoa; khảo sát các BLQ về triết lý giáo dục của Trường.

Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện triết lý giáo dục của Trường và Khoa.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).***

**Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.**

**1. Mô tả hiện trạng**

Đối với CTĐT chương trình Tích hợp ngành QTKD, Khoa đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học/ PPGD đa dạng, phù hợp bám sát mục tiêu, triết lý giáo dục của đề đạt CĐR. Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.01]. PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của các năm. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa [H4.04.02.02]. Trường đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Trường, Khoa đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, nhân viên phòng ban trong toàn trường [H4.04.02.03]. Bảng 4.1 dưới đây thể hiện sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CĐR tương ứng của CTĐT.

**Bảng 4.2: Sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CĐR tương ứng của CTĐT**

	<b>Các môn học điển hình</b>	<b>Phương pháp dạy học chính</b>	<b>Các hoạt động dạy học hỗ trợ</b>	<b>Ghi chú</b>
PLO1	Quản trị học	Thuyết giảng, hỏi – đáp	Bài tập về nhà	
PLO5	Quản trị chiến lược	Thuyết giảng, hỏi đáp	Báo cáo nhóm	
PLO10	Quản trị bán hàng	Thuyết giảng, làm dự án	Báo cáo về dự án	

Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc cho NH. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi hoàn toàn từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Thay vì GV đóng vai trò giảng bài thì NH thay thế bằng cách thuyết trình các phần bài học, các trường hợp cụ thể trong thực tế, qua đó người học tự tìm hiểu, nắm vững kiến thức và chủ động học tập. Tuỳ theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online thông qua hệ thống Microsoft teams của nhà trường [H4.04.02.04].

Việc thay đổi phương pháp dạy và học cũng gặp nhiều khó khăn, GV cần nghiên cứu nhiều hơn, xây dựng bài giảng linh hoạt hơn, và đối với những GV thỉnh giảng thì

đôi khi gặp khó khăn do sự khác biệt về văn hoá giữa các trường. Tuy nhiên trong các cuộc họp giao ban, Hiệu trưởng thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các Phòng, Khoa, Bộ môn cần chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường thể hiện qua các kế hoạch tổ chức bồi dưỡng GV, tổ chức hội thảo nâng cao năng lực GV [H4.04.02.05].

Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, trong đó có phần khảo sát NH về hoạt động dạy học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT. Phiếu khảo sát bao gồm 8 tiêu chí, trong đó tập trung khảo sát các nội dung: các hoạt động giảng dạy của GV trên lớp (5 tiêu chí), các hoạt động kiểm tra, đánh giá (1 tiêu chí). Tỷ lệ NH tham gia đánh giá hoạt động dạy học/PPDH là 97,51%. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy 92% NH hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.02.06].

## ***2. Điểm mạnh***

GV của Khoa lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt được CĐR của HP.

## ***3. Điểm tồn tại***

Một số môn học chưa đáp ứng về nội dung các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa cần tăng cường tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa và kết nối với các khoa của các trường ĐH uy tín khác và mời các chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và khóa luận sinh viên.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ ban hành quy định để tất cả GV chú trọng việc hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập một cách hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).***

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, và nâng cao khả năng học tập của NH, Trường và khoa đã tiến hành đổi mới phương pháp dạy và học. NH trở thành trung tâm,

chuyển từ trạng thái bị động tiếp thu sang học tập chủ động. Để làm vậy, Trường đã yêu cầu GV từng bước thay đổi cách thức giảng dạy, tăng cường yêu cầu NH tự học, nghiên cứu trước khi đến lớp, GV đóng vai trò hướng dẫn, giải đáp, điều này được thể hiện trong đề cương từng môn học. GV phải sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01]. Tất cả đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành QTKD trình độ Đại học đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học để đạt được CDR của HP và CDR của CTĐT; 100% ĐCCT các HP trong CTĐT đều quy định cụ thể nội dung tự học, tự nghiên cứu cho NH và có kiểm tra, đánh giá nội dung tự học, tự nghiên cứu theo quy định; xác định các nội dung giảng dạy trên lớp, các nội dung giao về nhà cho NH tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH [H4.04.03.02].

Ngoài ra, Quy định đào tạo theo học chế tín chỉ Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ban hành ngày 16/07/2021 cũng quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài mới là 50 phút cho mỗi tiết học trên lớp [H4.04.03.03]. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận ... đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình ... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, giáo viên chủ nhiệm về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.04].

Nhà trường định kỳ tiến hành khảo sát của NH và cựu NH về việc sử dụng PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát cho thấy: 92% NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV [H4.04.03.05].

## ***2. Điểm mạnh***

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học ngành KDQT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học

tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PP giảng dạy đang áp dụng.

### **3. Điểm tồn tại**

Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho NH hiểu đầy đủ về việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phối hợp với doanh nghiệp, các phòng QLĐT, Phòng NCKH, Phòng QTTB cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ đến với người học. Phát huy văn hóa chia sẻ tri thức trong tập thể GV trong Khoa, GV ngoài trường và tăng cường việc mời chuyên gia, doanh nghiệp tham gia hoạt động dạy và học.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp người học sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4:***

#### ***Những điểm mạnh nổi bật:***

TLGD được xây dựng, được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các BLQ trong và ngoài trường. TLGD được sự đóng góp và tham gia xây dựng từ các bên có liên quan như GV, lãnh đạo, NH, đối tác. Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng và đáp ứng tốt các tiêu chí của CĐR. Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm giúp người học đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học ngành QTKD rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của NH. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PP giảng dạy đang áp dụng.

#### ***Những tồn tại cơ bản:***

Việc đánh giá mức độ hiểu rõ về TLGD của các BLQ vẫn chưa được khảo sát. NH tham gia vào các buổi báo cáo chuyên đề (môn học có các tiết học có sự tham gia của DN) chưa thực sự chủ động. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho người học hiểu đầy đủ về việc sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

### **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

#### ***Mở đầu***

Việc đo lường kết quả học tập của NH được thực hiện bằng hoạt động đánh giá. Kết quả đánh giá chỉ có giá trị khi việc đánh giá được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, công bằng, đúng với năng lực thực sự của NH. Việc học tập của NH là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Do đó, Trường và Khoa đã có một kế hoạch đánh giá rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá cần có sự so sánh ở các thang đo quan trọng như đánh giá quá trình học tập, đánh giá đầu ra và được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR trong mọi thời điểm của quá trình học. Chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng. NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiếu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của người học cần được thiết kế theo hướng gắn liền với CDR và đo lường mức độ đạt được CDR của người học. Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện từ khâu đánh giá năng lực đầu vào, đánh giá suốt quá trình học tập qua từng học phần và đánh giá SV tốt nghiệp đầu ra. Tùy giai đoạn đánh giá, Nhà trường xây dựng các kế hoạch, QT đánh giá người học kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt CDR của CTĐT, đồng thời công bố công khai, rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài trường.

***Đánh giá tuyển sinh đầu vào:*** Căn cứ vào quy chế tuyển sinh của BGDĐT mỗi kỳ tuyển sinh hàng năm Nhà trường đều xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó xác định phương thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển chọn đầu vào rõ ràng, đảm bảo các quy định và điều kiện xét tuyển [H5.05.01.01].

Để đáp ứng các CDR kiến thức, trong thời gian học chính thức, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn phương pháp kiểm tra đánh giá [H5.05.01.02]. Trong đề cương HP cũng có quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá như mức độ tham dự và tranh luận, đánh giá bài thi trắc nghiệm, đánh giá bài thi tự luận... Nhà trường có xây dựng tiêu chí, thang



đánh giá (Rubric) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các phương pháp kiểm tra đánh giá đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữ PPKTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT [H5.05.01.03].

**Bảng 5.1 : Sự phù hợp của hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các CĐR của CTĐT**

<b>Ký hiệu</b>	<b>ND chuẩn đầu ra</b>	<b>Hoạt động kiểm tra đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>Ghi chú</b>
PLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành học vào thực tế kinh doanh của tổ chức.	Kiểm tra trắc nghiệm Bài tập lớn Kiểm tra viết	Đáp án Rubric	
PLO2	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và thực hành công việc trong môi trường toàn cầu; kiến thức về công nghệ thông tin chuyên ngành phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo.	Thuyết trình	Đáp án Rubric	
PLO3	Sử dụng các kiến thức về kinh tế, kinh doanh, tài chính, kế toán, thống kê và nghiên cứu trong kinh doanh giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động quản trị các chức năng của doanh nghiệp và QTKD.	Thực hành	Phiếu chấm	
PLO4	Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, phân tích, tổng hợp và đánh giá các hoạt động QTKD của doanh nghiệp, lý thuyết và thực tiễn về hoạt động kinh doanh và QTKD, đặc biệt các hoạt động quản trị các chức năng bên trong doanh nghiệp.	Kiểm tra trắc nghiệm Bài tập lớn Kiểm tra viết	Đáp án Rubric	
PLO5	Có kỹ năng để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong môi trường hoạt động kinh doanh, có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực kinh doanh.	Bài tập lớn	Phiếu chấm	
PLO6	Kỹ năng thực hiện các hoạt động QTKD diễn ra nhịp nhàng ổn định, truyền đạt, thông tin và xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tế hoạt động QTKD của doanh nghiệp.	Kiểm tra viết	Phiếu chấm	
PLO7	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có kỹ năng thực hiện	Thuyết trình, Kiểm tra viết	Phiếu chấm	

Ký hiệu	ND chuẩn đầu ra	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
	thành thạo nghiệp vụ chuyên môn trong hoạch định, tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.			
PLO8	Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam ở mức trình độ cao (IELTS 6,0 và tương đương).	Thuyết trình, Kiểm tra viết	Phiếu chấm	
PLO9	Có khả năng chấp nhận áp lực cao, không ngại khó khăn, có niềm tin, tự định hướng, xây dựng kế hoạch cá nhân để thích nghi với công việc, nghề nghiệp marketing, có khả năng đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.	Kiểm tra viết	Phiếu chấm	
PLO10	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm đối với xã hội, có tính kỷ luật trong công việc và trong tổ chức, có tác phong chuyên nghiệp, có phẩm chất tự làm việc độc lập, làm việc nhóm và tinh thần nghiên cứu và tự học hỏi suốt đời.	Thuyết trình, Kiểm tra viết	Phiếu chấm	

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) *Đối với các CDR kiến thức*: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CDR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần.

ii) *Đối với các CDR kỹ năng*: được đánh giá thông qua việc thực hành kỹ năng tra cứu, lựa chọn, cập nhật văn bản pháp luật, cách trình bày, phân tích và giải quyết tình huống pháp lý, khả năng thuyết trình, tiểu luận, diễn án và bài thi cuối kỳ.

iii) *Đối với các CDR thái độ*: việc đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ SV được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp... Tính kết nối giữa phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CDR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP [H5.05.01.03].

Tổ hợp các PPKTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, làm khoá luận. Các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình thông thường chiếm 50% và điểm thi kết thúc HP chiếm 50%. Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP

phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR [H5.05.01.03].

Thực hiện khóa luận nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện khóa luận, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được GVCN triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công giáo viên hướng dẫn, quy trình bảo vệ khóa luận, quy định về bảo vệ khóa luận/đề án tốt nghiệp [H5.05.01.04].

Bên cạnh đó, NH còn được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.01.04].

## **2. Điểm mạnh**

Ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến người học ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các học phần. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PP KTĐG.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 - 2025, ở từng HP Khoa sẽ xây dựng và thiết kế bộ câu hỏi đánh giá theo từng mức đạt CĐR, chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo CĐR.

*Khắc phục tồn tại:* Năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung để tất cả các môn học trong CTĐT đều được đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)**

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Các quy định về đánh giá KQHT của người học của Khoa QTKD được xác định rõ ràng theo tài liệu hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra đánh giá KQHT phù hợp với CTĐT theo tín chỉ của Trường [H5.05.02.01].

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai đến người học ngay từ khi bắt đầu học phần, và được nhấn mạnh khi kết thúc quá trình giảng dạy. GV công bố điểm quá trình cho SV ngay khi kết thúc học phần [H5.05.02.02].

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau 15 tuần và sau khi đã kết thúc môn học. Trọng số điểm quá trình thông thường chiếm 50%, cuối kỳ chiếm 50%. [H5.05.02.02].

Tiêu chí cụ thể để đánh giá các học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT môn học [H5.05.02.02]. Đánh giá nội dung thực tập tốt nghiệp đều có tiêu chuẩn cụ thể trong kế hoạch và nội dung thực tập tốt nghiệp [H5.05.02.03].

Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở SV quy định kiểm tra/ đánh giá KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H5.05.02.04]. Chính vì vậy, 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định này.

Cuối kỳ, giáo vụ khoa tập hợp bảng điểm quá trình từ GV sau khi GV đã nhập vào phần mềm và giao (bản in giấy) chậm nhất là 5 ngày về P. ĐBCL. Về điểm bài thi tự luận cuối kỳ đã chấm xong từ khoa (chậm nhất là 5 ngày sau khi nhận bài), P. ĐBCL phân công NV ráp phách và ghi điểm vào bảng điểm và chuyển về khoa để Giáo vụ khoa nhập điểm vào hệ thống quản lý đào tạo. Chuyển bảng điểm chính về Phòng ĐT để lưu. SV xem kết quả thông qua trang thông tin điện tử của trường [H5.05.02.04]

## ***2. Điểm mạnh***

Nhà trường ban hành và triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng.

Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo người học hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này.

## ***3. Điểm tồn tại***

Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa đăng tải các thông tin đề cương chi tiết HP trên Website của Trường. Giảng viên phụ trách CVHT tăng cường tiếp xúc, quan tâm đến những SV cá biệt, nhắc nhở, tư vấn các HP điểm thấp để SV có kế hoạch học tập tốt hơn, ra trường đúng tiến độ.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường các hình thức, biện pháp hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả các PP đánh giá được hướng dẫn. Bên cạnh đó, GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)**

***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Quy định về đào tạo ĐH theo hệ thống TC; Quy định về việc thi kiểm tra trong đó, có qui định rõ việc đánh giá KQHT của NH [H5.05.03.01]. Trong đó, phương pháp kiểm tra đánh giá của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CDR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Các PPĐG được thực hiện theo từng HP, tùy thuộc nội hàm của HP là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. PPĐG được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân đề tài áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm ... [H5.05.03.02]. Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương thích với từng loại HP và PPĐG được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT [H5.05.03.02].

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định [H5.05.03.03]. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề. Đối với các môn thi có đề thi trắc nghiệm. Các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi, để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CDR trong chương trình môn học, sau đó giao cho từng cá nhân GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bộ môn trao đổi, góp ý sửa chữa và nộp về P.ĐBCL để quản lý và sử dụng [H5.05.03.04].

Để tổ chức thi kết thúc HP đảm bảo đúng quy chế và quy định của Trường, hàng năm Hiệu trưởng đều có thành lập Hội đồng thi và các ban, tiểu ban của Hội đồng. Công tác coi thi và quy trình chấm thi của Nhà trường quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hồ sơ lưu trữ đầy đủ. Mỗi bài thi đều có hai GV chấm hai vòng độc lập nên đảm

bảo chính xác, khách quan. Bên cạnh đó các hoạt động tổ chức thi, chấm thi đều có sự kiểm tra giám sát của Ban thanh tra Trường [H5.05.03.05]

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm khóa luận/đồ án tốt nghiệp [H5.05.03.06].

Hàng năm, Phòng khảo thí và ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ về các PP và Quy trình KTĐG, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá, sự hài lòng về nội dung công tác thi và kiểm tra, đánh giá. Trên 90% hài lòng về tiêu chí này và không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các PP đánh giá KQHT, cụ thể: Trong đợt khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV HK2, NH 2021-2022, các câu hỏi trong phiếu khảo sát về nội dung này, chiếm tỷ lệ 17% trong các câu hỏi được người học đánh giá từ 4.75 đến 4.76 ở cả 4 nội dung được hỏi cho thấy người học khá hài lòng với PPKTĐG và kết quả đánh giá từ GV: Quá trình kiểm tra đánh giá được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng; Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực và trình độ của SV; SV hài lòng về các cách thức công bố, phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá; Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời, giúp SV cải thiện KQHT [H5.05.03.07].

## ***2. Điểm mạnh***

Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của người học được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các SV tham dự cùng học phần, tham gia kiểm tra cùng thời điểm.

Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của SV.

## ***3. Điểm tồn tại***

Khoa chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PP KTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành, việc đánh giá các PP KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 - 2025, ngoài việc tăng cường thêm các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH, Khoa yêu cầu GV ra đề các HP phải có sự phê duyệt của Bộ môn, Ban lãnh đạo Khoa thống nhất với các GV trong việc ra đề thi, đảm bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ triển khai việc bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

**5. Tự đánh giá:** Đạt (5/7).

**Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.**

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường đã ban hành các qui định về việc phản hồi kết quả đánh giá của SV, được thể hiện trong qui chế đào tạo và qui định đảm bảo chất lượng công tác KTĐG kết quả học tập [H5.05.04.01].

SV được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Việc phản hồi nếu đưa ra quá muộn sẽ không mang lại tác dụng đối với SV. Kết quả đánh giá của SV được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận, ... Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến SV. SV có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm “Quản lý đào tạo” của Trường. Hồ sơ, KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của người học, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu [H5.05.04.02]. Qui định về chấm thi và thông báo kết quả thi cho NH được thực hiện theo qui định của nhà trường. Thời gian chấm phúc tra (nếu có) không quá 7 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV [H5.05.04.03].

Trong các cuộc họp Khoa hàng tháng, các Trưởng bộ môn luôn nhắc nhở GV về việc thực hiện đúng tiến độ giảng dạy, nhập điểm và nộp bảng điểm thi quá trình về Văn phòng Khoa, nộp đề, chấm thi và trả lời phúc tra đúng thời hạn. GV Khoa đảm bảo việc phản hồi điểm quá trình vào buổi kết thúc của mỗi HP, và thực hiện quy trình chấm thi lần 1, lần 2 theo đúng thời hạn [H5.05.04.04].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. SV nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá SV về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến SV. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, SV đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy SV nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, SV cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp SV nhận thức rõ hơn về yêu cầu của học phần, từ đó SV có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo [H5.05.04.05].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng CTSV sẽ gửi danh sách sinh viên bị cảnh báo học vụ tới Khoa quản lý học phần, đối với các trường hợp: SV không đăng ký đủ số tín chỉ trong một học kỳ; SV có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00; SV có tổng tín chỉ của các HP bị điểm F trong học kỳ; SV bị cảnh báo học vụ 2 lần liên tiếp với hình thức buộc thôi học; SV vượt quá thời gian được phép học tại trường. [H5.05.04.06]. Phòng CTSV sẽ gửi thư thông báo tới phụ huynh về việc cảnh báo học vụ của SV, từ đó phụ huynh nắm được tình hình học tập của SV và nhắc nhở SV có kế hoạch phù hợp trong học kỳ tiếp theo [H5.05.04.07]. SV có kết quả học tập từ khá trở lên được nhà Trường tặng giấy khen và học bổng để khích lệ tinh thần học tập [H5.05.04.8].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành Quy chế ĐT, các qui định liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp SV biết để cải thiện việc học tập của mình. Người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT.

## **3. Điểm tồn tại**

Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm,...) được công bố vào buổi học cuối cùng của học phần, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với người học về từng loại điểm thành phần.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Năm học 2024 – 2025, Nhà Trường tiếp tục cập nhật, rà soát bổ sung Quy chế thi kết thúc HP theo Quy chế đào tạo của Bộ.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 – 2025, Khoa sẽ sinh hoạt với GV để thống nhất đối với mỗi loại điểm thành phần, GV công bố ngay cho người học sau khi có kết quả, còn vào buổi học cuối cùng GV chỉ công bố kết quả chung của điểm quá trình.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.***

### **1. Mô tả hiện trạng**

Quy trình khiếu nại về KQHT của NH được quy định trong Quy chế đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ, được phổ biến trên Website của Nhà trường, của phòng Đào tạo, phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.05.01]. Trong quá trình học tập, NH được quyền phúc tra khiếu nại KQHT, cụ thể: đối với điểm quá trình, NH khiếu nại trực tiếp với GV trực



tiếp giảng dạy HP đó khi công bố điểm trên lớp; trong vòng hai tuần kể từ ngày Trường, khoa, trung tâm công bố điểm thi hoặc theo thông báo riêng của phòng. Sinh viên nộp đơn đăng kí phúc khảo điểm thi tại P.ĐBCL. Thời gian công bố điểm phúc khảo là sau 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận giấy đề nghị phúc khảo điểm của sinh viên [H5.05.05.02].

Hàng năm, phòng Đào tạo đã kiểm soát và thống kê số lượng khiếu nại KQHT từ NH từ đó rút kinh nghiệm và cải tiến công tác đánh giá đối với NH. Hàng năm, tỷ lệ nộp đơn đề nghị chấm phúc khảo bài thi của người học rất thấp. Theo thông tin lưu trữ trên Website của phòng Khảo thí, có trên 95% số người học khi khiếu nại về KQHT được giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.05.03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT và công bố công khai để người học dễ dàng tiếp cận.

Người học được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

## **3. Điểm tồn tại**

Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 – 2025, Khoa tăng cường phổ biến, nhắc nhở thường xuyên các quy định về khiếu nại kết quả học tập đến NH nhằm giúp cho NH tiếp cận nhanh chóng để đạt được kết quả học tập tích cực và khách quan nhất.

*Khắc phục tồn tại:* Trong năm học 2024 - 2025, Khoa phối hợp với P.KT & QLCL điều chỉnh bổ sung quy định và phân định rõ nghĩa vụ người học trong các trường hợp khiếu nại đúng/sai, trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

#### **Những điểm mạnh nổi bật:**

Trường đã ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến người học ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các học phần. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng

kiến thức về các PP KTĐG. Triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng. Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo người học hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của người học được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các SV tham dự cùng học phần, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của SV. Ban hành Quy chế ĐT, các QT liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp SV biết để cải thiện việc học tập của mình. Người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Có đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT và công bố công khai để người học dễ dàng tiếp cận. Người học được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ.

***Những tồn tại cơ bản:***

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp. Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính. Khoa chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PP KTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành KDQT, việc đánh giá các PP KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm,...) được công bố vào buổi học cuối cùng của học phần, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với người học về từng loại điểm thành phần. Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,80 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

## **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### ***Mở đầu***

Khoa QTKD có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, với nhiều năm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp thuộc lĩnh vực QTKD. Đội ngũ GV trong Khoa QTKD trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa QTKD có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Khoa QTKD có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Dựa trên Chiến lược phát triển nhân sự của Khoa QTKD giai đoạn 2022 - 2023 [H6.06.01.01] và bảng mô tả công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu đào tạo; Khoa QTKD đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa QTKD định kỳ hàng năm [H6.06.01.02]. Hiện tại, 100% giảng viên của Khoa QTKD đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có trình độ Ths trở lên, đặc biệt ngày càng có nhiều GV được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo chương trình liên kết với nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ về công tác tại Khoa QTKD. GV của Khoa QTKD được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV; Trường cũng có kế hoạch nâng cao năng lực của đội ngũ GV, NV định kỳ để đánh giá năng lực của đội ngũ GV và có kế hoạch hỗ trợ, đào tạo [H6.06.01.03]. Định kỳ nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi

đưỡng để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV [H6.06.01.04]. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.05].

**Bảng 6.1 : Bảng thống kê số lượng GV Khoa QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây**

Năm	Số lượng GV	Giới tính		GS	PGS	TS	ThS	Kỹ sư/ Cử nhân
		Nam	Nữ					
2019	35	15	20	0	1	4	29	1
2020	34	13	21	0	0	9	23	2
2021	37	15	22	0	0	10	26	1
2022	37	16	21	0	1	12	24	0
2023	37	15	22	0	1	14	22	0

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch đội ngũ GV được Khoa QTKD chú trọng từ khâu tuyển dụng: Khoa QTKD có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự được công khai trên website với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; GV được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể [H6.06.01.06]. Khoa QTKD được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa QTKD cũng chú trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề QTKD, bán hàng theo định hướng phát triển đào tạo sinh viên có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa QTKD [H6.06.01.08]. Khoa QTKD có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ tiến sĩ, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa QTKD cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm học [H6.06.01.09]. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phục vụ cộng đồng của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hành để tư vấn pháp luật theo kế hoạch của Khoa QTKD và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Khoa QTKD [H6.06.01.10].

Hiện nay, tại Trường đại học Tài chính – Marketing thì việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho nghỉ hưu đối với GV đều có qui định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng.

### **3. Điểm tồn tại**

Kế hoạch phát triển Khoa QTKD chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động phục vụ cộng đồng.

### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV của Khoa QTKD ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng, đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV của Khoa QTKD, của Trường để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, chiến lược phát triển Trường và đội ngũ GV.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo quy định, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được hướng dẫn chi tiết. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Tỷ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa QTKD là 37 người, gồm 01 PGS.TS (chiếm tỷ lệ 2,7% so với tổng số GV cơ hữu của Khoa QTKD), 12 TS (chiếm tỷ lệ 32,4% so với tổng số GV cơ hữu của Khoa QTKD), 24 ThS (chiếm tỷ lệ 64,9% so với tổng số GV cơ hữu của Khoa QTKD). Hiện Khoa QTKD có 08 GV đang theo học NCS ở trong nước. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ GV/SV chính quy ngành QTKD được quy đổi là 0,92 sinh viên/giảng viên, đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.01]. SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa QTKD theo tỷ lệ bảng 5

**Bảng 6.2.1 : Tỷ lệ SV trên 1 GV qua từng năm học**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số GV ngành QTKD</b>	<b>Quy mô SV</b>	<b>Tỷ lệ SV/GV</b>
2019	35	265	1: 7,57
2020	34	199	1: 5,85
2021	37	292	1: 7,89

2022	37	363	1: 9,81
2023	37	695	1: 18,78

Tỷ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT.

**Bảng 6.2.2 : Thống kê số lượng GV Khoa QTKD ngành QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây**

Năm	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi		
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45
2019	35	15	20	5	16	14
2020	34	13	21	5	18	11
2021	37	15	22	5	21	11
2022	37	16	21	7	21	9
2023	37	15	22	7	19	11

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế của nhà trường [H6.06.02.02]. Đội ngũ cơ hữu, Khoa QTKD còn có hơn 30 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của SV theo đề án liên kết gắn kết đào tạo giữa Trường với doanh nghiệp [H6.06.02.03], [H6.06.02.04].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh, ... Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.05].

Trường có quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ GV. Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 270 giờ; NCKH: 540 giờ; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh, ...). Khoa QTKD đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: tư vấn tuyển sinh, các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng: ngày hội việc làm, ngày hội tuyển dụng [H6.06.02.06].

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa QTKD tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của Phòng TCHC và xác nhận từ giảng viên

[H6.06.02.07]. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công tác khác (coi thi, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, ...) công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo [H6.06.02.08].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng năm qua thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.09], [H6.06.02.10]. Sau khi GV tự đánh giá thì Trưởng Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng TCHC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm [H6.06.02.11].

## **2. Điểm mạnh**

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc đo lường các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng chưa có những tiêu chí cụ thể.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động KHCN và phục vụ cộng đồng hướng theo chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn đến 2030.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm 2024 - 2025, Khoa QTKD tiên hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử

dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV [H6.06.03.01].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02], [H6.06.03.03].

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng [H6.06.03.04]. Căn cứ quy mô tuyển sinh hằng năm, các HP trong CTĐT ngành QTKD, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ (sau khi dự giờ, đánh giá của đồng nghiệp, góp ý của lãnh đạo Bộ môn), Khoa QTKD có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng một số vị trí nhân sự của Khoa QTKD trình BGH phê duyệt [H6.06.03.05].

Trong các thông báo kế hoạch tuyển dụng hằng năm từ 2017-2023 của Trường cũng đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng [H6.06.03.06]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H6.06.03.07]. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, Khoa QTKD sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự [H6.06.03.01].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV Khoa QTKD được thực hiện theo Quy định nêu trên. Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập và các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.08].

## ***2. Điểm mạnh***



Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

### **3. Điểm tồn tại**

Hàng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai đã đa dạng, CB, GV NCV có nhận thức về các quy định, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế. Tuy có văn bản đầy đủ nhưng nội hàm trong văn bản chưa quy định đầy đủ các yêu cầu của mốc chuẩn chuyên môn, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định, có quy trình tuyển dụng rõ ràng.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 – 2025, Khoa QTKD đã rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)**

**Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa QTKD, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng. Trường có quy định rõ năng lực của GV, NCV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường; Quy chế tuyển dụng và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với VC, NLĐ thuộc Trường; Quy chế hoạt động KHCN [H6.06.04.01].

Năng lực của GV được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết giáo trình); năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá

phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào trong giảng dạy; năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCD.

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn người học thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Nhà trường xác định rõ trong Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường. Hàng năm, Trường đều ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá [H6.06.04.02].

Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng.

Hàng năm, Trường/ Khoa QTKD thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: Đánh giá CLGD của GV, NCV qua quá trình DH của GV, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra KL và CL công việc; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn... Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thưởng hoặc phân loại; để cân nhắc bổ nhiệm... [H6.06.04.03-04].

Kết thúc mỗi học kỳ, P. Khảo thí và Quản lý chất lượng lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của NH đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa QTKD đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, và mức hài lòng trung bình của người học trên 80% về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.05].

## ***2. Điểm mạnh***

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV.

### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Khoa QTKD tiếp tục đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

*Khắc phục tồn tại:* Hiện nay, trường đang bắt đầu triển khai công tác đánh giá toàn diện nhân sự và Khoa QTKD đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa QTKD sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV [H6.06.05.01]. Qua đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, Khoa QTKD đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV [H6.06.05.02].

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của Khoa QTKD luôn bám sát qui định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường [H6.06.05.03].

Hàng năm, Khoa QTKD họp/ tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào KH ĐTBĐ; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng kí nhu cầu ĐTBĐ, hoặc Khoa QTKD chỉ định CB, GV phải đi ĐTBĐ đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa QTKD lập kế hoạch ĐTBĐ của đơn vị chuyển cho P.TC-HC tổng hợp thành KH ĐTBĐ chung của Trường. Tổng hợp giai đoạn 2019 - 2023, 100 % GV của ngành có chứng chỉ BD chuyên môn, nghiệp vụ; văn bằng chuyên ngành; GV đi bồi dưỡng về công tác KĐCL, có 90% số GV, NCV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường và kinh phí dành cho ĐTBĐ mỗi năm là năm 2019 (2,679 triệu đồng), 2020 (2,318 triệu đồng), 2021 (3,747 triệu đồng), 2022 (3,787 triệu đồng), 2023 (5,010 triệu đồng) [H6.06.05.03-04-05].

Trường và Khoa QTKD có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài [H6.06.05.06].

Trường và Khoa QTKD công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển. Khoa QTKD luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TCHC giám sát, đánh giá thực hiện KH ĐTBĐ, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBĐ từ việc xây dựng và ban hành các quy định, lập KH, thực hiện so với KH, đánh giá kết quả ĐTBĐ, việc sử dụng kết quả ĐTBĐ [H6.06.05.07]; khảo sát nhu cầu, đánh giá kết quả ĐTBĐ. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm [H6.06.05.08].

## **2. Điểm mạnh**

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng thông qua kế hoạch hằng năm. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng được triển khai đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của GV.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có các kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CĐR cho đội ngũ GV.

Chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD xây dựng kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CĐR cho đội ngũ GV.

Khoa QTKD tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)**

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Khoa QTKD có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV. Việc triển khai công việc của GV trong hoạt động giảng dạy, NCKH cũng như các công việc liên quan được Khoa QTKD và Trường xác định rõ ràng bởi các tiêu chí cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của GV phải đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của Trường [H6.06.06.01] và bảng mô tả công việc của GV [H6.06.06.02]. Từ đó, Khoa QTKD phân công công việc cụ thể cho từng GV theo năm học [H6.06.06.03].

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.04], việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo. Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: định kỳ hàng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trường Bộ môn, Lãnh đạo Khoa QTKD theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa QTKD xác nhận [H6.06.06.05].

Kết quả công việc của GV, NCV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV được thống kê [H6.06.06.06]. Qua đó, Khoa QTKD tiến hành đánh giá năng lực giảng viên thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của người học liên quan đến phương pháp giảng dạy của GV [H6.06.06.07].

**Bảng 6.6 : Các hình thức đánh giá và các loại khen thưởng**

Hình thức đánh giá	Loại hình khen thưởng	
	Cá nhân	Tập thể
Đánh giá, xếp loại kết quả lao động cuối năm	X	X
Bình bầu danh hiệu thi đua - khen thưởng hàng năm	X	X

GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh

giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa QTKD đều lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến trực tiếp tại Phòng Hành chính Tổ chức của Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá [H6.06.06.08]. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và Khoa QTKD giúp tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.06.09].

Hàng năm, Khoa QTKD tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp trường để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến sinh viên, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa QTKD và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích [H6.06.06.10].

## ***2. Điểm mạnh***

Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV hiệu quả.

## ***3. Điểm tồn tại***

Trong giai đoạn 2019-2023, việc quản trị công việc của CB, GV, NV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục tăng cường nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của Khoa QTKD.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).***

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học. Theo đó, số giờ nghĩa vụ NCKH của GV là 540 giờ mỗi năm, được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Nếu số giờ NCKH vượt trên mức tối thiểu quy định, GV sẽ được thanh toán phần vượt trên. Ngoài ra, đối với GV có bài báo quốc tế thuộc danh mục có chỉ số công bố định kỳ, Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí sửa các bài báo khoa học viết bằng tiếng Anh hoặc Ban hỗ trợ xuất bản bài báo khoa học và hỗ trợ quá trình nộp bài báo và chi trả các lệ phí đăng bài báo khoa học theo yêu cầu của Tạp chí, bên cạnh đó, tác giả còn được khen thưởng từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy theo mức chỉ số ISI, SCOPUS. GV tham gia biên soạn và cập nhật giáo trình sẽ được thanh toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ, theo đó GV sẽ được thanh toán 30.000.000đ/ tín chỉ nhân với số tín chỉ giảng dạy của môn học đó, cập nhật giáo trình đã có thì được tính đơn giá bằng 30% [H6.06.07.01].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định và hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Trường [H6.06.07.02]. Hoạt động NCKH được quản lý bởi Phòng KHCN. Ngoài ra, HĐKH & ĐT Khoa QTKD được thành lập bao gồm các thành viên và thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH của Khoa QTKD [H6.06.07.03]. Để hoạt động NCKH được đa dạng và thúc đẩy việc trao đổi học thuật, Khoa QTKD cũng quan tâm và khuyến khích các GV tham dự hội thảo NCKH, viết bài NCKH ở các trường khác có đào tạo ngành QTKD.

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH: Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của GV, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh hằng năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho GV [H6.06.07.04].

Hàng năm, Khoa QTKD tổ chức các hội thảo chuyên ngành cấp Khoa QTKD và Trường để các GV có điều kiện trao đổi lẫn nhau về chuyên môn và nâng cao chất lượng NCKH [H6.06.07.05]. Khoa QTKD cũng đã phát hành Kỷ yếu hội thảo, trong đó có trên 50% công trình nghiên cứu của GV cơ hữu của Khoa QTKD. Bên cạnh đó, Khoa QTKD thường xuyên phối hợp với Trường tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH [H6.06.07.06] phù hợp với xu hướng nghiên cứu mới và các định hướng phát triển KHCN trong tương lai. Việc quản lý đề tài NCKH được thực hiện theo quy định chung của Trường [H6.06.07.07].

Kết quả NCKH của GV có sự cải tiến về chất lượng và số lượng qua từng năm. Bên cạnh các công trình nghiên cứu được công bố trong nước, từ năm 2019-2023, GV trong Khoa QTKD đã có những bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế. Đến

năm học 2023, có nhiều bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Bên cạnh đó, mỗi GV tự trang bị tài liệu hướng dẫn học tập như giáo trình, sách hướng dẫn trong công tác giảng dạy. 100% GV của Khoa QTKD có tham gia viết bài tham luận hội thảo trong và ngoài trường, nhiều bài tham luận được lựa chọn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

**Bảng 6.7.1 : Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm**

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	1	3	1	0	0	<b>10</b>
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	6	10	2	0	<b>20</b>
3	Đề tài cấp trường	0,5	10	47	51	46	11	<b>82,5</b>
4	Tổng		<b>13</b>	<b>56</b>	<b>62</b>	<b>48</b>	<b>11</b>	<b>112,5</b>

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

**Bảng 6.7.2 : Số lượng bài báo của GV qua từng năm**

T T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	47	47	48	67	86	<b>442,5</b>
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	231	318	405	417	429	<b>1800</b>
	Tổng		<b>278</b>	<b>365</b>	<b>453</b>	<b>484</b>	<b>515</b>	<b>2242,5</b>

**Bảng 6.7.3 : Số lượng các đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy**

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	47	47	48	67	86	<b>442,5</b>
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	231	318	405	417	429	<b>1800</b>
	Tổng		<b>278</b>	<b>365</b>	<b>453</b>	<b>484</b>	<b>515</b>	<b>2242,5</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).



## **2. Điểm mạnh**

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa QTKD được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

## **3. Điểm tồn tại**

Hiện nay số lượng GV Khoa QTKD có các bài nghiên cứu khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế còn ít.

## **4. Kế hoạch hành động**

### *Phát huy điểm mạnh:*

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh quy chế tính giờ NCKH rõ ràng, chi tiết và minh bạch, ngoài ra việc thống kê tính giờ NCKH được thực hiện nghiêm túc, công bằng hàng năm, góp phần tạo sự hài lòng, phát triển, sự đồng thuận trong toàn đơn vị.

### *Khắc phục tồn tại:*

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD sẽ khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào các công trình NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6:**

#### **Những điểm mạnh nổi bật:**

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa QTKD. Đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và của Khoa QTKD qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu ĐT trình độ ĐH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Có đầy đủ quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CB-GV-NV và được thông báo công khai. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc. Chất lượng công việc

được đánh giá thông qua các tiêu chí về hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Công tác đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện định kỳ hàng năm. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định thông qua khảo sát hàng năm và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động ĐT, bồi dưỡng do Trường triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, QT để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được VPT bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CB-GV-NV trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

### ***Những tồn tại cơ bản:***

Công tác quy hoạch đội ngũ GV có học hàm là GS, PGS còn ít.

Việc đánh giá chất lượng công việc của GV ở cấp độ Khoa QTKD chưa triệt để bám sát các tiêu chí chất lượng đã ban hành trong các quy chế trả lương. Do đó, công tác đánh giá chất lượng vẫn theo xu hướng đánh giá khối lượng hoàn thành công việc.

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện chung cho hai đối tượng có hai nhu cầu khác nhau là GV và NV dẫn đến kết quả có một số phần chưa hợp lý.

### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,29 điểm. Số tiêu chí đạt: 7/7. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

## **TIÊU CHUẨN 7: Đội ngũ nhân viên**

### ***Mở đầu***

Bên cạnh đội ngũ GV, việc xây dựng phát triển đội ngũ nhân viên cũng là một trong những nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường nói chung cũng như của Khoa QTKD nói riêng. Công tác lựa chọn tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh được thực hiện công khai, minh bạch; công tác đánh giá rõ ràng, dựa trên năng lực và hiệu quả công việc; các kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn được xây dựng cụ thể đã và đang tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn ... Chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thực hành nghề ....., hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Chiến lược (sửa đổi) phát triển ĐHTCM giai đoạn 2013- 2020 và định hướng đến năm 2030 đặt ra mục tiêu: quy mô nhân lực của Trường đến năm 2020 vào khoảng 650 GV-VC và đạt 800GV-VC vào năm 2030 [H7.07.01.01]. Việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phải đáp ứng được: đủ về số lượng, mạnh về trình độ, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; cơ cấu hợp lý, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, nhằm đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của công tác đào tạo theo định hướng ứng dụng của ĐHTCM trong tiến trình hội nhập quốc tế. Về cơ cấu nhân lực, giảng viên tối thiểu 75%, viên chức hành chính tối đa chiếm 25% [H7.07.01.02]. Yêu cầu đặt ra là phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD trên cơ sở tinh gọn bộ máy hành chính. Trên cơ sở đó, Trường xác định số lượng người làm việc theo từng giai đoạn, được thể hiện trong Danh mục vị trí việc làm và Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03]. Đề án được xây dựng trên cơ sở phân tích nhu cầu công việc của từng đơn vị, cho thấy bức tranh khái quát về số lượng người làm việc cần thiết, cơ bản đủ đáp ứng đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV [H7.07.01.04].

Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan được sáp nhập vào Trường Đại học Tài chính – Marketing vào năm 2017. Lúc này, bộ máy, cơ cấu nhân sự 2 trường nhập lại làm một, yêu cầu đặt ra là sắp xếp hợp lý đội ngũ. Do đó, giai đoạn 2018-2021, bộ phận VC hành chính được sắp xếp theo hướng tinh gọn lại, những mảng công việc trùng nhau hay có sự giao thoa về chức năng nhiệm vụ được sắp xếp lại, đảm bảo mọi hoạt động của Trường. Giai đoạn này Trường không có nhu cầu tuyển VC mới mà chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi thông tin, thống nhất quy trình làm việc để nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên chuyên môn [H7.07.01.05]. Đến năm 2022, cùng sự gia tăng khối lượng công việc, để đáp ứng yêu cầu công việc, Trường thực hiện tuyển dụng 9 vị trí VC hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH, PVCD [H7.07.01.06].

Tất cả các khoa thuộc trường đều có thư ký khoa hỗ trợ công việc hành chính, số lượng thư ký của từng khoa được xác định căn cứ vào quy mô SV. Hiện tại, Khoa QTKD có 02 thư ký khoa, đảm nhận giải quyết các công việc hành chính thuộc chức năng, nhiệm vụ của khoa chuyên môn. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên chuyên trách ở các phòng ban chức năng luôn sẵn sàng để phục vụ. Các phòng ban được bố trí đủ số lượng cán

bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu. Hoạt động đào tạo, công tác quản lý đào tạo và tổ chức lớp học... do Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL thực hiện; hoạt động NCKH do Phòng QLKH thực hiện. Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên có trách nhiệm hỗ trợ các hoạt động của SV, kể cả tư vấn tâm lý học đường. Phòng CNTT, Phòng QTTB, Phòng TTGD, TT. TS&QHĐN đảm nhận các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của GV và SV. Thư ký của Khoa QTKD và đội ngũ nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực đảm đương công việc hành chính của khoa, hỗ trợ GV và SV. Song song đó, Thư viện là đơn vị tổ chức các hoạt động, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH của Trường. Đội ngũ Thư viện của Trường gồm 2 lãnh đạo và 11 viên chức, đội ngũ này có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc [H7.07.01.07]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ và cán bộ chuyên trách làm việc giờ hành chính, thậm chí ngoài giờ, tăng ca để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nhằm hỗ trợ tốt nhất việc học tập và NCKH của NH.

Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ cán bộ đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng viên chức một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng cá nhân. Nhiều trường hợp viên chức hành chính có trình độ, yêu cầu vượt tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, có các kỹ năng vượt mức yêu cầu của vị trí việc làm [H7.07.01.08]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường, về cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên thể hiện trong bảng 11 dưới đây, trong đó dịch vụ được đánh giá cao nhất là thư viện [H7.07.01.09].

**Bảng 7.1 : Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên**

Stt	Tiêu chí đánh giá	Mức độ hài lòng của NH
1.	Nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt	97,4%
2.	Bạn hài lòng về đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường	97,1%
3.	Nhân viên các phòng ban có trình độ chuyên môn tốt, có thái độ tôn trọng sinh viên	91,8%
4.	Dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu cho sinh viên	90,7%
5.	Hoạt động phong trào có tác động tích cực đến việc học tập, rèn luyện của NH	90,4%
6.	Các hoạt động nghiên cứu khoa học thiết thực và thu hút	87,7%
7.	Hoạt động hỗ trợ, giới thiệu việc làm luôn đáp ứng nhu cầu tìm việc của sinh viên	85%

## **2. Điểm mạnh**

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện đảm bảo về số lượng, chất lượng. Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Đội ngũ nhân viên phục vụ thành thạo về nghiệp vụ, đủ năng lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Bộ máy hành chính đã tinh gọn rất nhiều so với lúc vừa sát nhập 2 trường, tuy nhiên tỷ lệ 75 giảng viên/25 viên chức hành chính như chiến lược đã đề ra vẫn chưa đạt được.

## **4. Kế hoạch hành động**

### *Phát huy điểm mạnh:*

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.

### *Khắc phục tồn tại:*

Trường tiếp tục rà soát, quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ. Từ năm học 2024 - 2025, Trường triển khai tuyển dụng viên chức hành chính trên cơ sở phân tích rất kỹ, từng vị trí việc làm và xu hướng phát triển; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường đã xác định các tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể cho từng vị trí việc làm trong Quy định về chức danh nghề nghiệp viên chức ĐHTCM và Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý VC tại Trường ĐHTCM [H7.07.02.01]. Đối với từng vị trí cụ thể, căn cứ vào bảng mô tả công việc, các yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được xác định rõ ràng chính là căn cứ để tuyển dụng, điều chuyển nhân sự [H7.07.02.02]. Các quy định rõ ràng về hoạt động nghề nghiệp, những việc VC được và không được làm; những tiêu chuẩn, yêu cầu về trình độ, năng lực cũng như tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp là điều kiện tiên quyết, buộc phải bảo đảm đối với mọi VC làm việc tại ĐHTCM.

Điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển bao gồm các tiêu chí như sau: có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm; đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ. Quy trình tuyển dụng rất chặt chẽ cũng được ban hành [H7.07.02.03], về cơ bản, gồm 2 vòng như sau: vòng 1 xét hồ sơ, xem sự phù hợp giữa văn bằng, chứng chỉ viên chức đạt được với điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng. Vòng 2 kiểm tra, sát hạch xem xét khả năng giải quyết công việc, hiểu biết về vị trí việc làm. Đối với viên chức chuyên công tác, yêu cầu thẩm tra thông tin nhân sự ở đơn vị cũ là điều kiện bắt buộc trước khi ra quyết định tuyển dụng chính thức [H7.07.02.04].

Các tiêu chí đối với nhân sự được quy hoạch, bổ nhiệm được xác định cụ thể trong Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường [H7.07.02.05]. Các tiêu chuẩn này quy định cả năng lực chuyên môn lẫn quy chuẩn về đạo đức. Việc sắp xếp, bổ nhiệm nhân sự được căn cứ vào năng lực, phẩm chất của cá nhân và nhu cầu của đơn vị đảm bảo tương thích với yêu cầu của vị trí việc làm [H7.07.02.06]. Các tiêu chí này được phổ biến rộng rãi trong toàn trường để thực hiện đồng bộ.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Trước khi ban hành các quy định, tiêu chí đều được lấy ý kiến nhiều phiên nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm [H7.07.02.07] Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật [H7.07.02.08]; được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV [H7.07.02.09]

Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc [H7.07.02.09].

## ***2. Điểm mạnh***

Tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên được quy định rõ ràng dựa trên yêu cầu thực tế công việc. Việc bổ nhiệm được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn quy định và quy trình đã được Nhà trường phê duyệt.

## ***3. Điểm tồn tại***

Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng, chưa thu hút nhiều ứng viên xuất sắc.

#### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng, thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển để lựa chọn được những nhân viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.

*Khắc phục tồn tại:*

Từ năm học 2024 - 2025, đa dạng hơn các kênh để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, mạng lưới liên hệ với cựu NH.

**5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

### **Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định tại bảng mô tả các kỹ năng cần có của các vị trí trong Đề án vị trí việc làm được Hiệu trưởng phê duyệt [H7.07.03.01]. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn chức danh, nhiệm vụ của các vị trí lãnh đạo được cụ thể thêm trong Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường [H7.07.03.02]. Ngoài ra, tất cả VC Trường đều đảm bảo tiêu chuẩn năng lực theo quy định về ngạch tương ứng theo quy định của nhà nước, nhà Trường [H7.07.03.03].

Tiêu chuẩn năng lực này có thể được thể hiện qua văn bằng, chứng chỉ hoặc qua việc thực hành với các tác nghiệp chuyên môn nghiệp vụ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của chức danh, vị trí việc làm, đội ngũ nhân viên của trường được cử đi đào tạo bồi dưỡng thêm để đảm bảo tất cả đội ngũ Trường đều phải đạt tiêu chuẩn năng lực đã được xác định [H7.07.03.04].

Quy trình đánh giá vào cuối năm được thực hiện như sau: Trường ban hành thông báo về việc đánh giá, xếp loại chất lượng VC và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng để các đơn vị tiến hành đánh giá và bình xét một cách công khai, minh bạch [H7.07.03.05]. Sau khi các đơn vị tiến hành đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua tại đơn vị, các đơn vị sẽ gửi kết quả bình xét về Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng (Phòng TCHC) để phòng tổng hợp, rà soát và trình Hội đồng thi đua khen thưởng xem xét, đánh giá. Kết quả họp Hội đồng sẽ được gửi đến toàn thể các đơn vị thuộc Trường để lấy ý kiến phản hồi [H7.07.03.06], hết thời gian lấy ý kiến phản hồi từ các

đơn vị, Trường sẽ ra quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng VC và bình xét thi đua [H7.07.03.07].

Đánh giá xếp loại nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá đội ngũ nhân viên đều đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Điều đó cho thấy đội ngũ nhân viên hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao.

## **2. Điểm mạnh**

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hoạt động đánh giá và xếp loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ của chương trình đào tạo đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc đánh giá đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ theo từng năm mà chưa đánh giá theo từng khoảng thời gian ngắn hơn như quý hoặc nửa năm. Kết quả đánh giá chưa được sử dụng trong chi trả thu nhập tăng thêm nên chưa tạo được bước chuyển mạnh mẽ trong việc gia tăng năng suất lao động của đội ngũ nhân viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

*Khắc phục tồn tại:* Thực hiện đánh giá đội ngũ nhân viên định kỳ theo từng quý và nghiên cứu cơ chế sử dụng kết quả đánh giá để chi trả thu nhập tăng thêm cho đội ngũ nhân viên.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

### **1. Mô tả hiện trạng**

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ được xác định là một trong những nhiệm vụ của viên chức trường được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo, bồi dưỡng ĐHTCM và Quy định chế độ làm việc đối với GV ĐHTCM



[H7.07.04.01]. Nghị quyết về xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 xác định: đến năm 2025, 100% VC đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chính trị theo quy định. [H7.07.04.02]. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.04.03]

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của VC từ các đơn vị gửi về [H7.07.04.04], Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp, xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm, vị trí quy hoạch và đáp ứng theo nhu cầu, nguyện vọng thực tế của VC [H7.07.04.05].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đối với viên chức có nguyện vọng được thực hiện bằng nhiều hình thức: Trường triển khai mở lớp hoặc cử viên chức tham gia các lớp phù hợp. Các quyết định cử cán bộ tham dự đào tạo được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá việc đào tạo [H7.07.04.06]. Cuối năm, tất cả các khóa, lớp, lượt đào tạo, bồi dưỡng sẽ được tổng hợp lại; và báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm là bức tranh tổng quát về những thành tựu Trường đạt được trong công tác bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực [H7.07.04.07].

VC Trường đa phần là trẻ, năng động, có khả năng bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội là điều kiện thuận lợi để Trường hoàn thành công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Hầu hết các VC có nhu cầu cao trong việc cân bằng giữa công tác chuyên môn và gia đình, tận hưởng cuộc sống, nên việc bố trí thời gian để triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đôi khi không đạt được kết quả như mong đợi.

## ***2. Điểm mạnh***

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. VC Trường đa phần là trẻ, năng động, có khả năng bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội

## ***3. Điểm tồn tại***

Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục bảo đảm điều kiện về thời gian, kinh phí và lựa chọn các CTĐT, bồi dưỡng có chất lượng.

*Khắc phục tồn tại:* Thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ áp dụng vào công việc để đánh giá, cải tiến.

**5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

**1. Mô tả hiện trạng**

Hệ thống việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc, của đội ngũ viên chức và người lao động được quy định cụ thể trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHTCM, Bản mô tả công việc của vị trí việc làm của từng cá nhân [H7.07.05.01]

Để quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, nhà trường đã xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên và quy chế thi đua, khen thưởng làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng nhân viên hàng năm [H7.07.05.02]. Đầu năm, căn cứ vào những quy định của Nhà Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng Bản đăng ký thi đua của mình [H7.07.05.03]. Từ đó, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Thúc đẩy, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức [H7.07.03.04]. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá công việc nhân viên trực thuộc theo các quy định của Nhà trường. Nội quy lao động quy định chi tiết về kỷ luật lao động [H7.07.05.05].

Nhân viên hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc công việc hàng năm đều được xét tặng các danh hiệu thi đua khen thưởng như chiến sỹ thi đua, lao động tiên tiến [H7.07.05.06]. Đồng thời, đây cũng là tiêu chí để xem xét đề nghị nâng lương trước hạn, quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh theo quy định. Ngoài ra, nhằm ghi nhận đóng góp của GV, VC, NLD trường tổ chức tuyên dương ngay khi các cá nhân và tập thể có các thành tích nổi bật [H7.07.05.07]. Trong giai đoạn 2018 – 2022, không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường cũng ban hành Quy chế dân chủ tại Trường

theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường đều được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu người học, gia đình SV và các đối tượng khác [H7.07.05.08].

## **2. Điểm mạnh**

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Yêu cầu đòi hỏi để đạt các danh hiệu khen cao đặt nặng thành tích NCKH. Do tính chất công việc và các ràng buộc về thời gian nên số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua cao rất hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục nâng cao công tác quản lý NV hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.

*Khắc phục tồn tại:* Xây dựng các chính sách khen thưởng, động viên kịp thời để tạo động lực cho các đội ngũ NV trong quá trình làm việc.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 7:***

### ***Những điểm mạnh nổi bật:***

Trường được giao thí điểm cơ chế tự chủ từ năm 2015, là một trong những Trường tiên phong trong việc xây dựng đề án vị trí việc làm. Đề án vị trí việc làm quy định rõ những năng lực và kinh nghiệm cho từng vị trí lãnh đạo, GV và NV của Trường. Những tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm cho từng vị trí là cơ sở để Trường thực hiện tuyển dụng, quy hoạch bổ nhiệm và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

Trường có kế hoạch phát triển nhân sự và có chính sách phù hợp để thực hiện kế hoạch. Đội ngũ NV thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng, bằng cấp thích hợp và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, có sự đóng góp ý kiến của NV và được phổ biến công khai trong toàn trường. Có QT, PP, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt

động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ CTĐT đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Thực hiện xác định nhu cầu về ĐT bồi dưỡng để triển khai kế hoạch và thực hiện ĐT, bồi dưỡng hiệu quả theo nhu cầu. Có phân bổ ngân sách hoạt động này. Có quy định cụ thể về khối lượng công việc với NV và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Có triển khai đánh giá hiệu quả công việc của NV. Tất cả NV đều có bản mô tả công việc thể hiện rõ khối lượng và các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi.

***Những tồn tại cơ bản:***

Bộ máy hành chính đã tinh gọn rất nhiều so với lúc vừa sát nhập 2 trường, tuy nhiên tỷ lệ 75 giảng viên/25 viên chức hành chính như chiến lược đã đề ra vẫn chưa đạt được. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng, chưa thu hút nhiều ứng viên xuất sắc. Hầu hết các VC có nhu cầu cao trong việc cân bằng giữa công tác chuyên môn và gia đình, tận hưởng cuộc sống, nên việc bố trí thời gian để triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đôi khi không đạt được kết quả như mong đợi. Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,40 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

**TIÊU CHUẨN 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

***Mở đầu***

Trường Đại học Tài chính – Marketing nhận định chất lượng của NH là yếu tố quyết định tới sự phát triển của nhà trường và chất lượng của CTĐT. Với mục đích đào tạo ra nguồn nhân lực ngành QTKD, khoa QTKD Trường ĐH Tài chính - Marketing luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH là trọng tâm trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động của Khoa. Trường và Khoa đã xây dựng và từng bước cải tiến công tác tuyển sinh, nâng cao hoạt động quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của NH, đẩy mạnh hoạt động hoạt động hỗ trợ NH, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, năng động.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trường xây dựng chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình xây dựng đề án tuyển sinh chính sách tuyển sinh của các ngành đào tạo nói chung và Khoa QTKD nói riêng được quy định một cách rõ ràng, chi tiết và

đầy đủ, bao gồm: văn bằng, thời gian đào tạo, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng thông qua các kênh tuyển sinh đa dạng nhằm hỗ trợ thí sinh có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và hiệu quả [H8.08.01.01].

Hàng năm, Trường đã xây dựng đề án tuyển sinh, Khoa QTKD xác định kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.02]. Chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường và Khoa được cập nhật hàng năm để phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế tuyển sinh chung của các trường ĐH trong cả nước. Phương thức tuyển sinh thay đổi theo từng năm, từ 2 phương thức xét tuyển trong năm học 2018-2019 tới 4 phương thức xét tuyển trong năm học 2022-2023, bao gồm các hình thức: tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của bộ GD&ĐT; xét tuyển học sinh có kết quả học tập THPT tốt; xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia theo tổ hợp môn; xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi ĐGNL của đại học quốc gia [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Qua đó, phần lớn NH của Khoa QTKD được xét tuyển thông qua 2 hình thức chính là: xét điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia và điểm từ xét học bạ THPT. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành QTKD (điểm, đối tượng ưu tiên..) được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Trường và Khoa thực hiện việc công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh. Cụ thể về đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, đánh giá đầu vào, các chính sách ưu đãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, trang thông tin điện tử của Trường và Khoa, sách “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH”, cẩm nang Tư vấn tuyển sinh của Trường, tờ rơi tuyển sinh.... Trường thực hiện các chính sách thu hút NH thông qua các chương trình học bổng dành cho đối tượng học sinh khác nhau như: học bổng cho các thủ khoa đầu vào của Trường trên cơ sở điểm thi THPT và điểm học bạ lớp 12 [H8.08.01.05].

Nhằm tăng hiệu quả của công tác tuyển sinh, dựa trên kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, Khoa QTKD tích cực phối hợp cùng Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác DN của Trường để triển khai chính sách tuyển sinh thông qua những hoạt động cụ thể [H8.08.01.06]: i) Thiết lập đội ngũ tuyển sinh với thành phần đa dạng, gồm Lãnh đạo Khoa, một số GV của các khoa chuyên môn có nhiều kinh nghiệm và một số NH tiêu biểu; ii) Tạo điều kiện cho GV, NH tham gia các đợt tập huấn về nội dung kỹ năng tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh do Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác DN tổ chức để cập nhật thông tin; iii) Xây dựng tài liệu tuyển sinh ngành QTKD chương trình Tích hợp với nội dung đa dạng, phong phú như video giới thiệu ngành QTKD chương trình Tích hợp; tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh; iv) Tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tuyến tại các trường THPT qua hoạt động tư vấn dưới cờ, hướng nghiệp cho học sinh; tham gia các

chương trình giao lưu, hội thảo tư vấn tuyển sinh cùng các trường ĐH, Cao đẳng; trong các buổi tham quan Trường của học sinh THPT trong địa bàn thành phố và các tỉnh.

**Bảng 8.1 : Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học**

<b>Năm học</b>	<b>Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh ngành QTKD</b>	<b>Số lượng NH nhập học chính thức</b>
2019		265
2020		199
2021		292
2022		363
2023		695

Chính sách tuyển sinh của Trường có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và được cập nhật hằng năm. Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh hằng năm, Khoa và Trường tiến hành việc lấy ý kiến của các bên liên quan cũng như tham khảo dự báo nhu cầu nhân lực, từ đó, Khoa đề xuất những cải tiến cập nhật Chính sách tuyển sinh cho năm học tiếp theo để nâng cao hoạt động tuyển sinh về số lượng cũng như chất lượng [H8.08.01.07], [H1.01.01.08].

## **2. Điểm mạnh**

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho mọi thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu NH và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Từ năm học 2024 - 2025, Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác DN phối hợp với khoa QTKD tăng cường: Quảng bá những hình ảnh về thông tin hoạt động của ngành học đến các đối tượng có liên quan; Liên tục cập nhật bổ sung những thông tin, hình ảnh hoạt động chi tiết của ngành học như hoạt động giảng dạy, sinh hoạt ngoại khóa, thực hành thực tập... Cập nhật, đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông, nhất là qua mạng Internet.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 – 2025, ngoài việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các cựu NH và NTD, Khoa/Trường cần quảng bá rộng rãi thêm thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới

thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu NH và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành ĐT và họ sẵn sàng truyền thông cho Khoa/Trường.

**5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐH Tài chính - Marketing thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển người học theo quy chế tuyển sinh ĐH hàng năm của BGD&ĐT [H8.08.02.01]. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hàng năm để tuyển chọn được người học có được năng lực phù hợp với ngành nghề đào tạo. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tuân thủ theo đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Nhà trường [H8.08.02.02-03].

Từ năm 2014 về trước, phương thức tuyển sinh của Nhà trường là dựa vào kết quả thi tuyển đại học theo khối ngành của thí sinh. Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học; xét tuyển học bạ THPT các năm; xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi đánh giá năng lực ĐH Quốc gia TPHCM, xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Trong mỗi phương thức sẽ xét theo các tiêu chí cụ thể được quy định tại Mục 2 trong đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.04]. Các tổ hợp môn xét tuyển các ngành đại học tại trường được cụ chi tiết hóa và công khai để cho các thí sinh được biết và lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển. Các dữ liệu về số lượng tuyển sinh và điểm chuẩn xét tuyển hàng năm cũng được Nhà trường cập nhật trên website trường [H8.08.01.05].

Để đảm bảo chất lượng, Khoa đã chủ động đề xuất với hội đồng tuyển sinh lưu ý đến đội ngũ tư vấn tuyển sinh, cần có sự hỗ trợ của giảng viên ngành QTKD để hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho NH, đa dạng hoá thêm các hình thức tư vấn tuyển sinh với khách mời là các diễn giả DN ở các tập đoàn, công ty nước ngoài, GV của các trường liên kết.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường có những buổi họp để phân tích đánh giá kết quả tuyển sinh, từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo [H8.08.02.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan để làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được phù hợp hơn, công bằng và dân chủ [H8.08.02.03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thể mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo của Trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi.

Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thôi học và chất lượng NH năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ DN phối hợp với Khoa bám sát quy chế của BGD&ĐT xác định tiêu chí tuyển sinh linh hoạt, đa dạng sao cho việc chọn lựa được NH phù hợp nhất.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ DN cùng với Khoa nên tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh. Trường cần có chính sách rõ ràng hơn để thu hút lượng học sinh giỏi, chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thôi học và chất lượng NH năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.***

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường có bộ phận và GV, NV chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ NH từng bước tiến bộ. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được phân công cho các phòng ban như: Phòng Công tác sinh viên, Phòng Quản lý Đào tạo, và các phòng ban khác liên quan [H8.08.03.01].



Năm học đầu tiên, Phòng ĐT và Phòng CTSV phối hợp với Khoa tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSNH để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thông tin cho NH trong quá trình học tập tại Trường. NH tham dự Lễ đón tân sinh viên do Trường và Khoa tổ chức và được giới thiệu tổng quan về các phòng ban quản lý học tập và rèn luyện của Trường, tổng quan về Khoa, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa QTKD, CVHT của từng lớp, tổng quan về CTĐT ngành QTKD và phương pháp học tập ở môi trường ĐH, xác định được kế hoạch học tập phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập cần thiết trong từng năm học [H8.08.03.02].

Đội ngũ CVHT tại của Khoa được thiết lập gồm các giảng viên cơ hữu của Khoa QTKD. Nội dung CVHT sinh hoạt lớp hàng tháng được gửi tới các Khoa trong tuần đầu tiên mỗi tháng bao gồm những vấn đề học vụ do các phòng chức năng tổng hợp. Lãnh đạo phân công một GV phụ trách công tác CVHT triển khai thực hiện nội dung sinh hoạt CVHT. Mỗi CTVH duy trì lịch sinh hoạt CVHT với NH hàng tháng, đảm bảo thực hiện 4 buổi sinh hoạt CVHT trong một học kỳ để hỗ trợ và tư vấn về quy định và hoạt động của Trường/Khoa, tiến độ CTĐT và giải đáp thắc mắc học vụ của NH. Trường hợp có những vấn đề thắc mắc, kiến nghị của NH cần giải quyết ngay, thư kí Khoa phụ trách tổng hợp báo cáo và gửi ngay tới các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời cho NH. CVHT thực hiện việc giám sát quá trình học tập và rèn luyện của NH để kịp thời tư vấn cho NH thực hiện đúng tiến độ của CTĐT [H8.08.03.03].

Bên cạnh đó, thư kí Khoa cũng tham gia hỗ trợ, tư vấn NH giải quyết học vụ và phối hợp với các phòng ban liên quan của Trường để giải quyết vấn đề học vụ cho NH. Trên cơ sở CTĐT và kế hoạch do phòng ĐT công bố vào mỗi học kỳ, Lãnh đạo Khoa phối hợp cùng lãnh đạo bộ môn, thư kí khoa, phòng ban xây dựng thời khoá biểu, lịch thi, lịch thực tập phù hợp ở từng học kỳ, giúp NH có điều kiện hoàn thành CTĐT đúng thời hạn [H8.08.03.04].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường xây dựng và ban hành quy trình quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Quy trình xử lý cảnh báo học vụ, thống kê kết quả học tập của NH để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH [H8.08.03.07]. Trường gửi thư báo kết quả học tập định kỳ cho phụ huynh để đôn đốc sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện [H8.08.03.07]. Định kỳ hàng năm, BGH, Ban Lãnh đạo Khoa và Phòng Công tác sinh viên tổ chức gặp mặt để trực tiếp giải đáp các thắc mắc của NH, đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH [H8.08.03.08].

Trường có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. Toàn bộ hoạt động này được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm hồ sơ thông tin của NH, các thông báo của Trường, thời

khoá biểu, lịch học, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, thông báo công nợ...Việc học tập và rèn luyện của NH được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy chế đào tạo của Trường. Khối lượng học tập được quy định cụ thể trong CTĐT khung của Khoa sẽ được phân bổ theo giai đoạn từng năm học, từng học kỳ, kết quả học tập, rèn luyện của từng NH có thể tra cứu thông qua phần mềm quản lý đào tạo uis.ufm.edu.vn [H8.08.03.09].

Sau khi NH tiến hành việc đăng ký học trên hệ thống quản lý đào tạo, NH có thể xác định kế hoạch học tập của từng học kỳ và theo dõi tiến độ hoàn thành khối lượng học tập và rèn luyện của bản thân theo giai đoạn đào tạo. GV phụ trách môn học có danh sách NH tham dự lớp học phân và giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của NH thông qua điểm thường kỳ và điểm giữa kỳ [H8.08.03.10].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ NH.

Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.

Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của NH được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của NH được cải thiện.

## **3. Điểm tồn tại**

Hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của NH chưa được định kỳ đánh giá.

Các báo cáo KQHT được thực hiện chung cho cả trường và các ngành do khoa quản lý, chưa được tổng hợp riêng cho ngành QTKD.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Phát huy hơn nữa hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng sao cho phản ánh đúng sự tiến bộ của NH trong rèn luyện và học tập.

*Khắc phục tồn tại:* Năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phân tích KQHT của người học một cách cụ thể nhằm giám sát và hỗ trợ người học học tập tốt hơn. Nhà trường cần định kỳ đánh giá hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát

quá trình và KQHT, rèn luyện của NH. Khoa phân loại báo cáo KQHT của từng ngành nhằm dễ dàng nắm bắt sự thay đổi.

**5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường và Khoa có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, gồm:

i) *Về trách nhiệm tư vấn học tập*, các phòng ban như Phòng ĐT, Phòng QLSV, Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT và giáo vụ khoa [H8.08.04.01].

ii) *Về hoạt động ngoại khóa, thi đua*, Lãnh đạo Khoa, đội ngũ GV phối hợp với Đoàn Khoa và Liên chi hội Khoa để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH. [H8.08.04.02].

iii) *Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH*, Trường phân công bộ phận thư viện hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm hiểu các tài liệu học tập cần thiết. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình [H8.08.04.03].

Trường có bộ phận là Trung tâm tuyển sinh và Hợp tác DN có nhiệm vụ tư vấn việc làm cho NH và đảm trách hoạt động liên kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.04]. Trung tâm tuyển sinh và Hợp tác DN đảm nhiệm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, khảo sát đánh giá và báo cáo kết quả về quan hệ doanh nghiệp: hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, giới thiệu NH tới thực hành, thực tập, kiến tập; khảo sát và báo cáo nhu cầu tìm việc và tình hình việc làm của NH được giới thiệu việc làm; đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng của NH thực hành, thực tập; Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng của NH tốt nghiệp. Trung tâm tuyển sinh và Hợp tác DN quản lý vận hành cổng thông tin việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu NH đến thực tập tại doanh nghiệp và quản lý danh sách NH thực tập; kết nối các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động cộng đồng, gắn kết NH với doanh nghiệp và thế giới việc làm, như: tham quan nhà máy sản xuất, ngày hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng nhân lực, huấn luyện kỹ năng hội nhập việc làm, qua đó xây dựng thương hiệu trường Đại học Tài chính – Marketing đến doanh nghiệp và cộng đồng [H8.08.04.05].

Hàng năm, Khoa có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH theo các quy định chung của Trường [H8.08.04.05]. Trong đó, đội ngũ CVHT giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ CVHT là GV cơ hữu của Khoa thực sự là cầu nối hiệu quả giữa Trường và Khoa trong giám sát việc học tập của NH, đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, ưu, nhược điểm của NH để định hướng NH tham gia những hoạt động phù hợp của Trường/Khoa, tạo nên tập thể lớp đoàn kết, năng động và cùng tiến bộ. Để thực hiện thống nhất trong toàn trường, hàng tháng, Trường đã ban hành Nội dung sinh hoạt CVHT bao gồm các chủ điểm quan trọng, các lưu ý về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các hoạt động khác do các phòng ban chức năng cung cấp như: Phòng ĐT, Phòng TTGD, Phòng CTNH, Tổ Y tế... làm cơ sở cho CVHT sinh hoạt với NH. Khoa tổ chức buổi lễ chào đón tân NH vào đầu khoá học để tư vấn, định hướng cho NH và tạo động lực cho NH hòa nhập với môi trường mới. NH được hướng dẫn phương pháp học ĐH hiệu quả phù hợp với ngành QTKD [H8.08.04.06]. Mỗi năm, đại diện các phòng ban và đại diện Khoa thường xuyên gặp gỡ ban cán sự các lớp để nắm bắt thông tin và hỗ trợ. Khoa và phòng CTNH phối hợp các buổi đối thoại giữa BCN Khoa, BGH với NH toàn Khoa [H8.08.03.08].

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa có kế hoạch và triển khai hoạt động thăm quan, kiến tập dành cho NH năm thứ hai, thứ ba nhằm cung cấp cho NH những hiểu biết về tổ chức, hoạt động, cơ sở vật chất và tiêu chí tuyển dụng của các cơ quan, tổ chức hành nghề. Qua đó, giúp NH có định hướng nghề nghiệp trong tương lai, kế hoạch phấn đấu trong quá trình học tập, cũng như tăng niềm đam mê và tình yêu đối với chuyên ngành được đào tạo, tạo động lực trong học tập cho NH. [H8.08.04.08].

Trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của NH gồm: Liên chi hội khoa QTKD, Đoàn Khoa QTKD, Ban cán sự lớp, Bí thư Chi đoàn lớp, là “cánh tay nối dài” kết nối thông tin giữa Trường, Khoa với NH. Thành lập các CLB ngoại khoá với với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH [H8.08.04.11].

Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành QTKD. [H8.08.04.12], [H8.08.04.13]. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động này, Trường có chính sách hỗ trợ và khen thưởng, tặng giấy khen cho CVHT, Ban Cán sự lớp, Bí thư Chi Đoàn lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ [H8.08.04.14].

#### **Bảng 8.4 : Các hoạt động hỗ trợ NH trong quá trình học**

Hoạt động	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư
Định hướng phương pháp học tập trong môi trường ĐH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá</li> <li>- Bầu Ban cán sự lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họp Ban cán sự</li> <li>- Gặp mặt NH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họp Ban cán sự</li> <li>- Gặp mặt NH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họp Ban cán sự</li> <li>- Gặp mặt NH</li> </ul>
Giới thiệu các cơ hội nghề nghiệp để NH chủ động lập kế hoạch rèn luyện kỹ năng hành nghề và định hướng phát triển nghề nghiệp	Talkshow về ngành nghề.	Hội thảo khoa học Ngày hội việc làm Cuộc thi học thuật	Hội thảo khoa học Ngày hội việc làm Cuộc thi học thuật	Hội thảo khoa học Ngày hội việc làm Cuộc thi học thuật
Hoạt động ngoại khoá và hỗ trợ cộng đồng	Chương trình Mùa hè xanh Chương trình Xuân Tình Nguyễn Các chương trình hoạt động từ thiện như Bếp yêu thương, San sẻ yêu thương; Thăm các mái ấm, lớp tình thương.	Chương trình Mùa hè xanh Chương trình Xuân Tình Nguyễn Các chương trình hoạt động từ thiện như Bếp yêu thương, San sẻ yêu thương; Thăm các mái ấm, lớp tình thương.	Chương trình Mùa hè xanh Chương trình Xuân Tình Nguyễn Các chương trình hoạt động từ thiện như Bếp yêu thương, San sẻ yêu thương; Thăm các mái ấm, lớp tình thương.	Chương trình Mùa hè xanh Chương trình Xuân Tình Nguyễn Các chương trình hoạt động từ thiện như Bếp yêu thương, San sẻ yêu thương; Thăm các mái ấm, lớp tình thương.

Khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH. Nhằm thực hiện định hướng ứng dụng - thực hành của Trường, Khoa tiến hành hoạt động liên kết với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và các tỉnh để tạo điều kiện cho NH thực tập, tiếp xúc thực tế, từ đó tăng cường kỹ năng để xin việc làm [H8.08.04.15]. Trường và Khoa đã xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động tổ chức ngày hội việc làm, tạo cầu nối giữa NH và nhà tuyển dụng, hỗ trợ việc làm đúng chuyên ngành đào tạo cho NH cũng như thiết lập nền móng ban đầu để các em có cơ hội làm việc sau khi tốt nghiệp. Dựa trên Quy trình giới thiệu việc làm do Trường ban hành, Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác DN tiến hành các hoạt động cụ thể để kết nối NH với nhà tuyển dụng. NH có thể tìm thấy trên trang web của trung tâm những thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp được cập nhật đều đặn [H8.08.04.16]. Qua đó, đa số NHTN có việc làm của ngành QTKD có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo [H8.08.04.17].

Trong năm 2019-2023, có hơn 80% số NH được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát với tỷ lệ trên cho thấy các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của NH hàng năm của Khoa đã có hiệu quả nhất định, đồng thời là cơ sở để Khoa xem xét những điều chỉnh phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm trong năm học tới [H8.08.04.18].

## ***2. Điểm mạnh***

Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Trường và Khoa có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế.

Trường và Khoa có mối quan hệ, kết nối với doanh nghiệp tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm.

## ***3. Điểm tồn tại***

Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho NH đa số gói gọn trong phạm vi Trường, chưa đa dạng các hoạt động mang phạm vi cấp thành phố hoặc cả nước để thu hút thêm NH các trường khác tham gia. Tuy khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đối chuẩn sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện.

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT, trợ lý đào tạo, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, GV, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ NH,

tư vấn hỗ trợ học tập giúp NH nâng cao thành tích học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề, tự tin.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 – 2025, Khoa sẽ phối hợp cùng Phòng CTSV và Đoàn trường nghiên cứu và tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa trực tiếp hoặc online để tạo cơ hội cho NH có thể tham gia nhiều hoạt động và có điều kiện giao lưu, học hỏi với NH các trường bạn. Khoa thực hiện so sánh, đối chiếu hiệu quả của các hoạt động thông qua phân tích kết quả số lượng người tham dự, phản hồi của người tham dự, quy mô tổ chức,...

#### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Khoa QTKD có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD là 64.973 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn trực tiếp phục vụ đào tạo là 30.528 m<sup>2</sup>. Cơ sở hạ tầng khang trang, hiện đại gồm: hội trường, thư viện với nhiều đầu sách, khu tự học với phòng làm việc nhóm, phòng đọc, phòng máy tính tra cứu thông tin [H8.08.05.01], [H8.08.05.02].

Các lớp chất lượng cao của ngành QTKD được bố trí, sắp xếp lịch giảng dạy và học tập tại cơ sở của nhà trường. Văn phòng Khoa QTKD được bố trí tại phòng 307 cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận. Phòng làm việc được trang bị máy lạnh, máy tính, máy in, máy scan, tủ đựng tài liệu cho từng bộ môn và các trang thiết bị đảm bảo.

Trường và Khoa đã ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho NH, trong đó nhấn mạnh đến quy tắc ứng xử của NH đối với GV, NV và trang phục, tác phong trong môi trường sư phạm tạo nề nếp, trật tự, quy định trong Trường. Thông qua giao tiếp lịch sự, tôn trọng của Ban chủ nhiệm Khoa, GV, giáo vụ Khoa với NH tạo ra môi trường thân thiện, gần gũi với NH khiến NH thêm tin yêu và tự hào về Khoa, Trường [H8.08.05.03].

Công đoàn Trường phối kết hợp với các phòng ban khác trong Trường tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện và thu hút sự tham gia của NV, GV để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho NV, GV, luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng đội ngũ NV, GV.. Tổ trưởng Công đoàn Khoa cùng với Ban Lãnh đạo Khoa cải thiện điều kiện việc làm, chăm lo đời sống cho NV, GV trong Khoa. Thu hút NV, GV tham gia các hoạt động do Công đoàn Trường phát động [H8.08.05.04].

Trường và Khoa thành lập các CLB ngoại khoá với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Thông tin về các CLB được đăng trên website của nhà trường để NH dễ dàng tìm hiểu [H8.08.05.05]. Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện sau giờ học trên giảng đường cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành QTKD.

Cảnh quan sư phạm của Trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho GV, NV và NH về điều kiện học tập, sinh hoạt trong khuôn viên trường có nhiều cây xanh, hoa, ghế đá, mái che nắng, hồ cá tạo môi trường thoải mái, mát mẻ, thân thiện cho NH. Cantin trong khuôn viên trường để phục vụ cho GV, NV và NH [H8.08.05.02]. Bộ phận y tế học đường trực thuộc Phòng CTNH phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho GV và NH [H8.08.05.07]. Trường lắp đặt hệ thống máy lạnh ở tất cả phòng học, lắp đặt hệ thống wifi miễn phí cho NH ở các khu vực công cộng (thư viện, hành lang, sảnh trường...) giúp NH dễ dàng tra cứu thông tin trong và ngoài giờ học. Thư viện lớn với các phòng làm việc khép kín tạo điều kiện cho NH làm việc nhóm. Đồng thời, Trường cũng bố trí nơi nghỉ trưa cho NH, GV tại các cơ sở đào tạo. Tại khu vực Văn phòng khoa QTKD, được trang trí phong phú, sinh động, cập nhật thông tin hoạt động trong tuần. Hằng năm, Trường tổ chức kiểm tra về công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và vệ sinh an toàn thực phẩm để đảm bảo xây dựng một môi trường học tập tốt nhất cho NH [H8.08.05.08].

Để đánh giá sự hài lòng của người học về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan... hàng năm, Khoa và Nhà trường đã lấy ý kiến trực tiếp của người học thông qua các buổi đối thoại NH, các buổi sinh hoạt lớp [H8.08.05.09]. Ngoài ra, Trường tiến hành khảo sát dạng phiếu để lấy ý kiến của người học được khách quan hơn về môi trường học tập, điều kiện học tập và hoạt động ngoại khóa để từ đó những giải pháp điều chỉnh, cải tiến môi trường cảnh quan học tập tốt nhất cho người học [H8.08.05.09].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp người học thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

## **3. Điểm tồn tại**

Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh, thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (*không tập trung, ồn ào, ...*).



#### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiến hành bố trí thêm các phòng làm việc để các GV có môi trường làm việc thuận lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 – 2025, Nhà trường tăng cường một số chậu cây cảnh tạo thêm không gian xanh. Bố trí thêm không gian sinh hoạt chung và không gian riêng yên tĩnh phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu dựa trên khảo sát nhu cầu sử dụng của CB-GV-NV.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

#### **Những điểm mạnh nổi bật:**

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy chế tuyển sinh của BGDDT, được công bố công khai, được cập nhật thường xuyên phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của Trường. Công tác truyền thông tuyển sinh đa dạng, sử dụng nhiều hình thức, phương pháp, phương tiện trong quá trình tuyển sinh. Tùy theo phương thức tuyển sinh, Nhà trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và PP tuyển chọn cho từng CTĐT một cách rõ ràng. Các tiêu chí và PP tuyển chọn người học không ngừng được Nhà trường rà soát, đánh giá và cải tiến. Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ NH. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của NH được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của NH được cải thiện. Có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp người học tăng trải nghiệm thực tế. Có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả người học trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp người học thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

#### **Những tồn tại cơ bản:**

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu NH và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thi học và chất lượng NH năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Khoa chưa thực hiện phân tích KQHT của người học thường xuyên và đồng bộ với phân tích KQHT của P.ĐT nên chưa thực sự giám sát hiệu quả sự tiến bộ trong học tập của người học thuộc các ngành mà Khoa quản lý. Hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của NH chưa được định kỳ đánh giá. Các báo cáo KQHT được thực hiện chung cho cả trường và các ngành do khoa quản lý, chưa được tổng hợp riêng cho ngành QTKD.

Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho NH đa số gói gọn trong phạm vi Trường, chưa đa dạng các hoạt động mang phạm vi cấp thành phố hoặc cả nước để thu hút thêm NH các trường khác tham gia. Tuy khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đổi mới sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện.

Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh. Thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (không tập trung, ồn ào,...). Nhà trường chưa tiến hành khảo sát về nhu cầu sử dụng khuôn viên công cộng cũng như môi trường tâm lý đối với CB-GV-NV.

#### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,20 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

### **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

#### ***Mở đầu***

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Trường đã luôn chú trọng đầu tư hệ thống CSVC-TTB hiện đại phù hợp với mô hình đào tạo chất lượng cao. Trong đó, Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại và phù hợp; Diện tích đất triển khai đào tạo luôn đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định; Hệ thống thư viện với nguồn học liệu đa dạng, thường xuyên được cập nhật, phù hợp với các ngành nghề đào tạo của trường; Hệ thống phòng thực hành đầy đủ, trang thiết bị hiện đại được bảo trì, mua mới thường xuyên; Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng quá trình phát triển công

nghệ hiện nay, ngoài ra cảnh quan môi trường sư phạm thân thiện, đảm bảo an toàn, an ninh, đảm bảo sức khỏe cho CB-GV-NV và NH.

**Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT chất lượng cao ngành QTKD theo quy định hiện hành. Trường hiện đang đào tạo 13 ngành và 02 bậc học (ĐH & SDH) với tổng quy mô đào tạo năm 2022 là 19.646 NH, với tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục là 137.126,6m<sup>2</sup>. Các phòng học phục vụ công việc đào tạo, giảng dạy và học tập của Chương trình chất lượng cao ngành QTKD được bố trí, sắp xếp tại cơ sở 27 Tân Mỹ. Cụ thể, văn phòng Khoa QTKD được đặt tại Trụ sở 778NK (diện tích 90m<sup>2</sup>), Thư viện (tổng diện tích 4.754 m<sup>2</sup>); ngoài ra, một số phòng được bố trí sử dụng chung với Trường như hệ thống phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, khu tự học, phòng máy tính, phòng đọc, thư viện là các phòng thực hành và các phòng tập đa năng với tổng diện tích là 6.628m<sup>2</sup>. Trường Đại học Tài chính – Marketing nói chung và Khoa QTKD nói riêng đáp ứng được với tỉ lệ diện tích đất/NH là: 6.9 m<sup>2</sup>/NH (=137.126,6m<sup>2</sup>/ 19.646 NH) và diện tích sàn/NH là 2.8 m<sup>2</sup>/NH trở lên [H9.09.01.01].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Về hệ thống phòng làm việc, Trường cung cấp 51 phòng làm việc với diện tích 2.388 m<sup>2</sup>, các thiết bị văn phòng như: (Bàn-ghế văn phòng, Máy vi tính, ổ cứng, máy in, máy scan, tủ đựng hồ sơ...). Các thiết bị trên hỗ trợ tối đa cho các công tác hành chính, công tác tiếp sinh viên và giải quyết học vụ, tiếp đón các đoàn khách đến công tác tại Khoa QTKD. Trường về hệ thống phòng học trực thuộc Trường đều sử dụng chung cơ sở vật chất của nhà trường dưới sự điều phối chính của Phòng Quản lý đào tạo. Hiện tại, chương trình tích hợp ngành QTKD sử dụng hệ thống phòng học lý thuyết tại Trụ sở 27 Tân Mỹ quận 7, GDTC&ANQP tại cơ sở Tầng Nhon Phú A, Tp. Thủ Đức; thực hành phòng máy tại 306 Nguyễn Trọng Tuyển. Hệ thống phòng học đảm bảo chức năng của một phòng học tiêu chuẩn; đảm bảo tốt chất lượng cho công tác dạy và học, hệ thống phòng học của Trường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ như hệ thống máy chiếu, âm thanh, chiếu sáng, mạng wifi... thiết kế có nhiều cửa sổ, đảm bảo thông gió, ánh sáng tự nhiên và thiết bị PCCC đảm bảo an toàn cho quá trình dạy và học [H9.09.01.02]. Phòng QTTB phân công 01 NV giám sát, 01 NV bảo trì và 02 NV tại mỗi cơ sở để sửa chữa nhỏ khi cần thiết các trang thiết bị

dạy học hàng ngày. Ngoài ra, GV và NH cần hỗ trợ kỹ thuật có thể phản hồi thông tin tình trạng của máy móc, thiết bị trực tiếp liên lạc các số điện thoại được dán trên bàn Giảng viên, sổ theo dõi tình trạng sử dụng trang thiết bị, để Phòng QTTB kịp thời khắc phục và sửa chữa, hạn chế ảnh hưởng đến việc dạy và học [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Hàng năm, Trường lắng nghe và ghi nhận lại thông qua các buổi đối thoại trực tiếp với NH để từng bước hoàn thiện và nâng cao hệ thống cơ sở vật chất thông qua các phản hồi, đề xuất của Khoa và NH về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Qua đó, Trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, bổ sung thêm hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính [H9.09.01.04]. Trường đầu tư một lượng kinh phí cho cơ sở vật chất và trang thiết bị để đảm bảo tối đa nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của NH và GV [H9.09.01.05].

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Nhà trường rất chú trọng việc phục vụ cho người học. Những năm qua, Nhà trường và khoa QTKD thường xuyên phối hợp với các phòng ban chức năng trong Trường tổ chức hội nghị đối thoại với NH tại Hội nghị CTSV được tổ chức 02 lần/năm, khảo sát NH học tại Trường để lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ sở vật chất và trang thiết bị [H9.09.01.07] [H9.09.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng cơ sở dữ liệu để theo dõi việc sử dụng CSVC thông qua việc kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm; thông qua các kênh thông tin phản ánh về CSVC từ GV-VC tại buổi họp giao ban hàng quý, sơ kết 6 tháng đầu năm – cuối năm, hội nghị CNVC hàng năm [H9.09.01.09]. Kết quả thu được từ các hội nghị đối thoại và khảo sát này là cơ sở để Khoa và Nhà trường đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc bảo trì, sửa chữa, để nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất để phục vụ người học ngày càng tốt hơn [H9.09.01.10], [H9.09.01.11]. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã thực hiện hoàn tất việc sửa chữa, cải tạo và đưa vào sử dụng trên 100 phòng học và phòng thực hành; đưa Thư viện thông tin tại Quận 7 vào sử dụng và thay thế toàn bộ ghế băng thành ghế nệm đơn cho các phòng học để tạo điều kiện thuận lợi cho NH thảo luận nhóm, sinh hoạt và học tập của ngành QTKD nói riêng. [H9.09.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị,... đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và NCKH.

CSVC-TTB được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai.

Có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC-TTB có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

### **3. Điểm tồn tại**

Trường chưa có bố trí phòng làm việc riêng cho các PGS/GS. Một số phòng học thực hành máy tính tại cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển đã cũ, chưa được sắp xếp, bố trí thiết bị hợp lý

### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục trang bị thêm phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Trường cần bổ sung thêm phòng làm việc cho PGS/GS; có kế hoạch đầu tư nâng cấp/thay mới thiết bị máy tính và bố trí thiết bị hợp lý cho các phòng thực hành tại cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường có hệ thống thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H09.09.02.01]. Hiện Thư viện có 03 cơ sở với tổng diện tích là 2.618 m<sup>2</sup>, NH chương trình tích hợp ngành QTKD chủ yếu khai thác và sử dụng thư viện tại cơ sở 27 Tân Mỹ. Ở mỗi cơ sở Thư viện đều bố trí các phòng chức năng chủ yếu, đảm bảo đủ điều kiện phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [H9.09.02.02].

Thư viện Trường có nội quy và quy định sử dụng các dịch vụ một cách rõ ràng và cụ thể. Các nội quy và quy định được cập nhật và chỉnh sửa theo tình hình thực tế, cùng với phương thức phục vụ ngày càng đổi mới của Thư viện. Các thông tin được đăng tải kịp thời trên website Thư viện, giúp người sử dụng nhanh chóng cập nhật thông tin [H09.09.02.03]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành các quy trình như: quy trình tra cứu tài liệu, quy trình mượn trả tài liệu, tạo điều kiện cho người sử dụng tiếp cận với các dịch vụ tại Thư viện [H09.09.02.04]. Thư viện triển khai các hoạt động tập huấn, giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt NH đầu khóa, nhằm giúp NH khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có [H9.09.02.05]. Các cơ sở Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động và phục vụ NH như: chỗ ngồi, bàn, ghế, máy tính, máy quét mã vạch, máy scan... [H09.09.02.06].

Trường có đầy đủ học liệu bao gồm giáo trình, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tính đến tháng 3 năm 2023, nguồn học liệu của Thư viện bao gồm: tài liệu in ấn có 23.334 tựa/ 64.831 bản, tài liệu số có: 3.342 tựa tài

liệu nội sinh và 07 cơ sở dữ liệu trực tuyến [H09.09.02.07], trong đó tài liệu phục vụ CTĐT tích hợp ngành QTKD là 1,964 tựa/ 7,891 bản sách, 68 tựa nghiên cứu khoa học, 193 tựa khóa luận tốt nghiệp. Ngoài tài liệu phục vụ cho từng chuyên ngành, Thư viện còn bổ sung các tài liệu phục vụ cho nhu cầu tham khảo thêm như sách văn học, tâm lý và kỹ năng... [H09.09.02.08].

Hằng năm, các học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của NH và GV. Công tác cập nhật, bổ sung tài liệu có sự quan tâm và chú trọng. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa Thư viện và các khoa, Thư viện bổ sung tài liệu dựa trên ĐCCT HP của Khoa, đảm bảo tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường [H09.09.02.09]. Định kỳ hằng năm, Thư viện rà soát và có dự toán mua sắm bổ sung tài liệu, các trang thiết bị chuyên dụng. [H09.09.02.10]. Bên cạnh nguồn học liệu bổ sung, Thư viện còn nhận được nguồn học liệu từ Quỹ Châu Á, CB-GV, NH tặng [H09.09.02.11]. Để tăng cường hợp tác và trao đổi, chia sẻ tài nguyên, Thư viện Trường còn hợp tác với các Thư viện/cơ quan thông tin và dự án có cùng chuyên ngành đào tạo để trao đổi, chia sẻ học liệu [H09.09.02.12]. Do đó, NH và GV Trường ĐH Tài chính - Marketing nói chung và Khoa QTKD nói riêng được tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng, phong phú.

Thư viện cũng đã thiết lập cơ sở dữ liệu tài liệu môn học theo danh mục tài liệu trong ĐCCT của HP, nhằm phục vụ tra cứu tài liệu của GV và NH được thực hiện dễ dàng hơn, nhờ vào việc biên mục các tài liệu trên phần mềm. Thư viện có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện, để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện hệ thống Thư viện Trường được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện PSC zLIS 7.0 (Library Information System của Công ty PSC - Pyramid Software and Consulting), phần mềm giúp Thư viện thực hiện triệt để các chức năng quản lý của mình và theo dõi kết quả các dịch vụ, cùng hiệu quả sử dụng các nguồn học liệu hiện có tại Thư viện [H09.09.02.13]. Một số CSDL trực tuyến hiện tại của Thư viện thống kê được số lượng người sử dụng truy cập và sử dụng tài liệu hiệu quả [H09.09.02.14].

Định kỳ hằng năm, Thư viện tổ chức lấy ý kiến người sử dụng thông qua hình thức gửi phiếu khảo sát [H09.09.02.15]. Kết quả khảo sát hằng năm (2019-2023), cho thấy trên 90% NH, CB-GV đánh giá hài lòng về chất lượng phục vụ của Thư viện [H09.09.02.16]. Ngoài ra, tại các cuộc hội nghị công tác SV mỗi học kỳ, Thư viện còn nhận được các ý kiến phản hồi từ NH về hiệu quả hoạt động của Thư viện [H09.09.02.17]. Các kết quả khảo sát hiệu quả hoạt động hàng năm, cùng những thông tin nhận được từ các hội nghị công tác SV mỗi học kỳ và dữ liệu từ hệ thống phần mềm của Thư viện, đều được Nhà trường sử dụng làm cơ sở, nhằm cải tiến nâng cao chất lượng nguồn học liệu, khắc phục các lỗi và mua sắm phần mềm quản lý Thư viện, đồng

thời sửa chữa, bảo trì các trang thiết bị, để từng bước khắc phục những mặt còn hạn chế, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ người sử dụng. [H09.09.02.18], [H09.09.02.19]. Cùng với định hướng phát triển theo hướng tự động hóa và hướng tới người sử dụng, Nhà trường đã và đang thực hiện các dự án cải tạo, sửa chữa các trụ sở và triển khai, áp dụng các công nghệ hiện đại cho Thư viện như: công từ, quản lý tài liệu bằng công nghệ RFID. Theo đó, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất của Thư viện sẽ được cải thiện khang trang, hiện đại [H09.09.02.20], [H09.09.02.21]. Trong đề án chuyển đổi số của Trường, Nhà trường có chủ trương tăng cường đầu tư thư viện số, số hóa tài liệu, học liệu, chia sẻ và khai thác nguồn học liệu trên môi trường internet và thiết bị thông minh. Đây là cơ sở tạo đột phá và hình thành Thư viện hiện đại [H09.09.02.22].

Tóm lại, Trường luôn xác định Thư viện là một yếu tố quan trọng, thước đo đánh giá vai trò, chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả đào tạo và NCKH của Trường. Do đó, trong những năm qua Trường luôn có kế hoạch đầu tư, bảo trì, rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Thư viện, để không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ NH, trong đó có NH CTĐT tích hợp ngành QTKD.

## ***2. Điểm mạnh***

Nguồn học liệu (bản in và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, định kỳ được bổ sung, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành QTKD.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với người học.

Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện.

## ***3. Điểm tồn tại***

Không gian phòng đọc, phòng sinh hoạt khác tại thư viện có diện tích còn hạn chế so với nhu cầu NH.

Nguồn học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) ngoại văn chưa đủ đáp ứng theo danh mục tài liệu giáo trình chính – giáo trình tham khảo cho các HP theo CTĐT

## ***4. Kế hoạch hành động***

*Phát huy điểm mạnh:* Thư viện tiếp tục kết nối chặt chẽ với khoa QTKD trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về ngành QTKD nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Phòng KHTC, Khoa/Viện, Thư viện thực hiện hàng năm

*Khắc phục tồn tại:* Trường cần đầu tư mở rộng diện tích phòng đọc, phòng sinh hoạt tại thư viện. Thư viện cần bổ sung nguồn học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo ngoại văn (bản cứng/bản mềm), cập nhật các tài liệu giáo trình xuất bản trong 05 năm gần đây để bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ cho đầy đủ đáp ứng theo danh mục tài liệu giáo trình chính/giáo trình tham khảo cho các HP theo CTĐT. Phòng QTTB, Phòng KHTC, Khoa/Viện, Thư viện thực hiện từ 2024 - 2025. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tại Thư viện. Thư viện thực hiện 2024-2025.

**5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trường có 32 phòng thực hành bao gồm: phòng máy tính, phòng đặc thù, phòng thực hành DN, phòng LAB với các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Đối với chương trình đào tạo tích hợp ngành QTKD thì các phòng thực hành máy tính, phòng đặc thù và phòng LAB đã được Trường phê duyệt và bàn giao cho Phòng Công nghệ thông tin quản lý căn cứ Quyết định số 791/QĐ-ĐHTCM ngày 14/5/2018, số 249/QĐ-ĐHTCM ngày 04/3/2020, số 1532/QĐ-ĐHTCM ngày 14/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [H9.09.03.01].

Các Khoa chức năng phối hợp cùng được Nhà trường giao trọng trách thực hiện các công việc giảng dạy, đào tạo và hỗ trợ hoạt động NCKH. Trường hiện có 32 phòng thực hành có máy tính với 1363 bộ máy vi tính và được cung cấp các trang thiết bị phù hợp. [H9.09.03.02].

Các phòng thực hành với tổng diện tích 3.070 m<sup>2</sup> được bố trí khoa học và hợp lý tại các cơ sở đào tạo của Trường bao gồm: 10 phòng máy tính tại cơ sở 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình; 10 phòng máy tính (trong đó có 02 phòng đặc thù), 04 phòng thực hành Doanh nghiệp tại cơ sở Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức; 04 phòng máy tính và 03 phòng LAB tại cơ sở 27 Tân Mỹ, Quận 7; 01 phòng máy tại Trụ sở 778 Nguyễn Kiệm. Tại mỗi cơ sở có phòng máy tính, phòng Công nghệ thông tin cử 01 nhân viên IT trực thường xuyên tại phòng làm việc riêng biệt với diện tích từ 20-30



m2 để quản lý CSVC đồng thời giám sát hệ thống mạng internet luôn đảm bảo phục vụ nhu cầu NH học tập và NCKH phù hợp với điều kiện của Trường nói chung và của Phòng CNTT nói riêng [H9.09.03.03]. Các phòng thực hành hiện đều được trang bị các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm phục vụ đầy đủ cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Để thực hiện tốt công tác quản lý người học và CSVC tại phòng thực hành máy tính. Nhà trường ban hành “Nội quy phòng thực hành” nêu rõ các trách nhiệm của người học, người quản lý và hướng xử lý vi phạm. [H9.09.03.04].

Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Nhà trường cũng có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hàng năm dựa trên dự trù và đề xuất của các Khoa [H9.09.03.05].

Trong phòng thực hành ngoài việc có “Nội quy phòng thực hành” riêng còn có Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện do Phòng CNTT quản lý, ban hành và hướng dẫn chung cho người sử dụng [H9.09.03.06 - <https://phongcntt.ufm.edu.vn/vi/tu-van-ky-thuat>]. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, Phòng CNTT sử dụng Sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng trang thiết bị; Sổ nhật ký theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng; Sau mỗi buổi học hoặc sử dụng trang thiết bị thực hành, đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng [H9.09.03.07]. Phòng CNTT có cán bộ phụ trách phòng, thiết bị riêng [H9.09.03.08].

Để đánh giá mức độ đáp ứng về hoạt động giảng dạy thực hành hàng năm Nhà trường có tổ chức đối thoại NH [H9.09.03.09]=[H9.09.01.07]. Để kịp thời cập nhật và sửa chữa các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị, Trường tiến hành phát phiếu khảo sát ý kiến của NH về phòng thực hành và các trang thiết bị ở mỗi học kỳ [H9.09.03.10]=[H9.09.01.08]. Đây là cơ sở để Trường điều chỉnh và định hướng đầu tư các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị trong các học kỳ tiếp theo.

## ***2. Điểm mạnh***

Có đầy đủ phòng thực hành phục vụ CTĐT và nghiên cứu, các phần mềm tạo bài giảng e-learning tốt và dễ sử dụng, hỗ trợ các giáo viên tự biên soạn được các bài giảng điện tử được cài đặt đầy đủ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo lý thuyết và thực hành cho các môn học ngành QTKD

Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, thực hành được cung cấp đầy đủ, phù hợp, có kế hoạch trùng tu, bổ sung định kỳ.

Có đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi hiệu quả sử dụng phòng thực hành.

## ***3. Điểm tồn tại***

KQKS ý kiến các BLQ chỉ mới dừng ở báo cáo thống kê và so sánh số liệu giữa các năm mà chưa có những phân tích, đánh giá cụ thể

#### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và tiếp tục cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, tăng cường phân tích KQKS các BLQ để có những đánh giá phù hợp, có thể sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động

#### **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Phòng Công nghệ thông tin (CNTT) tiền thân là Trung tâm thông tin - Quản lý dữ liệu có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng xây dựng, phát triển, tổ chức thực hiện chuyên đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của toàn Trường; Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H9.09.04.01]. Hệ thống kế hoạch, bảo trì, đầu tư, nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được cập nhật kịp thời nhằm đảm bảo việc vận hành hạ tầng mạng, thiết bị CNTT và hệ thống phần mềm được ổn định và thông suốt; Phòng CNTT phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính lập dự toán CNTT và điều chỉnh bổ sung dự toán hàng năm theo quy định của cơ quan chủ quản là Bộ Tài chính; lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng mạng, phòng thực hành và thiết bị công nghệ thông tin [H9.09.04.02].

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động học tập trực tuyến, sinh viên và giảng viên được sử dụng 31 các phòng thực hành tại các cơ sở đào tạo với số lượng máy trung bình mỗi phòng là 40 máy tính có kết nối internet đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và đăng ký học tập thông qua phần mềm ứng dụng và phần mềm quản lý đào tạo (UIS) trên các nền tảng ứng dụng web và thiết bị di động. Ngoài ra, khi dịch bệnh Covid-19 xuất hiện và bùng phát tại Việt Nam, đặc biệt là tái bùng phát tại Tp.HCM, Phòng CNTT phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo tham mưu cho Ban Giám hiệu chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến; tổ chức tập huấn giảng viên, viên chức giảng dạy và làm việc trực tuyến. Năm 2022, Nhà trường đã đầu tư và triển khai phần mềm đào tạo trực tuyến (E-learning) với danh mục các học phần có đào tạo trực tuyến theo quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường. Ngoài ra, Trường cung cấp cho GV, NV và NH Khoa QTKD email nội bộ

và email tài khoản Office 365 để khai thác các ứng dụng của hệ thống phần mềm Office 365 (Word, Excel, Powerpoint, OneDrive, MS.Teams, Share Point,...) dùng trong việc liên hệ các thông tin về công tác đào tạo, học tập, NCKH, sinh hoạt công dân đầu khóa, công tác cố vấn học tập theo định kỳ, họp trực tuyến. [H9.09.04.03].

Về việc đầu tư mới, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập xuất phát từ nhu cầu thực tế trên cơ sở các đề xuất của các đơn vị thuộc Trường và người học và là căn cứ để Trường đầu tư mua sắm và thuê dịch vụ CNTT và trang bị mua sắm máy tính hàng năm và có chiến lược đầu tư lâu dài [H9.09.04.04].

Về việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Trường đã ban hành các kế hoạch, thực hiện kế hoạch với sự kiểm tra và phối hợp của Tổ kiểm soát công nghệ thông tin nội bộ được thành lập hàng năm theo yêu cầu của Bộ Tài chính; các đề án khoa học cấp cơ sở liên quan CNTT được phòng chủ trì và phối hợp với các đơn vị thực hiện là căn cứ, cơ sở khoa học tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và công tác chuyên môn của Trường [H9.09.04.05].

Về dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng CNTT tiến hành bố trí các sổ nhật ký tại các phòng máy thực hành, phòng đặc thù, phòng lab, phòng thực hành doanh nghiệp và tại các phòng trực để ghi nhận ý kiến, góp ý; các kết luận của cuộc họp giao ban sinh viên và cuộc họp giao ban sinh viên gần nhất theo Thông báo số 2360/TB-ĐHTCM ngày 16/11/2022 của Nhà trường cho thấy công nghệ thông tin của trường từng bước được chú trọng đầu tư, nâng cấp ngày càng có hiệu quả nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập và công tác chuyên môn của giảng viên, viên chức và người học [H9.09.04.06]. Bên cạnh đó, Phòng cũng có trang thông tin điện tử [www.phongcntt.ufm.edu.vn](http://www.phongcntt.ufm.edu.vn) để cập nhật thông tin lịch giảng dạy phòng máy; tài liệu hướng dẫn cho giảng viên, người học và các kênh tiếp nhận phản ánh, ý kiến qua các hộp thư điện tử: [hotrokythuatclc@ufm.edu.vn](mailto:hotrokythuatclc@ufm.edu.vn), [hotrokythuattqt@ufm.edu.vn](mailto:hotrokythuattqt@ufm.edu.vn), [hotrokythuat@ufm.edu.vn](mailto:hotrokythuat@ufm.edu.vn) các hệ đào tạo và các nền tảng số để theo dõi và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến CNTT nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người học, giảng viên, viên chức toàn Trường.

Về nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Phòng CNTT chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu cho Ban Giám hiệu thực hiện rà soát theo định kỳ hàng quý/ hàng năm, nâng cấp hệ thống phần mềm UIS và các phần mềm liên quan; hệ thống dự phòng

và bảo mật; báo cáo công tác chuyển đổi số cho Cục Tin học và Thống kê Tài chính (Bộ Tài chính) theo định kỳ từ tháng 08/2022 theo Công văn số 1095/ THTK-HTKT ngày 27/10/2022 của Cục Tin học và Thống kê Tài chính (Bộ Tài chính) về việc báo cáo kết quả triển khai các đề án, nhiệm vụ về chuyển đổi số của Bộ Tài chính theo Quyết định số 1484/QĐ-BTC; xây dựng đề án “Chuyển đổi số tại Trường Đại học Tài chính - QTKD”. Mã số: CS-DA-09-22 [H9.09.04.07].

## **2. Điểm mạnh**

Hạ tầng mạng, thiết bị công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm từng bước được đầu tư mua sắm mới, nâng cấp và thay thế dần các máy tính, thiết bị mạng và thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập và công tác chuyên môn của giảng viên, viên chức và người học. Đặc biệt, Trường chú trọng triển khai các nội dung của Đề án Chuyển đổi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030 hoàn toàn phù hợp với chiến lược chuyển đổi số quốc gia, Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính.

## **3. Điểm tồn tại**

NH phản ánh hệ thống wifi trong Trường nhiều lúc chưa ổn định, ảnh hưởng đến việc học tập và nghiên cứu

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và công tác chuyên môn.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ tiếp tục để cải thiện tốt hơn nữa hệ thống wifi để hệ thống ổn định.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

**Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường có trạm y tế có nhiệm vụ quản lý, chăm sóc sức khỏe, tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm...xây dựng môi trường trường học lành mạnh, sạch đẹp, an toàn. Trường có quy định các tiêu chuẩn về công tác đảm bảo vệ sinh, vệ sinh an toàn thực phẩm trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan. [H9.09.05.01]

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng như: Phòng Tổ chức

hành chính, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Quản trị thiết bị, Trạm Y tế, ... chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

*i) Về môi trường:* Viên chức (VC), Người lao động (NLĐ) và Người học (NH) có điều kiện tham gia đào tạo và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, ghế đá, mái che, tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho Giảng viên (GV) và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên trường học thông qua các hợp đồng ký kết với công ty về vệ sinh như thu gom rác thải, vệ sinh phòng học và Trường thường xuyên bảo trì hệ thống xử lý nước thải [H9.09.05.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế cơ sở vật chất có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh...). [H9.09.05.03]. Trường có quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên, việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường, trong đó có NH là người khuyết tật, nhằm tạo môi trường, điều kiện học tập tốt hơn đối với NH là người khuyết tật. Qua đó, SV là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập. [H9.09.05.04].

*ii) Về chăm sóc sức khỏe:* Để chăm sóc sức khỏe cho VC, NLĐ và NH, Trạm Y tế đề xuất và phối hợp với phòng Quản trị Thiết bị, phòng Kế hoạch - Tài chính mua thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế, nhằm phục vụ công tác sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại phòng y tế các cơ sở học tập. [H9.09.05.05]. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe, bảo trì, bảo dưỡng các máy lọc nước uống, vệ sinh bồn nước sinh hoạt đảm bảo sức khỏe VC, NLĐ và NH, giúp VC, NLĐ và NH yên tâm công tác và học tập tại Trường [H9.09.05.06].

Trường có kế hoạch tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với dịch vụ ăn uống trong Nhà trường, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử lý các vi phạm về ATTP, hạn chế thấp nhất ngộ độc thực phẩm trong Trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho VC, NLĐ và NH [H9.09.05.07].

*iii) Về an toàn, an ninh trật tự:* Trường có hệ thống tường rào bao quanh và được lực lượng bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24h. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera giám sát người ra vào thông qua kiểm tra thẻ tên có mã nhân sự, mã vạch của VC, NLĐ và NH. [H9.09.05.08].

Về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Trường phối hợp với Công an và chính quyền địa phương hợp tác trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, y tế, phòng cháy chữa cháy... nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Qua các báo cáo về việc thực hiện tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” thì Trường luôn đạt chuẩn [H9.09.05.09]. Liên quan hoạt động phòng chống cháy nổ, toàn bộ khu vực làm việc, khu giảng đường tại các cơ sở được

Trường trang bị trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ [H9.09.05.10]. Đồng thời, Trường phối với Công an PCCC tổ chức nhiều đợt tập huấn, diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ. VC, NLD và NH được tập huấn và có chứng chỉ về PCCC. [H9.09.05.11].

Hàng năm, Trường lấy ý kiến phản hồi của NH về dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe qua việc thực hiện khảo sát ý kiến sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng khóa học, để cải thiện ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn về dịch vụ y tế, bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe hàng năm. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy trên 90% SV đánh giá hài lòng về dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe. [H9.09.05.12].

## **2. Điểm mạnh:**

Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, PCCC và các điều kiện về cơ sở vật chất cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt, ...luôn được Trường quan tâm triển khai. Nhà trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và xã hội tốt cho đội ngũ VC, NLD và NH trong Trường.

## **3. Điểm tồn tại:**

Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ chưa chi tiết và chưa thể hiện rõ sử dụng kết quả phân tích là cơ sở việc lập kế hoạch cải tiến cho đợt khảo sát sau

## **4. Kế hoạch hành động:**

*Phát huy điểm mạnh:* Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đến công tác môi trường sức khỏe và an toàn cho viên chức, người lao động và người học trong toàn Trường.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm 2024 - 2025, việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ sẽ được chi tiết hơn làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến trong những năm sau

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

### **Kết luận Tiêu chuẩn 9:**

#### **Những điểm mạnh nổi bật:**

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng có trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị,... đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và NCKH. CSVC-TTB được quản lý, rà soát, nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo thực tế và định hướng phát triển mở rộng trong tương lai. Có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC-TTB có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được

cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành QTKD định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng. Không gian thoáng mát, rộng rãi tạo hứng thú học tập đối với người học. Dữ liệu khảo sát được thực hiện và so sánh qua các năm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất phát triển Thư viện. Có đầy đủ phòng thực hành phục vụ CTĐT và nghiên cứu, các phần mềm được cài đặt đầy đủ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo lý thuyết và thực hành cho các môn học ngành ... Các trang thiết bị trong phòng thực hành được cung cấp đầy đủ, phù hợp, có kế hoạch trùng tu, bổ sung định kỳ. Có đơn vị chuyên trách quản lý, theo dõi hiệu quả sử dụng phòng thực hành và TTB. Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người dạy và học ngành QTKD. Hệ thống CNTT được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo chương trình ngành ... Môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, an toàn lao động, PCCC và các điều kiện về CSVC cơ bản cho những người có nhu cầu đặc biệt,... luôn được Nhà trường quan tâm triển khai. Nhà trường có đánh giá và cải tiến tạo môi trường tự nhiên và XH tốt cho đội ngũ CB-GV-NV và NH trong trường.

#### ***Những tồn tại cơ bản:***

Một số phòng học thực hành máy tính tại cơ sở Nguyễn Trọng Tuyển đã cũ, chưa được sắp xếp, bố trí thiết bị hợp lý.

Không gian phòng đọc, phòng sinh hoạt khác tại thư viện có diện tích còn hạn chế so với nhu cầu NH.

Nguồn học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) ngoại văn chưa đầy đủ đáp ứng theo danh mục tài liệu giáo trình chính/giáo trình tham khảo cho các HP theo CTĐT.

Hệ thống wifi được các BLQ trong Trường phản ánh nhiều lúc chưa ổn định, ảnh hưởng đến việc học tập và giảng dạy của NH và GV.

Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ chưa chi tiết và chưa thể hiện rõ sử dụng kết quả phân tích là cơ sở việc lập kế hoạch cải tiến cho đợt khảo sát sau

#### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

## **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

### ***Mở đầu***

Hiện nay, Trường ĐH Tài Chính – Marketing và Khoa QTKD rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trường và Khoa QTKD có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, GV, nghiên cứu viên, NH, nhà tuyển dụng, HĐKH & ĐT cấp Khoa, Trường.... Căn cứ vào Quy trình thiết kế CTDH, Trường ĐH Tài Chính – Marketing đã xây dựng hệ thống quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động (i) giảng dạy của GV và (ii) tổ chức đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp [H10.10.01.01]. Trước khi thiết kế, xây dựng CTDH, tổ soạn thảo phải hoàn thành phiếu khảo sát và lập kế hoạch khảo sát, tiến hành tổ chức khảo sát các đối tượng: GV, NH, nhà tuyển dụng... bằng các hình thức: tổ chức hội thảo, phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Email. Sau khi hoàn thành khảo sát, tổ soạn thảo tiến hành tổng hợp các dữ liệu đã thu thập, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.02]. Sau khi phân tích nhu cầu nguồn nhân lực và kết quả phản hồi của các bên liên quan, Tổ soạn thảo xác định CĐR/KQHMTĐ gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp của ngành đào tạo.

Đối với nhu cầu xã hội, Trường và Khoa QTKD tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành QTKD làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH thông qua Bảng thống kê nhu cầu nguồn nhân lực ngành QTKD [H10.10.01.03].

Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTDH được thể hiện qua bảng mô tả sau:

**Bảng 10.1: Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH**



<b>Bên liên quan</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Cách thức tổ chức</b>	<b>Kết quả</b>
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp/ cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức Hội thảo/tập huấn	Quyết định phân công nhân sự tổ soạn thảo chương trình/Bảng phân công nhân sự soạn thảo ĐCCT
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của NH tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của NH tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ	Tổ chức lấy ý kiến khảo sát	Báo cáo năng lực của NH tốt nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
GV	- Thiết kế CDR của CTDH, môn học. - Thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá.	Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, bộ môn	CDR của CTDH CDR của môn học Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá ĐCCT môn học
Người học	- NH phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy của các môn học trong CTDH; - NH tốt nghiệp phản hồi về chương trình của toàn khóa học	Tổ chức khảo sát ý kiến NH về PP dạy học, kiểm tra đánh giá	Tổng hợp ý kiến đóng góp của NH
Các cơ sở đào tạo ngành QTKD	Mục tiêu đào tạo, CDR, Cấu trúc CTDH ngành QTKD có liên quan	Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH	Bảng đối sánh giữa CTDH QTKD của Khoa so với các cơ sở đào tạo QTKD

<b>Bên liên quan</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Cách thức tổ chức</b>	<b>Kết quả</b>
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	Thống nhất CDR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT môn học,...	Tổ chức họp Hội đồng KH Khoa thông qua CTDH	Dự thảo toàn bộ CTDH
Trường	Sự phù hợp của CDR với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH mới

*Qua bảng 14*, việc thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế CTDH. Trường đã ban hành các Quy định, qui trình gồm: khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tiến hành thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Theo bảng mô tả trên cho thấy việc thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã được thu thập và sử dụng để thiết kế, cụ thể:

i) *Đối với các chuyên gia*: Trường, Khoa QTKD đã tổ chức hội thảo, tập huấn về các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi hội thảo, tập huấn, Trường và Khoa QTKD đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện [H.10.10.01.05].

ii) *Đối với các nhà tuyển dụng*: Trường, Khoa QTKD đã ban hành quy trình nhà tuyển dụng đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H.10.10.01.04]. Căn cứ quy trình này, Trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát nhằm xác định các năng lực và tố chất cần thiết của NH tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên kết quả khảo sát, Trường, Khoa QTKD thực hiện báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của NH tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề QTKD và năng lực của NH tốt nghiệp để thiết kế CTDH phù hợp.

iii) *Đối với GV*: Khoa QTKD tổ chức họp nhóm GV thiết kế CTDH, họp bộ môn, họp Khoa QTKD, thảo luận nhằm làm cơ sở thiết kế CDR của CTDH, thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá... [H.10.10.01.05].

iv) *Đối với người học*: Trường/Khoa QTKD tổ chức khảo sát ý kiến người học về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Những phản hồi của người học được thu thập và xem xét để thiết kế CTDH [H.10.10.01.06].

v) *Đối với các cơ sở đào tạo QTKD trong nước*: Trường, Khoa QTKD đã tổ chức đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về Mục tiêu đào tạo, CDR, Cấu trúc CTDH

ngành QTKD có liên quan. Kết quả đối sánh được tham khảo để thiết kế CTDH phù hợp. [H10.10.01.07].

vi) *Đối với HĐKH & ĐT cấp Khoa QTKD*: Khoa QTKD có tổ chức họp HĐKH & ĐT để thảo luận thống nhất CĐR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT môn học. Từ đó, Khoa QTKD đã xây dựng dự thảo toàn bộ CTDH và ĐCCT. [H10.10.01.08].

vii) *Đối với Trường*: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan, thảo luận sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường. Qua đó, theo kết quả tổng hợp ý kiến các bên liên quan của Khoa QTKD, Trường đã phê duyệt và ban hành CTDH mới cho Khoa QTKD và ĐCCT các học phần thuộc ngành QTKD. [H10.10.01.09].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để phát triển CTDH. Định kỳ, Khoa QTKD thực hiện rà soát và chỉnh sửa CTDH theo ý kiến khảo sát của các bên liên quan về: thay đổi thiết kế CĐR theo tiêu chuẩn mới, bổ sung một môn học cần thiết, tăng thời lượng thực hành cho một số môn học, tích hợp một số môn học để có môn học mới, thay đổi thời gian đào tạo phù hợp với số tín chỉ trong CTDH. Việc thay đổi tập trung theo hướng phát hiệu quả của tính ứng dụng, thực hành trong đào tạo. Khoa QTKD thống kê kết quả khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, NH tốt nghiệp, giảng viên, chuyên gia về những điểm mạnh, điểm tồn tại của CTDH để cải tiến và phát triển, áp dụng cho đào tạo NH khóa tiếp theo. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát góp phần phản ánh rõ nhu cầu của thị trường lao động ở từng giai đoạn và sự phù hợp phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo trong CTDH để cải tiến và phát triển.

## **2. Điểm mạnh**

Việc phát triển CTDH tuân thủ theo quy định của Trường và BGDĐT, có kế hoạch rõ ràng. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa QTKD đều tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo đúng qui trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt.

Các ý kiến phản hồi đều được Khoa QTKD tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa QTKD, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến về CTDH đặc biệt là CĐR còn chung chung (ví dụ: các câu “CĐR rõ ràng, cụ thể”, “CĐR thể hiện KQHT mà NH cần đạt”) với 05 mức trả lời từ 1 đến 5 với 1 là “Rất không đồng ý” và với 5 là “Rất đồng ý”. Các thông tin thu được từ các câu hỏi này chưa thực sự hữu ích cho hoạt động rà soát và cải tiến CĐR, CTDH.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Phòng QLĐT phối hợp với Khoa QTKD tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa QTKD. Dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm chứng, Khoa QTKD tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, cải tiến nội dung lấy ý kiến về CTDH: tập trung về các chủ đề CĐR và MĐNL cần đạt; chọn lọc những chủ đề cụ thể, có chủ đích rõ ràng. Sử dụng các hình thức lấy ý kiến hiệu quả như phỏng vấn nhóm chuyên sâu, hội thảo chuyên đề

**5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trường đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH dựa theo hướng dẫn được quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT, chủ yếu dựa vào 02 quy trình là quy trình xây dựng CTĐT và quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT [H10.10.02.01].

Quy trình xây dựng CTĐT được thực hiện qua 08 bước chính gồm: (1) Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành; (2) Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT; (3) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR; (4) Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành; (5) Thiết kế ĐCCT các học phần theo CTĐT đã xác định; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT; (7) Hoàn thiện dự thảo và trình Hội đồng Khoa QTKD; (8) Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung học phần và PPGD.

Quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT được thực hiện qua 05 bước chính gồm: (1) Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT (4); (2) Thu thập thông tin, MC liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT; (3) Đánh giá và báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; (4) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT, trình Hội đồng Khoa; (5) Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo ban hành

Trước khi CTĐT được xây dựng, cập nhật, đánh giá, Trường tiến hành rà soát Quy trình này bằng việc ban hành Kế hoạch xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học

[H10.10.02.03]. Theo kế hoạch, P.ĐT thực hiện tiến hành rà soát và báo cáo với Hiệu trưởng các thay đổi quan trọng trong quy định về xây dựng xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học; đề xuất Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học; hoàn thiện Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học theo các ý kiến đóng góp và trình Hiệu trưởng xem xét, ký ban hành Quy trình mới. Việc ban hành CTĐT được thực hiện trên cơ sở có sự thông qua của hội đồng thẩm định.

Việc thiết kế và phát triển CTĐT luôn được tiến hành dựa trên hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.02.02]. Trường và Khoa tổ chức các cuộc họp nhằm mục đích đánh giá các báo cáo tổng hợp sau khảo sát về CĐR và CTĐT.

## **2. Điểm mạnh**

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo QT, đảm bảo đúng quy định của BGDĐT;

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại QT xây dựng, thiết kế và QT cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của BGDĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế.

## **3. Điểm tồn tại**

Biểu mẫu thiết kế CTDH, ĐCCT HP chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí liên quan về ĐGCL CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, như thể hiện ở CTDH: CĐR của CTĐT chưa được xác định rõ ràng

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa QTKD phối hợp với P.ĐBCL cần mở rộng và tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan khi thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD sẽ phối hợp với P.ĐT, P.KT & QLCL Hoàn thiện quy định/hướng dẫn thiết kế CTDH, ĐCCT HP và xây dựng hướng dẫn về PPGD, PP KTĐG và rubrics đánh giá, để đảm bảo: (i) mục tiêu và CĐR của CTĐT được thiết kế có cấu trúc và có tính hệ thống, CĐR bao gồm các chủ đề/chỉ số CĐR chi tiết và MĐNL cụ thể cần đạt theo thang Bloom/thang tương đương.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

**Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Để đảm bảo việc dạy và học đi vào nề nếp, công tác dạy học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, Trường đã sớm ban hành Quy chế đào tạo, Quyết định về việc ban hành quy định công tác tổ chức và thực hiện dự giờ, Quy định về đảm bảo chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH [H10.10.03.01]. Trong suốt quá trình giảng dạy và học tập, cố vấn học tập cũng tập hợp danh sách tình trạng NH vắng mặt thường xuyên hoặc tình trạng cảnh báo học tập thông qua các buổi cố vấn học tập từng học kỳ để nắm bắt nhu cầu của người học về nội dung môn học và chất lượng giảng dạy theo CĐR. Từ đó, P.ĐT tiến hành tổng hợp báo cáo định kỳ về tình trạng người học vắng học [H10.10.03.02]. Danh sách này được gửi về khoa QTKD để Lãnh đạo bộ môn cùng cố vấn học tập có sự rà soát và đánh giá đúng tình hình thực tế học tập, cũng như rà soát chất lượng giảng dạy của các giảng viên được phân công giảng dạy.

Căn cứ vào chỉ đạo của nhà trường, Khoa QTKD tiến hành đánh giá GV giảng dạy theo CĐR thông qua việc Trưởng Khoa QTKD, Bộ môn, các GV dự giờ và kiểm tra hồ sơ giảng dạy, giám sát kế hoạch giảng dạy của GV nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giảng dạy theo CĐR [H10.10.03.03]. Kế hoạch dự giờ được thực hiện định kỳ từng học kỳ theo quy định về công tác tổ chức và thực hiện dự giờ mà nhà trường đã ban hành. Ngoài ra nhà trường cũng ban hành mẫu dự giờ, Biên bản tổng hợp và báo cáo dự giờ để cải tiến chất lượng giảng dạy cho từng bộ môn qua từng học kỳ.

*Đối với hoạt động học*, việc kiểm tra đánh giá KQHT của NH được quy định rõ trong đề cương từng học phần về hình thức, thời gian, trọng số của từng loại điểm. Hằng năm, Khoa QTKD đã tiến hành đánh giá KQHT để phân tích KQHT của người học theo từng khoá. Từ báo cáo phân tích kết quả sẽ là một trong những cơ sở định lượng để khoa rà soát đánh giá quá trình dạy, học và KQHT của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.04].

Để đo lường mức độ đạt CĐR của NH, Khoa QTKD tiến hành việc lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động dạy học của GV hằng năm để tổng kết [H10.10.03.05]. Công tác này được thực hiện thông qua ba hình thức chủ yếu: (1) thông qua khảo sát trực tuyến cho từng môn học, (2) thông qua hình thức đối thoại giữa cố vấn học tập và người học, (3) thông qua hội nghị sinh viên được tổ chức từng học kỳ để tiếp nhận phản hồi của người học. Việc này giúp Khoa QTKD có thể điều chỉnh các phương pháp kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tương thích và phù hợp với CĐR,

Để đảm bảo tính tương thích và phù hợp của quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập với CĐR, các quy trình hướng dẫn ra đề thi bám sát đề cương môn học và CĐR, đi cùng với quy trình tổ chức thi và chấm thi KTHP được triển khai khách quan và công bằng. [H10.10.03.06]. Từ đó, Trường và Khoa QTKD cũng tổ chức các buổi hội thảo

về đổi mới giảng dạy và học tập để nâng cao và cải tiến hoạt động giảng dạy của GV bám sát theo CĐR [10.10.03.07].

## **2. Điểm mạnh**

Việc dạy và học được quy định cụ thể. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin làm cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp, cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy.

Thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến người học về việc đánh giá KQHT.

Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ.

## **3. Điểm tồn tại**

Các quy định về dự giờ giảng của GV, lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV chưa bao gồm tiêu chí về sự phù hợp với CĐR. Nội dung hợp Bộ môn để rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPGD, PP KTĐG chưa tập trung về sự phù hợp với CĐR

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa QTKD phối hợp Phòng QLĐT, Phòng KTQLCL tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá kết quả học tập của NH đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, sẽ Ban hành quy định và tổ chức triển khai việc thẩm định, đánh giá sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy, học và đánh giá KQHT phù hợp với CĐR.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).**

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhiệm vụ NCKH của Nhà trường được quy định trong Quy chế quản lý hoạt động NCKH dành cho GV thông qua Quy định số 844/QĐ-ĐHTCM về hoạt động NCKH của giảng viên trường. Điều đó cho thấy hoạt động NCKH của các GV tham gia giảng dạy CTĐT được Trường chú trọng, theo đó, mỗi GV của Trường tối thiểu mỗi năm phải có một công trình khoa học được công bố dưới dạng đề tài NCKH, bài báo khoa học, tham luận hội thảo... được qui đổi tối thiểu 540 giờ hoạt động NCKH và nhờ vào những chính

sách đó của Nhà trường, số lượng sinh viên, giảng viên của Khoa ... tham gia nghiên cứu khoa học ngày càng nhiều [H10.10.04.01].

Những kết quả nghiên cứu khoa học của GV ít nhiều được lồng ghép vào bài giảng nhằm làm cho bài giảng trở nên sinh động và hấp dẫn người học hơn. Để sử dụng những kết quả nghiên cứu khoa học vào việc cải tiến phương pháp dạy và học, Khoa QTKD đã đưa ra quy định định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý tiến hành các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi trao đổi học thuật để cập nhật tài liệu giảng dạy và trước mỗi học kỳ các GV tham gia giảng dạy cùng một học phần phải tiến hành họp để thống nhất đề cương, tài liệu giảng dạy[H10.10.04.02]

Nhằm tạo môi trường trao đổi học thuật và áp dụng các kết quả nghiên cứu vào cải tiến việc dạy học, hàng năm Khoa QTKD có kế hoạch tổ chức các hội thảo khoa học cấp Khoa và cấp Trường với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài Trường. Thông qua các buổi hội thảo khoa học, các GV có cơ hội công bố các nghiên cứu của mình và đây cũng là cơ hội giúp GV cải tiến phương pháp giảng dạy, cập nhật tài liệu giảng dạy và hoàn thiện đề cương, bài giảng. Thông qua việc tham gia các buổi hội thảo này, NH cũng có cơ hội tham khảo, mở rộng kiến thức ngoài bài giảng hay giáo trình cũng như cập nhật các biến động thực tế trong thị trường. Điều này góp phần giúp NH nảy sinh ý tưởng nghiên cứu, hoàn thiện hơn phương pháp NCKH áp dụng vào việc thực hiện các NCKH của mình cũng như khóa luận tốt nghiệp ra trường[H10.10.04.03].

Thông qua việc tổ chức các buổi hội thảo khoa học này, các kết quả NCKH của GV và NH được tạo cơ hội phổ biến nhằm ứng dụng để cải tiến việc dạy, học và cập nhật TLHT[H10.10.04.04].

Nhằm hỗ trợ NH về NCKH, hàng năm Trường và Khoa luôn có các kế hoạch tổ chức các hội nghị khoa học cho NH nhằm tạo sân chơi NCKH cho đối tượng này[H10.10.04.05]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành sổ tay NCKH cho NH để cung cấp một bộ hướng dẫn NCKH hoàn chỉnh cho NH bao gồm thông tin về những quy định, quy trình và những biểu mẫu cần thiết trong quá trình tiến hành nghiên cứu [H10.10.04.06].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa QTKD rất chú trọng đến công tác NCKH của GV và NH và trên thực tế đã có chương trình hành động cụ thể nhằm thúc đẩy hoạt động này.

## **3. Điểm tồn tại**

Trường/Khoa chưa đầu tư đúng mức đến hoạt động NCKH về phát triển CTĐT, CTDH, đổi mới PPD&H và đánh giá KQHT của NH các CTĐT của Khoa



#### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Khoa sẽ tiếp tục các chính sách động viên GV và NH tham gia NCKH và công bố trên các tạp chí uy tín.

*Khắc phục tồn tại:* Trong giai đoạn 2024 - 2025, Trường/Khoa có chính sách khuyến khích GV, NH tham gia các hoạt động NCKH về phát triển CTĐT, CTDH, đổi mới PPD&H và đánh giá KQHT của NH.

**5. Tự đánh giá:** Đạt (4/7).

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ được thiết kế, xây dựng và phát triển để đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, NCKH, trong đó có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để thực hiện CTĐT. Trường ĐH Tài chính-Marketing luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Bên cạnh việc thiết kế CTDH thiết thực cùng đội ngũ GV chất lượng tốt, việc đảm bảo CNHC, trang thiết bị phục vụ đào tạo của GV và người học là một trong những yêu cầu quan trọng để đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như Trung tâm TT-Thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác là Sổ tay đảm bảo chất lượng [H10.10.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quy trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan [H10.10.01.01]

Hàng năm, Trường đều thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của Trung tâm TT-Thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác NH, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Từ năm 2019 đến 2023, Trung tâm TT-Thư viện đều lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của NH, CBNV, GV về các hoạt động của Trung tâm TT-Thư viện [H10.10.05.01].

Phòng KTQLCL tổng hợp, phân tích dữ liệu khảo sát và gửi báo cáo kết quả khảo sát về các đơn vị trong toàn trường [H10.10.05.02]. Đối với TV, hàng năm, đơn vị tiến hành khảo sát và đánh giá phản hồi của người sử dụng về chất lượng phục vụ của thư viện [H10.10.05.04].

Kết quả khảo sát cho thấy CNHC, các đầu sách và việc cập nhật sách mới hay số lượng máy tính được kết nối internet sử dụng ở Trung tâm TT-Thư viện đều có mức độ hài lòng cao (hơn 94%), hơn 90% đối tượng được khảo sát hài lòng về thời gian phục vụ của Trung tâm TT-Thư viện; thái độ phục vụ của cán bộ Trung tâm TT-Thư viện đạt mức độ hài lòng cao hơn 97% [H10.10.05.03]. Bên cạnh đó, Trung tâm TT-Thư viện cũng ghi nhận nhiều phản hồi và đề xuất các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ [H10.10.05.03]. Năm 2022, Phòng KT-QLCL tiến hành khảo sát NH, CBNV, GV, về hoạt động của Trung tâm TT-Thư viện với 10 tiêu chí liên quan đến chất lượng phục vụ của Trung tâm TT-Thư viện. Phần lớn NSD hài lòng về chất lượng các dịch vụ hiện có tại TV, trong đó dịch vụ có tỷ lệ hài lòng cao nhất là “Mượn tài liệu về nhà”, tiếp theo là “Mượn tài liệu tại chỗ”. Trong tất cả các nhóm NSD, thì nhóm Cán bộ - Giảng viên – Nhân viên, NH chương trình chất lượng cao tiếng anh toàn phần có tỷ lệ hài lòng cao nhất (100%) về tất cả các dịch vụ, hoạt động quản lý, phục vụ. Trong 10 tiêu chí thì tiêu chí về “Thái độ phục vụ” được NSD đánh giá cao nhất và tiêu chí về “Việc tra cứu và đọc tài liệu số trên ứng dụng MyOPAC” được NSD đánh giá với tỷ lệ hài lòng thấp vì hiện tại chức năng này đang bị lỗi [H10.10.05.02].

Kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào để giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến thể hiện qua Báo cáo tổng kết năm học và Kế hoạch năm học tiếp theo của đơn vị [H10.10.05.03].

Các phòng học và các thiết bị hỗ trợ phòng học (micro, hệ thống âm thanh, máy chiếu...) được Trường trang bị khá đầy đủ, đảm bảo hoạt động dạy học trên lớp diễn ra một cách hiệu quả. Kết quả khảo sát cho thấy đa số NH hài lòng với phòng học và các thiết bị hỗ trợ phòng học [H10.10.05.02].

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại TV, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được cải tiến qua mỗi năm học. Các góp ý về tài liệu TV, hệ thống phòng học và các thiết bị hỗ trợ phòng học cũng được NH đều được Trường, TV, Phòng QTTB tiếp thu và giải quyết một cách hiệu quả [H10.10.05.04]. Trường cũng đã đầu tư và nâng cấp mạng không dây với tốc độ kết nối cao tại các cơ sở đào tạo và nâng cấp phần mềm các trang thông tin nhằm phục vụ việc học tập và NCKH của GV và NH [H10.10.05.04].

## **2. Điểm mạnh**

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện.

Hệ thống CNHC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ

Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế.

Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dựa trên kết quả rà soát và phản hồi của các BLQ như CB-GV-NV và NH, đoàn đánh giá ngoài.

### **3. Điểm tồn tại**

Kết quả cải tiến chất lượng các DVHT của thư viện, phòng thực hành hệ thống CNTT và các DVHT khác chưa được đối sánh với các đơn vị có chức năng tương đương.

Các thông tin cải tiến chất lượng dịch vụ đã thực hiện chưa được phổ biến và cập nhật thường xuyên đến các BLQ. Một số kiến nghị liên quan đến DVHT như “tra cứu và đọc tài liệu số trên ứng dụng MyOPAC” còn bị lỗi từ người sử dụng chưa được xử lý.

### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Tiếp tục thực hiện tốt việc đánh giá, lấy ý kiến đóng góp của nhiều bên liên quan như người học, cán bộ CNV, nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động, cha mẹ NH... theo định kỳ, tăng cường các tiêu chí đánh giá. Khoa QTKD sẽ tổng hợp và gửi ý kiến đến Trường để giúp các đơn vị trực tiếp phụ trách nắm thông tin và thực hiện cải tiến và phản hồi cụ thể hơn đến các BLQ

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024-2025, thực hiện đối sánh để cải tiến chất lượng các DVHT của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các DVHT khác với các đơn vị có chức năng tương đương.

Tiếp tục lấy ý kiến và cung cấp các thông tin cải tiến chất lượng dịch vụ đã thực hiện thường xuyên đến các BLQ, nhằm tạo ra văn hóa và môi trường làm việc chuyên nghiệp

### **5. Tự đánh giá:** Đạt (5/7).

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

#### **1. Mô tả**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống: Để nâng cao chất lượng CTDH, ngoài việc đánh giá việc dạy – học, ứng dụng NCKH, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thì việc thu thập thông tin phản hồi từ các đối tượng là NH, GV, nhà tuyển dụng cần phải được chú trọng. Do đó, Trường đã xây dựng cơ chế phản hồi của các bên

liên quan theo hệ thống. Theo đó, Trường đã ban hành quyết định qui định về chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐBCL trong việc thiết lập cơ chế thu thập phản hồi của các bên liên quan, có Bảng mô tả sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường ĐH Tài chính-Marketing trong việc thực hiện cơ chế phản hồi này [H10.10.06.01]. Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập và thực hiện có tính hệ thống. Ngoài ra, cơ chế phản hồi này còn được thực hiện thông qua việc xây dựng các quy trình như: Quy trình khảo sát NH về CTĐT; Quy trình cụ thể NH đánh giá CTĐT; Quy định về GV đánh giá CTĐT; Quy trình NH đánh giá chất lượng DV hỗ trợ; Quy trình NH đánh giá môn học và CTĐT; Quy trình NH tốt nghiệp phản hồi về tình hình việc làm và thu nhập [H10.10.06.02]. Theo đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan như NH, NH sắp tốt nghiệp, NH tốt nghiệp, Nhà tuyển dụng... được thực hiện theo quy trình một cách nghiêm túc. Quy trình này được mô tả bằng bảng sau:

**Bảng 10.6 : Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống**

<b>Đối tượng khảo sát</b>	<b>Nội dung khảo sát</b>	<b>Quy trình thu thập</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị phụ trách chính</b>
NH đang học	Khảo sát về môn học	Quy trình NH đánh giá môn học và đánh giá CTDH	2 lần/năm học	Phòng ĐBCL
NH sắp tốt nghiệp	Khảo sát về toàn khóa học		1 lần/ năm học	Phòng ĐBCL
NH đang học	Khảo sát về về chất lượng dịch vụ hỗ trợ	Quy trình NH đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ	2 lần/năm học	Phòng ĐBCL
NH tốt nghiệp	Khảo sát về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp 1-12 tháng	Quy trình NH tốt nghiệp phản hồi về tình hình việc làm và thu nhập	Theo kế hoạch của Khoa QTKD	Khoa QTKD (theo chức năng nhiệm vụ phân công)
Nhà tuyển dụng	Khảo sát về chất lượng NH tốt nghiệp	Quy trình Nhà tuyển dụng đánh giá chất lượng NH tốt nghiệp		

Đầu tiên, P. Khảo thí – QLCL tiến hành lập kế hoạch khảo sát sau đó trình Ban giám hiệu phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, P. Khảo thí – QLCL và các bộ phận liên quan tiến hành tổ chức khảo sát và sau đó tiến hành tổng hợp và xử lý dữ liệu. Kết quả báo cáo khảo sát phải được trình Ban giám hiệu phê duyệt trước khi tiến hành công bố. Căn cứ trên bản kết quả khảo sát này, P. Khảo thí -QLCL tiến hành lập kế hoạch cải tiến và phối hợp cùng các đơn vị liên quan để thực hiện hoạt động cải tiến này. Sau cải tiến, P. Khảo thí - QLCL tiến hành lập báo cáo kết quả cải tiến và trình Ban giám hiệu phê duyệt. Sau đó P. Khảo thí - QLCL tiến hành ghi nhận các phản hồi về hoạt động cải tiến. Tổng thời gian từ lúc lập kế hoạch khảo sát cho đến khi hoàn tất việc ghi nhận các phản hồi của hoạt động cải tiến vào khoảng 18 tháng

Qua mô tả nêu trên, cho thấy: các bên liên quan được thực hiện, cơ chế phản hồi về các thông tin tương ứng như về môn học, về toàn khóa học, về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, về thu nhập, về chất lượng NH tốt nghiệp có văn bản quy định cụ thể và có tính hệ thống.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan luôn được đánh giá: hàng năm, Trường và Khoa QTKD tổ chức khảo sát toàn diện về: môn học, về toàn khóa học, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, về tình hình việc làm và thu nhập sau khi ra trường, về chất lượng NH tốt nghiệp. Các kết quả khảo sát luôn được xem xét và đánh giá. Cụ thể, Theo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng các năm trường, các đơn vị đã tiến hành báo cáo đánh giá đưa ra các điểm mạnh, tồn tại. Hầu hết các đơn vị đã đáp ứng các mục tiêu đề ra [H10.10.06.03]. Trường đã thực hiện việc đánh giá về GV, quy trình đào tạo, quy trình đảm bảo chất lượng... từ đó, cơ chế khảo sát, phản hồi của các bên liên quan cũng được đánh giá để đảm bảo việc khảo sát được khách quan, toàn diện nhất.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến. Quy định về công tác lấy ý kiến các BLQ của trường được ban hành kèm theo Quyết định số 1959/QĐ-ĐHTCM ngày 18 tháng 09 năm 2019 [H10.10.06.02]. Văn bản này xác định các quy định về mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân tham gia công tác lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ của Trường.

Quy định này đã được rà soát, đánh giá, cải tiến bởi Phòng ĐBCL [H10.10.06.01], và các các đơn vị thuộc trường Đại Học Tài Chính Marketing theo Quyết định 249/ QĐ-ĐHTCM ngày 04 tháng 03 năm 2020; cùng qui trình đánh giá cụ thể các bên liên quan [H10.10.06.03]. Kế hoạch và kết quả khảo sát các BLD [H10.10.06.03] được tổng hợp qua các đợt khảo sát lấy ý kiến các BLQ được gửi đến cho Khoa QTKD, các khoa

chuyên môn, các đơn vị có liên quan để xem xét, làm cơ sở cho kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy, và chất lượng đào tạo.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác lấy ý kiến các BLQ.

QT lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Ý kiến phản hồi từ các BLQ chưa được đối sánh qua các năm. Hoạt động rà soát cơ chế phản hồi các BLQ chưa được văn bản hóa. Chưa kiểm soát việc thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động của các đơn vị sau khi có dữ liệu khảo sát thu được một cách bài bản. Trong 05 năm giai đoạn đánh giá, có 03 nội dung chưa thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ: khảo sát GV-CBVC về chất lượng dịch vụ của các đơn vị phục vụ đào tạo; khảo sát CLĐT KNM; Viện ĐTQT thường xuyên chưa khảo sát các nội dung được phân nhiệm. Trong các phiếu khảo sát thiếu một số nội dung yêu cầu đặt thù đối với các CTĐT CLC theo yêu cầu của Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT.

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các bên liên quan. Kể từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD sẽ phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng cường tính khách quan, liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ đối sánh ý kiến phản hồi từ các BLQ qua các năm giúp đánh giá được mức độ cải tiến và kiểm soát chất lượng được chặt chẽ hơn. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với tất cả lĩnh vực hoạt động của Trường. Hoàn thiện các bộ công cụ khảo sát với các nội dung khảo sát đầy đủ hơn để thực hiện thống nhất trong toàn Trường, đảm bảo KQKS thu được hữu ích cho công tác cải tiến chất lượng. Cập nhật và tích hợp các nội dung thiết kế trong các phiếu khảo sát đầy đủ các nội dung cần khảo sát; bổ sung quy trình xử lý và sử dụng KQKS; kiểm soát việc thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động của các đơn vị sau khi có dữ liệu khảo sát thu được một cách bài bản.

## **5. Tự đánh giá:** Đạt (4/7).

### **Kết luận Tiêu chuẩn 10:**

#### **Những điểm mạnh nổi bật:**

Việc phát triển CTDH tuân thủ theo quy định của Trường và BGDĐT, có kế hoạch rõ ràng. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa đều tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo QT, đảm bảo đúng quy định của BGDĐT. Hàng năm, nhà trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại quy trình xây dựng, thiết kế và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của BGDĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế của Nhà trường.

Khoa đã triển khai dự giờ hoạt động giảng dạy của GV đều đặn. Các kết quả đánh giá được Khoa phân tích và sử dụng để điều chỉnh hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Có quy định cụ thể về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học. Việc cải tiến quá trình dạy, học và đánh giá KQHT của người học được Nhà trường và Khoa thực hiện trên cơ sở tham khảo các kết quả khảo sát ý kiến của CB-GV và NH.

Hoạt động NCKH của khoa ngày càng được quan tâm, lan tỏa và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các GV, NH của khoa đã tích cực tham gia NCKH; kết quả, sản phẩm NCKH được sử dụng làm tài liệu tham khảo giảng dạy của GV, học tập của NH.

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dựa trên kết quả rà soát và phản hồi của các BLQ như: CB-GV-NV và NH, đoàn đánh giá ngoài.

Nhà trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

***Những tồn tại cơ bản:***

Khi thiết kế/điều chỉnh CTDH thuộc hợp ngành QTKD, phạm vi Trường/Khoa

khảo sát ý kiến các BLQ ngoài Trường (các chuyên gia, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các viện nghiên cứu và cơ quan quản lý nhà nước) chưa bao phủ được rộng rãi, nên KQKS chưa mang tính đại diện cao.

Ý kiến đóng góp cho việc sửa đổi quy trình xây dựng và điều chỉnh CTDH của Trường từ các đối tượng bên ngoài Trường chưa được đồng đảo và rộng rãi.

Việc tổ chức thực hiện các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới PPD&H và KTĐG chưa được đều đặn hằng năm ở cấp Trường.

Trong số các đề tài NCKH của GV CTĐT ngành QTKD, chưa có nhiều đề tài NCKH liên quan trực tiếp đến việc đổi mới PPDH và KTĐG KQHT của NH.

Ý kiến phản hồi từ các BLQ chưa được đối sánh qua các năm. Chưa kiểm soát việc thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động của các đơn vị sau khi có dữ liệu khảo sát thu được một cách bài bản.

Việc giám sát và cải thiện chất lượng dịch vụ của các đơn vị chức năng chưa được thực hiện đồng đều giữa các đơn vị. Trường chưa có chính sách về tiêu chuẩn chất lượng DVHT dành cho các đơn vị có chức năng đặc thù (thư viện, phòng máy tính, căn tin), đặc biệt dành cho các chương trình tìhc hợp.

#### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,67 điểm. Số tiêu chí đạt: 6/6. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

#### **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

##### ***Mở đầu***

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường. Hằng năm, Khoa QTKD cùng các đơn vị trong Trường đã tổ chức thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ NH thôi học, lượng NH tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu NH. Các hoạt động NCKH cho NH được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của ngành QTKD, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện. Trường và Khoa QTKD đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***



### 1. Mô tả hiện trạng

Tỉ lệ thi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên luôn luôn là năm học có nhiều sự biến động lớn về tỉ lệ thi học của NH. Chính vì vậy, Khoa QTKD theo dõi tỉ lệ NH đang theo học tại Viện thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng QLĐT và báo cáo sinh hoạt CVHT của các CVHT. Theo đó, đầu mỗi niên khóa, Khoa QTKD phối hợp chặt chẽ với Phòng QLĐT để theo dõi, giám sát tỉ lệ NH theo học bao gồm số lượng đầu vào của NH, tỉ lệ thi học của NH [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Tất cả các số liệu trên đều được Phòng QLĐT quản lý thông qua phần mềm chuyên dụng với độ tin cậy và tính chính xác cao [H11.11.01.03].

Phòng QLĐT và Viện thường xuyên thống kê và giám sát chặt chẽ tỷ lệ thi học, tỷ lệ tốt nghiệp của NH ngành QTKD nhằm có sự đối sánh để cải tiến chất lượng ĐT, Phòng KT&QLCL chịu trách nhiệm khảo sát ý kiến NH, thống kê tình hình tốt nghiệp, việc làm NH; tổ chức đánh giá nội bộ,... giám sát, rà soát việc ĐBCL trong công tác ĐT. Các chỉ số về tốt nghiệp và thi học được xác lập như sau:

**Bảng 11.1.1 : Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thi học**

STT	Chỉ số hoạt động chính (KPIs)	Công thức tính
1	Tỉ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (tính theo khóa học)	Tổng số NH tốt nghiệp /số NH nhập học (%)
2	Tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ (tính theo ngành học, khóa học, Viện/viện quản lý ngành)	Tổng số NH tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ/Tổng số NH hiện tại (theo ngành học, khóa học, Viện quản lý ngành)
3	Tỉ lệ NH thi học của từng học kỳ, năm học so với đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, Viện/viện quản lý ngành)	Tổng số NH thi học của từng học kỳ, năm học/Tổng số NH nhập học đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, Viện quản lý ngành)
4	Tỉ lệ NH thi học của từng học kỳ, năm học so với tổng số NH của học kỳ, năm học liền kề trước	Tổng số NH thi học của từng học kỳ, năm học/ Tổng số NH của học kỳ, năm học liền kề trước

Nhà trường sử dụng phần mềm Edusoft, Edusoft-web để lưu trữ dữ liệu NH, kết quả quá trình ĐT, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của NH, xem xét tỷ lệ đậu rớt, bỏ học, xét tốt nghiệp,... Thông qua phần mềm này giúp NH tra cứu nhanh (trực tuyến) KQHT, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký học phần và theo dõi, giám sát sự tiến bộ của mình một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Nhà trường còn phát triển một số tính năng trong phần mềm nhằm phục vụ cho công tác tổng hợp thống kê báo cáo, chăm sóc NH, nhằm phục vụ cho công tác quản lý và điều hành của lãnh đạo Trường [H11.11.01.04].

Mỗi học kỳ, tỷ lệ NH tốt nghiệp và thôi học được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo, phân tích kết quả ĐT theo từng học kỳ, năm học của Phòng QLĐT. Cùng với báo cáo phân tích, đánh giá kết quả đào tạo và đề xuất cải tiến của Khoa QTKD.

**Bảng 11.1.2: Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành QTKD (Khoa QTKD) của 5 khoá gần nhất**

Khóa học	Số lượng nhập học	Người học hoàn thành chương trình trong thời gian									
		3 năm		4 năm		4.5 năm		Trên 4.5 năm		Tổng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2019	15	-	-	4	26.67%	-	-	-	-	4	26.67%
2020	15	1	6.67%	-	-	-	-	-	-	1	6.67%
2021	14	Chưa có NH tốt nghiệp								0	0.00%
2022	17									0	0.00%
2023	33									0	0.00%

Qua bảng số liệu về tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành QTKD Khoa QTKD, trong giai đoạn từ 2019-2023, có 30 NH ngành QTKD đã tốt nghiệp và 66.67% NH tốt nghiệp đúng hạn. Hằng năm, Khoa QTKD kết hợp với Phòng QLĐT tiến hành đối sánh tỉ lệ NH thôi học, tốt nghiệp của ngành Quản trị QTKD, CTĐT CLC TATP với các ngành học khác trong trường, các khóa trước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học làm căn cứ cho việc đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và đề ra biện pháp phù hợp.

**Bảng 11.1.3: Tỷ lệ NH thôi học ngành QTKD của 5 khoá gần nhất**

Khóa học	Số lượng nhập học	Người học thôi học trong thời gian									
		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Năm thứ 4 và tiếp theo		Tổng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2019	15	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
2020	15	4	26.67%	3	20.00%	0	0.00%	0	0.00%	7	46.67%
2021	14	0	0.00%	0	0.00%	2	14.29%	-	-	2	14.29%
2022	17	0	0.00%	0	0.00%	-	-	-	-	0	0.00%

2023	33	0	0.00%	-	-	-	-	-	-	0	0.00%
------	----	---	-------	---	---	---	---	---	---	---	-------

*Dấu “-” là chưa có dữ liệu*

Qua bảng số liệu trên cho thấy tỉ lệ thôi học của NH vào năm 2019 là 0%. Tỷ lệ NH thôi học khá cao ở năm 2020 (46.67%) và 2021 (14.29%). Đây là hai năm ngành giáo dục nói chung chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch COVID-19, do đó đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý và định hướng của NH.

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của NH được đánh giá, phân tích, giám sát. Nhằm giảm thiểu số lượng NH thôi học từ khóa 2021 trở đi, Ban chủ nhiệm Khoa QTKD đã tiến hành rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng niên khóa do Viện ĐTSĐH cung cấp. Hoạt động quản lý NH thôi học/NH tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp Khoa và cấp trường. Viện ĐTSĐH là đầu mối thông tin về tình tỉ lệ NH tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Viện ĐTSĐH hàng năm cũng là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái NH [H11.11.01.05].

Lãnh đạo Khoa sẽ cùng các CVHT đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỉ lệ thôi học và hỗ trợ NH tiếp tục quá trình học tập. Đối với các trường hợp NH có kết quả thuộc diện cảnh báo buộc thôi học, Khoa đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với NH về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho NH các phương pháp cải thiện kết quả học tập, hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.06].

Hàng năm, Khoa QTKD đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT [H11.11.01.07]. Đồng thời, Nhà trường cũng có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của CVHT [H11.11.01.05]. Nhằm theo dõi sát sao tình hình học tập của NH do lớp mình chủ nhiệm, để kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho NH được tốt hơn. Định kỳ, CVHT họp lớp 2 lần mỗi học kỳ. Các vấn đề trao đổi đều được ghi nhận vào các biên bản họp lớp, được gửi về Khoa lưu trữ và tổng hợp ý kiến để có hướng xử lý và cải tiến [H11.11.01.10].

## **2. Điểm mạnh**

Có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

## **3. Điểm hạn chế**

NH tốt nghiệp chưa đúng tiến độ vẫn còn chiếm tỷ lệ tương đối.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Kể từ năm học 2024 - 2025, các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt (4/7).

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức đào tạo chính quy ngành QTKD được Khoa QTKD tính toán cụ thể. Qua đó, Khoa QTKD tiến hành phân công bộ phận chuyên trách giám sát tốt nghiệp và thiết lập quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Theo quy định của BGD & ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Tài chính - QTKD, thời gian đào tạo trung bình của trình độ đại học ngành QTKD được xác lập là 4 năm [H11.11.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Viện ĐTSĐH và được theo dõi trên hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm ĐT và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

CTDH được phân bổ lộ trình học tập hợp lý nhằm phù hợp với phương pháp đào tạo theo tín chỉ hiện nay của các trường đào tạo QTKD trong và ngoài nước, tăng cường khả năng tự học, tính độc lập, tư duy sáng tạo của NH [H11.11.01.05].

Khoa QTKD tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Thực tế cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH còn kéo dài chủ yếu là do NH chưa hoàn thành yêu cầu các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, chứng chỉ ngoại ngữ. Mặt khác, một số học phần chuyên ngành chỉ được mở định kỳ 1 năm/lần nên NH gặp khó khăn khi đăng ký học cải thiện hoặc trả nợ môn [H11.11.02.06]. Để giải quyết vấn đề trên, Khoa QTKD đã triển khai việc thống kê, rà soát danh sách NH tốt nghiệp và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa NH tốt nghiệp đầu tiên để làm cơ sở cho việc xây dựng dữ liệu báo cáo của Khoa và Nhà trường. Qua đó, phối hợp với các phòng ban để hỗ trợ NH khắc phục việc chậm tiến độ để tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, vai trò của các CVHT cũng rất quan trọng trong việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. CVHT sẽ là cầu nối để thông báo cho NH về thời gian tốt nghiệp trung bình cũng như đôn đốc NH chủ động hoàn thành các môn kỹ năng và ngoại ngữ cũng như tư vấn, hướng dẫn phương pháp học tập hiệu quả các học phần chuyên ngành giúp NH có thể tốt nghiệp đúng tiến độ, đăng ký

học vượt trước tiến độ. Sau khi tư vấn, các trường hợp NH này sẽ được tổng hợp và ghi nhận vào Nhật ký tư vấn hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp và lưu trữ tại Khoa [H11.11.02.06]. Đối với các trường hợp đặc biệt, NH vì các lý do cá nhân (đi nghĩa vụ quân sự, ốm đau, thai sản, kết hôn...) không thể theo học kịp đúng tiến độ thì NH có thể giãn thời gian học tập nhưng không được vượt quá thời gian tốt nghiệp trung bình tối đa của ngành QTKD. [H11.11.02.07].

Khoa QTKD tiến hành đối sánh với các ngành đào tạo trong Trường để cân đối thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD Trường Đại học Tài chính - QTKD [H11.11.02.07]. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD thấp hơn các ngành đào tạo khác trong trường.

Khoa QTKD tổ chức tổng kết và đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Kết quả thực tế cho thấy, số lượng NH chậm tiến độ đã có xu hướng giảm. Đội ngũ nhân viên các phòng ban liên quan đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc hỗ trợ NH về các vấn đề học vụ và giải quyết nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho NH. Bên cạnh đó, CVHT cũng tác động tích cực đối với NH qua việc động viên, khuyến khích NH trong quá trình học tập nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Ngoài ra, Khoa QTKD tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan về CTDH [H11.11.02.08]. Đối với những vấn đề còn hạn chế, Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp như rà soát, điều chỉnh CTDH, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH [H11.11.02.09].

## ***2. Điểm mạnh***

Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học.

Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn.

## ***3. Điểm tồn tại***

Trường, Khoa chưa có các văn bản cho thấy các quyết định/chủ trương/chiến lược hiệu quả giúp NHTN đúng hạn. Cụ thể là đối với các CTĐT khác tương tự, các giải pháp/biện pháp rút ngắn thời gian tốt nghiệp được lặp lại nhiều năm mà chưa có các giải pháp hiệu quả và phù hợp

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa cần rà soát, đánh giá lại những biện pháp giúp NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp không phù hợp với NH CTĐT tích hợp ngành QTKD nhằm tìm những biện pháp khác phù hợp hơn

**5. Tự đánh giá:** Đạt (4/7).

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

**1. Mô tả**

Phòng KT&QLCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện việc khảo sát tình hình NH có việc làm, phản hồi của cựu NH và DN [H11.11.03.01]. Nhà trường luôn quan tâm đến NH có việc làm sau tốt nghiệp. Chính vì vậy, hằng năm Viện ĐTSĐH thực hiện theo kế hoạch của Trường để khảo sát tình hình việc làm của NH tất cả các ngành, các chương trình đào tạo sau tốt nghiệp [H11.11.03.02], Với kết quả ngành QTKD nhận được như sau [H11.11.03.03]:

**Bảng 11.3.1 : Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của ngành QTKD (%)**

Năm học	Tình hình việc làm				
	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm
	Đúng ngành đào tạo	Liên quan ngành đào tạo	Không liên quan ngành đào tạo		
2019	44.40%	26.00%	10.00%	2.40%	17.20%
2020	89.23%	0.00%	0.00%	0.00%	10.77%
2021	63.55%	16.82%	7.48%	2.80%	9.35%
2022	25.36%	34.06%	14.49%	2.90%	23.19%
2023	50.52%	28.53%	7.33%	3.40%	10.21%

Kết quả từ bảng 20, cho thấy NH thuộc Ngành QTKD sau khi tốt nghiệp 5 năm gần đây có khoảng trên 80% NH có việc làm và đa số NH ra trường làm đúng chuyên ngành và liên quan ngành đào tạo.

Về khu vực làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu 21:

**Bảng 11.3.2: Thống kê môi trường làm việc của NH ngành QTKD tốt nghiệp (%)**

Năm học	Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp			
	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
2019	3.48%	63.68%	1.49%	31.34%
2020	1.16%	82.66%	4.05%	12.14%
2021	4.26%	80.85%	6.38%	8.51%

Năm học	Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp			
	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
2022	0.98%	72.55%	12.75%	13.73%
2023	0.61%	81.52%	3.33%	14.55%

Đa phần NH tốt nghiệp làm việc ở khu vực kinh tế tư nhân. Tỷ lệ NH ngành QTKD sau khi tốt nghiệp đã khởi nghiệp, tự tạo việc làm cũng có xu hướng tăng. Kết quả này là cơ sở phản ánh một phần về chất lượng đào tạo ngành QTKD và là cơ sở để Trường và Khoa cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo cho NH để đáp ứng nhu cầu thực tế.

Để nhận định tốt hơn tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. Trường tiến hành đối sánh báo cáo tình hình việc làm của NH ngành QTKD qua các khóa và đối sánh báo cáo tình hình việc làm của NH ngành QTKD với NH các ngành khác. Ngoài ra, Trường còn tiến hành đối sánh tỷ lệ có việc làm của ngành QTKD với Học viện Ngân hàng [H11.11.03.04].

Trung tâm TS & QHDN của Trường, có chức năng hỗ trợ việc làm cho NH toàn trường [H11.11.03.05]. Trường và Khoa đã xây dựng chuyên trang Hỗ trợ NH trong đó có mục hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp, kỹ năng mềm cho NH [H11.11.03.06]. Ngoài ra, nhằm tìm hiểu các nguyên nhân cũng như có các biện pháp hỗ trợ NH có việc làm một cách hiệu quả, Trung tâm TS & QHDN và truyền thông đã nghiên cứu và giới thiệu nhiều chuyên đề về việc làm [H11.11.03.07]. Hằng năm, Khoa QTKD cũng kết hợp với Trung tâm TS & QHDN hỗ trợ giải quyết việc làm cho NH ngành QTKD thông qua các Chương trình ngày hội việc làm [H11.11.03.08].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc đối sánh tỉ lệ NHTN có việc làm giữa CTĐT QTKD với các CTĐT tương ứng ở các trường đại học khác trong nước và ngoài nước còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường phối hợp cùng các Phòng, Trung Tâm, Viện ĐTSĐH, Khoa tiến hành đối sánh tỉ lệ NHTN có việc làm giữa CTĐT ngành QTKD với các CTĐT tương ứng ở các trường ĐH khác trong nước; triển khai các biện pháp hữu hiệu hơn như tăng cường DVHT, phục vụ NH để tạo ra sự gắn kết của NH với Trường/Khoa, lưu giữ các dữ liệu về NH để có thể theo vết sau khi tốt nghiệp, tăng tỉ lệ phản hồi của NHTN.

**5. Tự đánh giá:** Đạt (4/7).

**Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### 1. Mô tả

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc đại học là trang bị cho NH các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho NH hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ NH là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Viện. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường Đại học Tài chính - QTKD luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của NH thông qua việc ban hành quy định cụ thể về hoạt động NCKH của NH [H11.11.04.01].

Đồng thời, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát. Nhiệm vụ này được phân công cho Phòng QLKH và Khoa QTKD [H11.11.04.03] Theo đó, hoạt động NCKH của NH Khoa QTKD được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: khóa luận tốt nghiệp, làm đề tài NCKH, bài kỹ yếu hội thảo,... mang lại những ý nghĩa thiết thực cho NH [H11.11.04.04]. Các đề tài NCKH của NH được định hướng từ Khoa QTKD và triển khai chi tiết dưới sự hướng dẫn sát sao, tận tình từ phía GV hướng dẫn với nguồn kinh phí do nhà trường hỗ trợ [H11.11.04.05].

Kết quả tổng kết và đánh giá hoạt động NCKH của NH trong 5 năm từ 2017 đến 2021 (bảng 11.4.1) cho thấy tình hình NCKH của NH Khoa QTKD có ổn định về số lượng. Trong 5 năm, Khoa QTKD đã có 75 đề tài NCKH của NH. Trên cơ sở kết quả trên, Phòng QLKH đã đề xuất nhà trường tổ chức khen thưởng NH có thành tích NCKH các cấp trong Hội nghị NCKH của NH [H11.11.04.02].

**Bảng 11.4.1: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH của NH Khoa QTKD qua các năm**

Năm học	Số đề tài NCKH, sáng tạo được nghiệm thu	Số NH tham gia NCKH, sáng tạo được nghiệm thu	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo
2019	13	52	0
2020	11	44	0



<b>2021</b>	13	50	0
<b>2022</b>	12	45	0
<b>2023</b>	26	65	3
<b>Tổng</b>	<b>75</b>	<b>256</b>	<b>3</b>

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa QTKD có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH [H11.11.04.07]. Trường ĐHTCM đã tiến hành ký kết hợp tác với các đơn vị khác nhằm phát triển hoạt động đào tạo và NCKH trong đó có NCKH của NH [H11.11.04.08]. Trường có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT do Trường quản lý, giữa các CSGD khác nhau. Bên cạnh đó, thông qua việc đối sánh với các trường trong và ngoài nước, Viện sẽ cân đối và điều chỉnh hoạt động NCKH của NH cho phù hợp với xu thế phát triển chung cũng như của ngành QTKD hiện nay [H11.11.04.09]. Nội dung đối sánh chi tiết tại bảng 11.4.2 và 11.4.3

**Bảng 11.4.2 : Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Khoa QTKD với NH các khoa khác thuộc trường**

Khoa/Viện	2017		2018		2019		2020		2021	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
QTKD	67	37	73	57	72	52	70	42	82	32.5
Quản trị Kinh doanh	11	6	13	10	14	10	22	13	44	17.5
Tài chính – ngân hàng	28	15	11	9	18	13	18	11	40	15.8
Thẩm định giá – KDBĐS	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0.4
Thuế - Hải quan	2	1	0	0	0	0	1	0	1	0.4
Thương mại	44	24	2	2	13	9	26	16	52	20.6
Du lịch	13	7	6	5	6	4	5	3	8	3.2
Kế toán – Kiểm toán	0	0	10	8	4	3	6	4	12	4.8
Kinh tế - Luật	-	-	-	-	-	-	5	3	0	0
Ngoại Ngữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ thông tin	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
Khoa QTKD	14	8	13	10	11	8	13	8	12	4.8
<b>Tổng số</b>	<b>181</b>	<b>100</b>	<b>128</b>	<b>100</b>	<b>138</b>	<b>100</b>	<b>166</b>	<b>100</b>	<b>252</b>	<b>100</b>

**Bảng 11.4.3 : Bảng đối sánh hoạt động NCKH của NH Trường Đại học Tài chính – QTKD với cơ sở đào tạo khác**

<b>Năm học</b>	<b>Trường Đại học Tài chính – QTKD</b>		<b>Học viện Ngân hàng</b>	
	Tỷ lệ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ (%)	Kinh phí dành cho hoạt động NCKH sinh viên (triệu đồng)	Tỷ lệ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ (%)	Kinh phí dành cho hoạt động NCKH sinh viên (triệu đồng)
2019	3,5%	1,043	1.60%	942
2020	4,2%	1,549	1%	1,132
2021	7,3%	705	1.50%	1,351

Nhằm nâng cao chất lượng NCKH của NH, Viện đã đề xuất các giải pháp NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với khả năng của NH [H.11.11.04.10]. Thông qua GV hướng dẫn giúp NH đưa ra những danh mục đề tài gợi ý cho NH và định hướng nghiên cứu thiết thực dựa trên cơ sở năng lực của NH. Ngoài ra, Viện còn cho khuyến khích NH có những ý tưởng NCKH mới mẻ thông qua việc NH phát hiện ra những vấn đề pháp lý nảy sinh trên thực tế thu hút sự quan tâm của xã hội bên cạnh các danh mục đề tài do Viện và GV cung cấp.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch hoạt động NCKH của NH, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH từ Trường tới Viện. Viện có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho NH, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ NH trong quá trình làm đề tài.

## **3. Điểm tồn tại**

Trường, Khoa còn chưa thực hiện đối sánh chất lượng hoạt động NCKH của NH ngành QTKD với các CTĐT cùng ngành ở các trường ĐH khác trong và ngoài nước, đặc biệt với các trường có liên kết. Hoạt động NCKH có liên quan nhiều đến HP NCKH và việc nâng cấp các sản phẩm từ HP này nhiều hơn là khuyến khích NH có các nghiên cứu ứng dụng và đổi mới, sáng tạo

## **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2024 - 2025, Trường và Phòng QLKH tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho NH.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm 2024 - 2025, Nhà trường xây dựng chính sách đồng bộ trong việc đa dạng hóa các hoạt động NCKH của NH, khuyến khích NH tham gia NCKH, với việc công nhận và khen thưởng phù hợp; xây dựng kế hoạch và thiết lập các chỉ số thực hiện chính (KPIs) về NCKH của NH ngành QTKD và đối sánh với CTĐT cùng ngành của các trường ĐH khác, làm cơ sở để định kỳ ĐGCL hoạt động, từ đó có các đề xuất/đầu tư cho NCKH và triển khai các hoạt động giúp nâng cao số lượng và chất lượng NCKH, tạo động lực cho NH.

**5. Tự đánh giá:** Đạt (5/7).

**Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### **1. Mô tả**

Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường bao gồm các thành phần chính như sau: Cấu trúc tổ chức và nhân sự; Thể chế và quy định; Hệ thống thông tin ĐBCL. Về cấu trúc, hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được tổ chức thành ba cấp: BGH – Đơn vị chuyên trách công tác ĐBCL – lãnh đạo và chuyên viên phụ trách công tác ĐBCL tại các đơn vị. P.KT&QLCL đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ. Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Trường gồm các loại khảo sát sau [H11.11.05.01]: (i) Khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) Khảo sát ý kiến NH năm cuối về khóa học; (iii) Khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp về việc làm; (iv) Khảo sát ý kiến GV và NH về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ; (v) Khảo sát ý kiến NTD về CTĐT; (vi) Khảo sát ý kiến NTD về chất lượng NHTN của Trường.

Quy trình lấy ý kiến, hình thức, công cụ lấy ý kiến đều được xác định rõ trong Quy định về công tác lấy ý kiến các BLQ của Trường [H11.11.05.01]. Kết quả của các loại khảo sát trên, sau khi được P.KT&QLCL xử lý bằng phần mềm chuyên dụng, được tổng hợp, đối sánh giữa các CTĐT hoặc các đơn vị trong Trường sẽ được gửi đến các đơn vị liên quan trong Trường, các đơn vị phân tích dữ liệu và làm báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc cải tiến như thế nào tại đơn vị để nâng cao chất lượng của đơn vị [H11.11.05.02]. Sau khi tiếp nhận kết quả ý kiến phản hồi từ các BLQ, Viện tiến hành nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng [H11.11.05.03]. Bên cạnh đó, Viện còn đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT với các cơ sở đào tạo khác [H11.11.05.04].

### **2. Điểm mạnh**

Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ.

Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

### **3. Điểm tồn tại**

Các thang đo còn chưa có độ tin cậy và giá trị cao. Chưa có đối sánh mức độ hài lòng giữa các năm và với các CTĐT trong và ngoài Trường.

KQKS mức độ hài lòng chưa được Khoa, các đơn vị xem xét cẩn thận và nghiêm túc đề xuất Trường về giải pháp cải tiến chất lượng. Trường chưa có cơ chế giám sát việc triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng tại các đơn vị dựa trên KQKS mức độ hài lòng của tất cả các BLQ.

### **4. Kế hoạch hành động**

*Phát huy điểm mạnh:* Giai đoạn 2025 - 2024, Khoa hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng đào tạo thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

*Khắc phục tồn tại:* Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường, Khoa có kế hoạch và triển khai đối sánh mức độ hài lòng giữa các năm và giữa các CTĐT trong và ngoài Trường cũng như phân tích KQKS và đề xuất các giải pháp khoa học, hợp lý để cải tiến chất lượng cũng như mức độ hài lòng của các BLQ. Định kỳ giám sát và đánh giá việc triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị dựa trên KQKS mức độ hài lòng của các BLQ.

*Tự đánh giá:* Đạt (4/7).

### **Kết luận Tiêu chuẩn 11:**

#### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Trường có bộ phận chuyên trách, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ NH trong học tập và rèn luyện. Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. NH ngành QTKD nói riêng và NH của Khoa QTKD nói chung, tham gia hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của NH luôn được Viện và Nhà trường hỗ trợ, giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hàng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và

phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Việc đối sánh tỉ lệ NHTN có việc làm giữa CTĐT QTKD với các CTĐT tương ứng ở các trường đại học khác trong nước còn hạn chế.

Trường/Khoa chưa thực hiện đối sánh chất lượng hoạt động NCKH của NH ngành QTKD với các CTĐT cùng ngành ở các trường ĐH khác trong nước. Chưa có đối sánh mức độ hài lòng giữa các năm và giữa các CTĐT trong Trường. KQKS mức độ hài lòng chưa được Khoa, các đơn vị xem xét cẩn thận và nghiêm túc để đề xuất Trường về giải pháp cải tiến chất lượng. Trường chưa có cơ chế giám sát việc triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng tại các đơn vị dựa trên KQKS mức độ hài lòng của tất cả các BLQ.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,20 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

### **PHẦN III: KẾT LUẬN**

#### **1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục**

##### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xác định cụ thể, rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại điều 5 Luật GDĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Qua quá trình rà soát và điều chỉnh thì mục tiêu và CĐR của CTĐT thể hiện rõ về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, triển vọng việc làm trong tương lai và có thể đo lường, đánh giá được. Mục tiêu và CĐR của CTĐT thể hiện được chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chịu trách nhiệm, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của chuyên ngành QTKD mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Điều này đã được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và từng HP. Khoa QTKD đã quán triệt nhiệm vụ đến từng chuyên viên và GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu CTĐT đề ra.

##### **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT đầy đủ, cụ thể và thể hiện sự đóng góp của từng HP vào CDR. Tất cả đều được trình bày rõ ràng, chi tiết, thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo quy định của Bộ GD-ĐT, theo kế hoạch và quy trình của Nhà trường, trên cơ sở khảo sát các bên liên quan và đối sánh với các CTĐT cùng trình độ ở những nơi khác. Ma trận CDR của CTĐT được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình.

Đề cương của các HP được mô tả đầy đủ thông tin và được chuẩn hóa theo quy định của BGD&ĐT và của Hội đồng khoa học cấp Trường, cấp Khoa. Bản mô tả CTĐT và các đề cương HP được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên và ngày càng đầy đủ hơn, chi tiết hơn theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ ý kiến đóng góp, xây dựng của hội đồng khoa và các bên liên quan. Thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương HP đều được công bố công khai và các bên liên quan dễ tiếp cận.

### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Chương trình dạy học với cấu trúc gồm các HP ở khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung và cấu trúc của CTDH được Khoa... thiết kế với trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp cao giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành giúp NH có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng HP, các HP trong cấu trúc CTDH để đạt CDR. Cấu trúc của CTDH logic, hợp lý, việc vận hành CTDH một cách nhuần nhuyễn và hiệu quả, có hệ thống và tạo điều kiện thuận lợi CTDH cho NH trong việc lựa chọn đăng ký HP cũng như dạy học.

### **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Triết lý giáo dục thể hiện lồng ghép trong sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược của Nhà trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan thông qua nhiều phương tiện truyền thông. Các hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế đa dạng, linh hoạt phù hợp để đạt CDR. Các hoạt động dạy – học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở, đại đa số NH hài lòng với PPGD của GV. Các hoạt động dạy và học có chiến lược, được thể hiện cụ thể trong cấu trúc CTDH, trong các đề cương HP, các hoạt động dạy và học trên lớp cũng như các hoạt động ngoại khóa khác tạo điều kiện cho NH rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời, 100% đề cương HP mô tả rõ việc sử dụng phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả của NH.

### **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

Hoạt động đánh giá học tập nhằm hướng tới đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện một cách phù hợp theo CĐR và mục tiêu từng HP. Nhà trường có quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả học tập của NH một cách rõ ràng, cụ thể, nhằm đạt CĐR, được công bố công khai, rộng rãi cho các BLQ.

Những quy định về kiểm tra đánh giá học tập được thực hiện rõ ràng, cụ thể và chặt chẽ về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Những quy định này được thông báo công khai với NH và ghi rõ trong đề cương các HP. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá học tập được công bố kịp thời, công khai, đúng quy định để NH cải thiện việc học tập.

Nhà trường và khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động giảng dạy, ra đề thi, chấm thi, xét công nhận tốt nghiệp. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập rõ ràng, cụ thể được công bố công khai để NH dễ dàng biết và thực hiện. Quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập được giải quyết theo quy trình, đảm bảo khách quan, công bằng và tin cậy.

#### **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc lương cho GV được thực hiện có kế hoạch, có tiêu chí cụ thể rõ ràng, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng. Các thủ tục xin nghỉ việc, chuyển công tác, nghỉ hưu đều được thực hiện một cách chặt chẽ đúng quy định của Luật lao động. Các GV cơ hữu và thỉnh giảng đều đảm bảo đủ tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Tỷ lệ GV/NH đáp ứng được yêu cầu quy định. Năng lực của GV và chuyên viên được xác định rõ ràng bằng các tiêu chí cụ thể, thể hiện qua việc hoàn thành khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH và các công việc khác được giao. Kết quả thực hiện công việc được đánh giá dựa trên quy chế của Nhà trường.

#### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

Số lượng và chất lượng đội ngũ chuyên viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) hiện nay đủ đảm bảo phục vụ cho NH và GV. Tất cả đều có bằng cấp thích hợp và nghiệp vụ thành thạo, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, hỗ trợ NH tận tình. Hằng năm, Nhà trường đều có quy trình, triển khai kế hoạch đánh giá thành tích của đội ngũ chuyên viên dựa trên quy định về khối lượng công việc đã được đề ra theo bản kế hoạch và bản mô tả công việc.

#### **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, minh bạch và đúng quy định của BGD&ĐT, giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, xét tuyển từ

cao xuống thấp. Chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó NH có thông tin đầy đủ về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở NH ngay từ khi nhập học.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về tuyển sinh và áp dụng các phương pháp tuyển chọn và ứng dụng công nghệ trong việc xét tuyển. Hoạt động hỗ trợ NH khá đa dạng và phù hợp. Nhà trường có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của NH để nắm bắt và hỗ trợ kịp thời NH để họ có sự tiến bộ. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

### **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Nhà trường có CSVC với hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng cùng trang thiết bị hỗ trợ đảm bảo phục vụ tốt cho CTĐT của Khoa QTKD ngành QTKD. Tất cả các phòng học đều có đủ phương tiện dạy và học như máy chiếu, máy lạnh và máy quạt. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC, có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

Thư viện đầy đủ sách và tài liệu hỗ trợ trong học tập, nghiên cứu. Hệ thống CNTT, phòng thực hành máy tính phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Cảnh quan môi trường tốt, tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn và vệ sinh môi trường, y tế, PCCC đạt yêu cầu của địa phương.

### **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng, theo một quy trình thống nhất. Các ý kiến của các BLQ được ghi nhận và làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình nâng cao chất lượng đào tạo và CTDH. Chương trình đào tạo và CTDH được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến kỳ trên cơ sở mục tiêu đào tạo và theo một quy trình thống nhất và tham vấn các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Qua đó, tạo ra CTĐT có tính khoa học, chính xác, quá trình dạy học hợp lý.

Việc đánh giá kết quả học tập được rà soát, hầu hết các đề tài NCKH đều gắn với hoạt động dạy và học, kết quả NCKH được chuyển thành nội dung phục vụ cho việc cải tiến hoạt động dạy và học. Nhà trường thực hiện đầy đủ các đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm cải tiến chất lượng. Nhà trường và Khoa thường xuyên đầu tư thêm và cải thiện các dịch vụ hỗ trợ ngày càng tốt hơn.



## **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

Nhà trường có bộ phận, quy trình công cụ theo dõi, cập nhật tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của CTĐT qua các năm học, khóa học và được giám sát. Nhà trường đã quy định rõ ràng về khung thời gian đào tạo trong CTĐT và công bố công khai quy chế đào tạo, kết quả học tập của NH để NH nắm rõ và theo dõi tiến độ học tập.

Tình hình học tập của NH được cập nhật thường xuyên thông qua CB quản lý. Các yêu cầu về CĐR, kết quả học tập của NH, danh sách NH cảnh báo học tập, buộc thôi học, tốt nghiệp được công bố công khai thông qua cổng thông tin của Nhà trường, giúp NH dễ dàng tiếp cận và theo dõi về tình hình học tập của mình.

Hoạt động NCKH của NH được Nhà trường quy định một cách rõ ràng, có những biện pháp khuyến khích, hỗ trợ NH NCKH nhằm gia tăng cả số lượng và chất lượng, công bố công khai để NH nắm rõ.

Việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ được Nhà trường thực hiện thường xuyên và rộng rãi, cập nhật đã giúp Nhà trường đưa ra các biện pháp kịp thời nâng cao chất lượng.

## **2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục**

### ***Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay. Sự gắn kết giữa Khoa QTKD với nhà tuyển dụng để nắm bắt nhu cầu từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế.

### ***Tiêu chuẩn 2 : Bản mô tả chương trình đào tạo***

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến khảo sát của GV và NH. Việc lấy ý kiến của cựu NH, nhà tuyển dụng còn ít và chưa đa dạng.

### ***Tiêu chuẩn 3 : Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

Một số ĐCCT của học phần không thuộc ngành quản lý chưa có tổ hợp các PP KTĐG để đạt CĐR. Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách cụ thể về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CĐR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

### ***Tiêu chuẩn 4 : Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Việc đánh giá mức độ hiểu rõ về TLGD của các BLQ vẫn chưa được khảo sát. NH tham gia vào các buổi báo cáo chuyên đề (môn học có các tiết học có sự tham gia của

DN) chưa thực sự chủ động. Chưa triển khai hiệu quả việc hướng dẫn cho người học hiểu đầy đủ về việc sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

***Tiêu chuẩn 5 : Đánh giá kết quả học tập của người học***

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (được sử dụng tài liệu) để có hướng điều chỉnh thích hợp. Trong quá trình đánh giá điểm quá trình một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính. Khoa chưa thực hiện đánh giá, kiểm chứng về hiệu quả tổ hợp các PP KTĐG được áp dụng trong CTĐT ngành KDQT, việc đánh giá các PP KTĐG mới chỉ thực hiện ở mức trao đổi giữa các GV thông qua các buổi họp Khoa, họp tổ bộ môn. Điểm đánh giá quá trình (bao gồm nhiều điểm thành phần: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm,...) được công bố vào buổi học cuối cùng của học phần, chưa có nhiều thời gian dành cho sự trao đổi trực tiếp giữa GV với người học về từng loại điểm thành phần. Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

***Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Công tác quy hoạch đội ngũ GV có học hàm là GS, PGS còn ít.

Việc đánh giá chất lượng công việc của GV ở cấp độ Khoa QTKD chưa triệt để bám sát các tiêu chí chất lượng đã ban hành trong các quy chế trả lương. Do đó, công tác đánh giá chất lượng vẫn theo xu hướng đánh giá khối lượng hoàn thành công việc.

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện chung cho hai đối tượng có hai nhu cầu khác nhau là GV và NV dẫn đến kết quả có một số phần chưa hợp lý.

***Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên***

Bộ máy hành chính đã tinh gọn rất nhiều so với lúc vừa sát nhập 02 trường, tuy nhiên tỷ lệ 75 giảng viên/25 viên chức hành chính như chiến lược đã đề ra vẫn chưa đạt được. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng, chưa thu hút nhiều ứng viên xuất sắc. Hầu hết các VC có nhu cầu cao trong việc cân bằng giữa công tác chuyên môn và gia đình, tận hưởng cuộc sống, nên việc bố trí thời gian để triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đôi khi không đạt được kết quả như mong đợi. Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV

***Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu NH và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thi học và chất lượng NH năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Khoa chưa thực hiện phân tích KQHT của người học thường xuyên và đồng bộ với phân tích KQHT của Phòng QLĐT nên chưa thực sự giám sát hiệu quả sự tiến bộ trong học tập của người học thuộc các ngành mà Khoa quản lý. Hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của NH chưa được định kỳ đánh giá. Các báo cáo KQHT được thực hiện chung cho cả trường và các ngành do khoa quản lý, chưa được tổng hợp riêng cho ngành QTKD.

Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho NH đa số gói gọn trong phạm vi Trường, chưa đa dạng các hoạt động mang phạm vi cấp thành phố hoặc cả nước để thu hút thêm NH các trường khác tham gia. Tuy khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đổi mới sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện.

Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh. Thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (không tập trung, ồn ào,...). Nhà trường chưa tiến hành khảo sát về nhu cầu sử dụng khuôn viên công cộng cũng như môi trường tâm lý đối với CB-GV-NV.

#### ***Tiêu chuẩn 9 : Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Lợi thế của hệ thống văn phòng mở cũng là điểm bất lợi, gây nên một số hạn chế bởi tiếng ồn và không gian dùng chung khi cần giải quyết công việc chuyên môn của các đơn vị, phòng ban. Công tác liên kết với các các tổ chức Thông tin - Thư viện quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực. Ý kiến phản hồi của người sử dụng chưa đầy đủ, chưa được phân tích chi tiết. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

#### ***Tiêu chuẩn 10 : Nâng cao chất lượng***

Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT chưa nhiều. Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả. Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học chưa được thực hiện đầy đủ đối với các học phần khoa không quản

lý. Một số học phần, tỷ lệ người học hài lòng về phương pháp dạy – học và đánh giá kết quả học tập còn chưa cao.

### ***Tiêu chuẩn 11 : Kết quả đầu ra***

Chưa đối sánh chất lượng đầu ra của NH với các trường trong và ngoài nước. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi công việc đang làm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ. Vẫn còn một số NH còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.**

#### ***Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Năm 2024-2025, Khoa tiếp tục tham khảo các trường ĐH trong và ngoài nước có đào tạo ngành QTKD, xây dựng kế hoạch đánh giá đồng cấp để rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau.

Khoa định kỳ 2 năm tiến hành đánh giá và điều chỉnh lại CTĐT QTKD nhằm nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với CĐR.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý GD, các DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CĐR của CTĐT và kết quả đầu ra của NH.

#### ***Tiêu chuẩn 2 : Bản mô tả chương trình đào tạo***

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ chỉ đạo Hội đồng khoa học Khoa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ. Bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Từ năm 2024 – 2025, Khoa QTKD tổ chức khảo sát lấy ý kiến đối với người sử dụng lao động các nội dung liên quan đến đề cương các HP có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng từ đơn vị người sử dụng lao động.

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT CLC tiếng anh toàn phần ngành QTKD còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

Khoa chưa thiết kế kênh phản hồi tự động (khảo sát tự động) các bên liên quan về mục đích sử dụng thông tin trong bản mô tả CTĐT và DCCT, thông tin nào được các bên liên quan quan tâm nhiều.

***Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường/Khoa thay đổi cách thức và PP trong việc thu thập các thông tin, ý kiến đóng góp của các NTD, cựu NH, NH năm cuối để phục vụ tốt hơn cho việc xây dựng và cập nhật CĐR của CTĐT và của các học phần để kịp thời đáp ứng các yêu cầu của XH.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường/Khoa sẽ tiến hành tổ chức hội thảo, tọa đàm hoặc các hình thức thăm dò khác để thu thập ý kiến NTD và các về CTDH.

***Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phổ biến triết lý giáo dục đến các BLQ thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về triết lý giáo dục để nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn triết lý giáo dục của Trường và Khoa; khảo sát các BLQ về triết lý giáo dục của Trường.

Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện triết lý giáo dục của Trường và Khoa.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ ban hành quy định để tất cả GV chú trọng việc hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập một cách hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa tăng cường các biện pháp phổ biến, hướng dẫn để giúp người học sử dụng các PP nghiên cứu, học tập hiệu quả nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động.

***Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học***

Năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở để kịp thời hiệu chỉnh và bổ sung để tất cả các môn học trong CTĐT đều được đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường các hình thức, biện pháp hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả các PP đánh giá được hướng dẫn. Bên cạnh đó, GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ triển khai việc bảo hạn chế việc NH chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi NH phải tư duy, vận dụng hiểu biết của NH vào làm bài.

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa sẽ sinh hoạt với GV để thống nhất đối với mỗi loại điểm thành phần, GV công bố ngay cho người học sau khi có kết quả, còn vào buổi học cuối cùng GV chỉ công bố kết quả chung của điểm quá trình.

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa phối hợp với P.KT & QLCL điều chỉnh sổ sung quy định và phân định rõ nghĩa vụ người học trong các trường hợp khiếu nại đúng/sai, trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

### ***Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Từ năm học 2024 - 2025, xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV của Khoa QTKD, của Trường để đảm bảo tính liên tục theo thời gian, chiến lược phát triển Trường và đội ngũ GV.

Từ năm 2024 - 2025, Khoa QTKD tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa QTKD đã rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

Hiện nay, trường đang bắt đầu triển khai công tác đánh giá toàn diện nhân sự và Khoa QTKD đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa QTKD sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD xây dựng kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV. Khoa QTKD tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục

vụ cộng đồng. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của Khoa QTKD.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD sẽ khuyến khích các GV tham gia nhiều hơn vào các công trình NCKH cấp Bộ, cấp nhà nước và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

### ***Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên***

Trường tiếp tục rà soát, quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ. Từ năm 2024, Trường triển khai tuyển dụng viên chức hành chính trên cơ sở phân tích rất kỹ, từng vị trí việc làm và xu hướng phát triển; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong năm 2024, Đa dạng hơn các kênh để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, mạng lưới liên hệ với cựu SV.

Thực hiện đánh giá đội ngũ nhân viên định kỳ theo từng quý và nghiên cứu cơ chế sử dụng kết quả đánh giá để chi trả thu nhập tăng thêm cho đội ngũ nhân viên.

Thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ áp dụng vào công việc để đánh giá, cải tiến.

Xây dựng các chính sách khen thưởng, động viên kịp thời để tạo động lực cho các đội ngũ NV trong quá trình làm việc.

### ***Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Từ năm học 2024 – 2025, ngoài việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các cựu NH và NTD, Khoa/Trường cần quảng bá rộng rãi thêm thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu NH và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành ĐT và họ sẵn sàng truyền thông cho Khoa/Trường.

Từ năm học 2024 - 2025, Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ DN cùng với Khoa nên tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh. Trường cần có chính sách rõ ràng hơn để thu hút lượng học sinh giỏi, chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thôi học và chất lượng NH năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục phân tích KQHT của người học một cách cụ thể nhằm giám sát và hỗ trợ người học học tập tốt hơn. Nhà trường cần định kỳ đánh giá hiệu quả của sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân trong giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của NH. Khoa phân loại báo cáo KQHT của từng ngành nhằm dễ dàng nắm bắt sự thay đổi.

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa sẽ phối hợp cùng Phòng CTSV và Đoàn trường nghiên cứu và tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa trực tiếp hoặc online để tạo cơ hội cho NH có thể tham gia nhiều hoạt động và có điều kiện giao lưu, học hỏi với NH các trường bạn. Khoa thực hiện so sánh, đối chiếu hiệu quả của các hoạt động thông qua phân tích kết quả số lượng người tham dự, phản hồi của người tham dự, quy mô tổ chức,...

Từ năm học 2024 – 2025, Nhà trường tăng cường một số chậu cây cảnh tạo thêm không gian xanh. Bố trí thêm không gian sinh hoạt chung và không gian riêng yên tĩnh phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu dựa trên khảo sát nhu cầu sử dụng của CB-GV-NV.

#### ***Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ bố trí lại hệ thống văn phòng cho Khoa được khoa học hơn, tạo thêm phòng làm việc nhóm và không gian nghiên cứu riêng phù hợp cho GV và NH.

Từ năm học 2024 - 2025, tăng cường đầu tư CSVC, tài liệu chú trọng phát triển tài liệu số. Đẩy mạnh liên kết, chia sẻ và trao đổi tài liệu, kinh nghiệm phát triển với các Thư viện/Cơ quan thông tin, từng bước hình thành Thư viện hiện đại. Bên cạnh đó sẽ đa dạng các loại hình dịch vụ tại Thư viện.

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ tiếp tục nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT, mạng Internet và Wifi, phần mềm ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.

Từ năm 2024 - 2025, Nhà trường sẽ trang bị thêm hệ thống cây xanh trong tất cả các khu vực, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Nhà trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó tiến hành thu thập ý kiến cũng như khảo sát các bên có liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

#### ***Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng***



Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, chú trọng tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD sẽ phối hợp với P.ĐT, P.KT & QLCL tổ chức tập huấn kỹ các bước thực hiện QT xây dựng cũng như rà soát CTDH nhằm giúp GV hiểu rõ các nội dung để từ đó có những đóng góp điều chỉnh thiết thực hơn.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa QTKD sẽ tăng cường tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, đánh giá rút kinh nghiệm đối với các GV để tìm ra phương pháp dạy, học và đánh giá KQHT hiệu quả.

Trong giai đoạn 2024 - 2025, Khoa sẽ có chính sách nâng cao chất lượng NCKH của GV và NH cả về nội dung NC, phạm vi NC và có chính sách động viên GV thực hiện các nghiên cứu gắn với DN. Bên cạnh đó, đẩy mạnh hơn nữa việc sử dụng các kết quả NCKH vào cập nhật TLHT.

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ xây dựng, ban hành hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện khảo sát và xử lý kết quả khảo sát. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn về khảo sát, thiết kế công cụ khảo sát.

Thực hiện đối sánh ý kiến các BLQ để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy – học, hoạt động hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

### ***Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra***

Kể từ năm học 2024 - 2025, các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa kết hợp với Phòng QLĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT hay hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường phối hợp cùng các Phòng, Trung Tâm, Khoa, Viện đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu NH để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường theo từng ngành, từng CTĐT, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của xã hội.

Từ năm 2024 - 2025, Nhà trường đẩy mạnh việc NCKH trong NH bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Nhà trường và Viện sẽ tiếp

tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho NH nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho NH về vai trò của NCKH trong NH.

Từ năm học 2024 - 2025 Nhà trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng ĐT, phục vụ NH ngày càng được nâng cao.

#### **4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Tài chính-Marketing**

Mã trường: **DMS**

Tên CTĐT: **Ngành Quản trị kinh doanh**

Mã CTĐT: **7340101**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	○	○	○	○	○	○	○			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								4,00	3	100%
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								4,00	3	100%
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								4,00	3	100 %
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								4,00	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4,80	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					

Tiêu chí 5.4				5						
Tiêu chí 5.5				4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								4,29	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				5						
Tiêu chí 6.3				5						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>								4,40	5	100%
Tiêu chí 7.1				5						
Tiêu chí 7.2				5						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								4,20	5	100%
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				5						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								5,00	5	100%
Tiêu chí 9.1				5						
Tiêu chí 9.2				5						
Tiêu chí 9.3				5						
Tiêu chí 9.4				5						
Tiêu chí 9.5				5						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								4,67	6	100%
Tiêu chí 10.1				5						
Tiêu chí 10.2				5						
Tiêu chí 10.3				5						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				5						
Tiêu chí 10.6				4						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								4,20	5	100%
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						

Tiêu chí 11.3				4							
Tiêu chí 11.4					5						
Tiêu chí 11.5				4							
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>									<b>4,38</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2024*


  
**PGS. TS. Phạm Tiến Đạt**

## PHẦN IV: PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Tài chính - Marketing
2. Tiếng Anh: The University of Finance - Marketing
3. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Tài chính - Marketing
  - Tiếng Anh: UFM
4. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Bán công Marketing
5. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Tài Chính
6. Địa chỉ: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
7. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 028. 3872 6789 - 028. 3872 6699
8. E-mail: [contact@ufm.edu.vn](mailto:contact@ufm.edu.vn) Website: [www.ufm.edu.vn](http://www.ufm.edu.vn)
9. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1976
10. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2004 (Bạc ĐH)
11. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2008
12. Loại hình cơ sở giáo dục:
 

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

(tick vào ô vuông)

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa QTKD
  - Tiếng Anh: Faculty of Business Administration
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Khoa QTKD
  - Tiếng Anh: FBA
14. Tên trước đây (nếu có): không
15. Mã CTĐT: D340.101
16. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Khoa QTKD: Phòng 307 số 778 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP.HCM

17. Số điện thoại liên hệ:

- Khoa QTKD: 028. 3772 0580 (Số nội bộ: 354)
- Email khoa QTKD: khoaqtkd@ufm.edu.vn
- Website Khoa QTKD: www.khoaqtkd.ufm.edu.vn

18. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

2004 (Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bán công Marketing (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing), tiền thân là Khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing – thành lập năm 1996

19. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2004

20. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2008

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa QTKD được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bán công Marketing (nay là trường ĐHTCM), tiền thân là Khoa Quản lý thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing.

Sứ mạng: Khoa QTKD phấn đấu kiến tạo những trải nghiệm thực tiễn cho SV trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý với các chuyên ngành như QTKD tổng hợp, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án và hướng đến là Quản trị nguồn nhân lực; có sứ mạng cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Chương trình giảng dạy của Khoa cung cấp cho SV một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh doanh hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lãnh đạo và kinh nghiệm thực tế cần thiết để thành công trong môi trường làm việc toàn cầu, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và sự phát triển của cộng đồng.

Tầm nhìn: Khoa QTKD phấn đấu phát triển trở thành một trong số những đơn vị đào tạo, nghiên cứu hàng đầu về kinh doanh và quản lý ở khu vực phía Nam, cả nước và khu vực Đông Nam Á với các CTĐT có CLC nhất theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra.

Các giá trị cốt lõi của chương trình dạy học:

(1) *Cam kết về chất lượng*: Tiếp cận Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu hiện đại giúp SV đạt được thành công cá nhân và đóng góp cho xã hội;

(2) *Trách nhiệm xã hội*: Đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có trách nhiệm và đạo đức trong nghề nghiệp cũng như có trách nhiệm đối với xã hội;

(3) *Tư duy độc lập*: Tạo cơ hội cho SV suy nghĩ phân tích và tư duy độc lập trong việc đưa ra quyết định và xây dựng lòng tin;

(4) *Sáng tạo*: Khuyến khích, hỗ trợ và khen thưởng cho các nỗ lực liên tục tìm kiếm tri thức và các giá trị tinh thần;

(5) *Tính chính trực*: Đào tạo những nhà kinh doanh, nhà quản lý trung thực và đáng tin cậy trong tất cả các hoạt động;

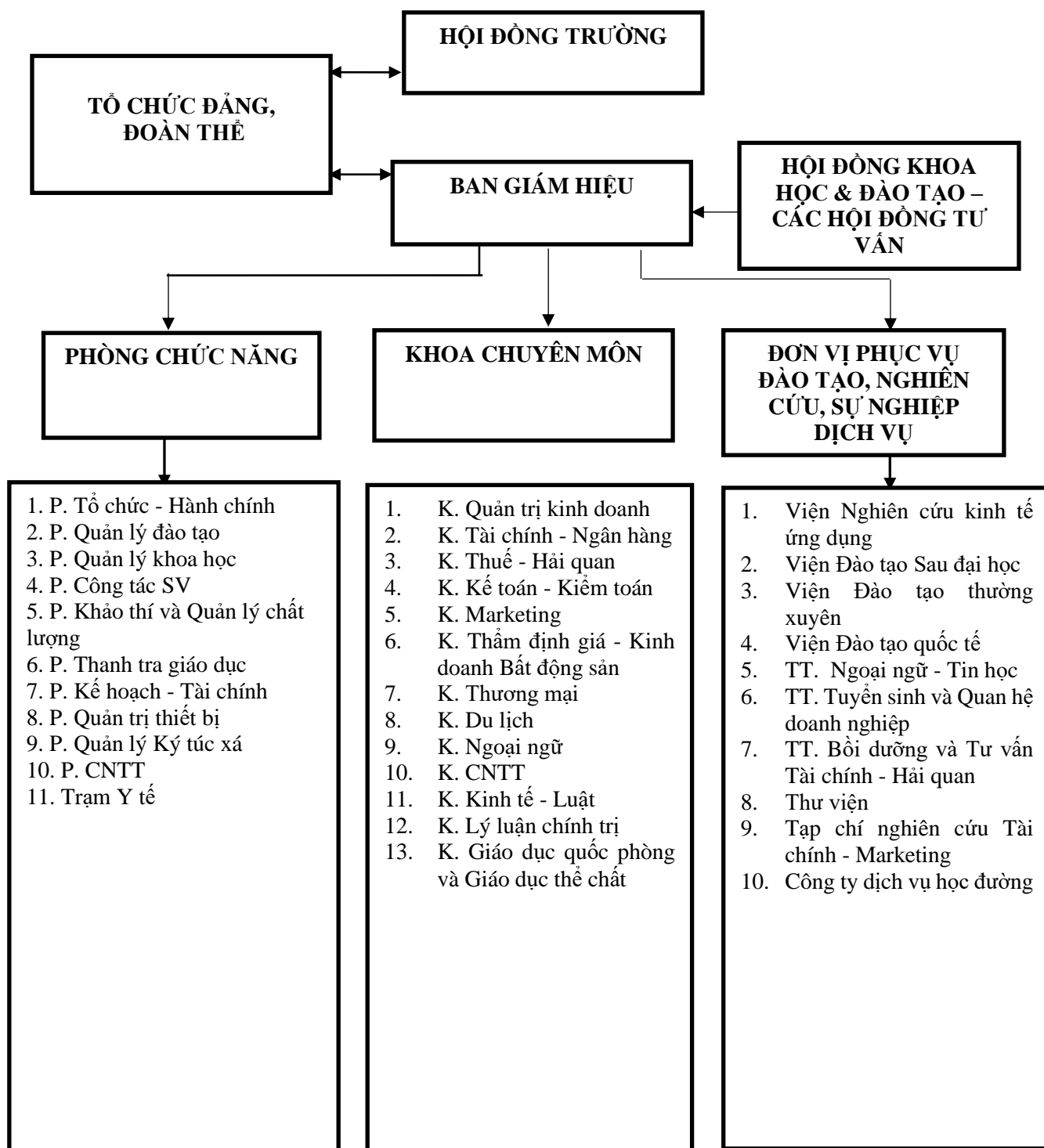
(6) *Tôn trọng sự khác biệt*: Giúp SV biết tôn trọng sự khác biệt để nhận ra giá trị của sự đa dạng.

Về cơ cấu tổ chức, Khoa QTKD gồm: 01 trưởng khoa, 01 phó khoa, 04 trưởng/phó bộ môn, 02 giáo vụ, Hội đồng khoa học khoa và các tổ chức Đảng, đoàn thể như chi bộ, tổ công đoàn, đoàn thanh niên.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

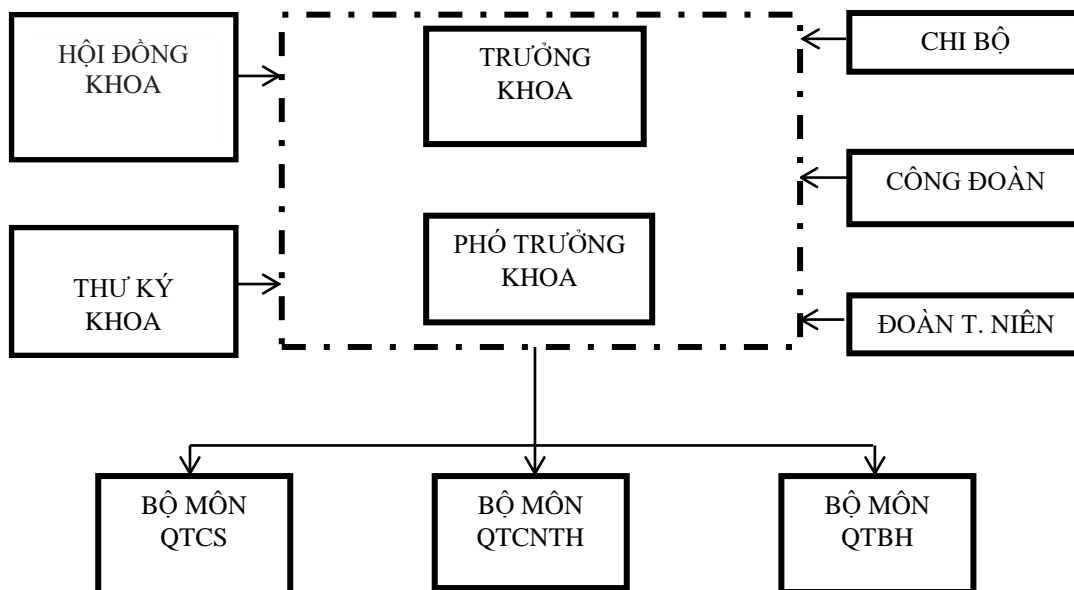
a. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing

*Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing*





## b. Cơ cấu tổ chức của Khoa QTKD – Trường Đại học Tài chính – Marketing



## B1. Cơ cấu hành chính của Khoa QTKD

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>					
1	BGH	Phạm Tiến Đạt	1980	PGS. TS, Hiệu trưởng	phamtiendat@ufm.edu.vn
2	BGH	Lê Trung Đạo	1972	TS, P. Hiệu trưởng	ltdao@ufm.edu.vn
3	BGH	Cao Tấn Huy	1985	TS, P. Hiệu trưởng	caohuy@ufm.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>					
<b>I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>					
Khoa QTKD					
1	Lãnh đạo	Huỳnh Thị Thu Sương	1974	PGS. TS, Trưởng khoa	huynhthusuong@ufm.edu.vn
2	Lãnh đạo	Trần Nhân Phúc	1979	TS, Phó Trưởng khoa	phucnhantran@ufm.edu.vn
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>					
1	Đoàn khoa	Nguyễn Thành Đông	1989	ThS, Bí thư Đoàn trưởng	thanhdong.ufm@gmail.com

<b>T T</b>	<b>Các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Học vị, chức danh, chức vụ</b>	<b>Email</b>
2	Công Đoàn	Nguyễn Xuân Hiệp	1966	TS, Chủ tịch Công đoàn trường	nxhiep@ufm.edu.vn
3	Tổ chức Đảng	Hồ Thủy Tiên	1961	PGS, TS, Bí thư Đảng ủy	tienht@ufm.edu.vn
<b>III</b>	<b>Các phòng ban</b>				
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Tấn Hưng	1976	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	nt.hung@ufm.edu.vn
2	Phòng KH - TC	Hoàng Thái Hưng	1981	ThS, Trưởng phòng KH - TC	hoangthaihungufm@gmail.com
3	Phòng Quản lý đào tạo	Huỳnh Thế Nguyễn	1978	TS, Trưởng phòng Quản lý đào tạo	huynhthenguyen@ufm.edu.vn
4	Phòng Quản trị thiết bị	Nguyễn Hồng Thanh	1972	ThS, Trưởng phòng Quản trị thiết bị	nh.thanh@ufm.edu.vn
5	P. Quản lý KH	Phan Thị Hằng Nga	1977	PGS.TS, Trưởng P. Quản lý KH	phannga@ufm.edu.vn
6	Phòng Công tác SV	Nguyễn Thanh Hải	1975	ThS, Trưởng phòng Công tác SV	nguyenthanhhai@ufm.edu.vn
7	Phòng KT& QLCL	Đàm Đức Tuyên	1968	ThS, Trưởng phòng KT& QLCL	ductuyen@ufm.edu.vn
8	Phòng Thanh tra giáo dục	Nguyễn Công Duy	1982	ThS, Trưởng phòng Thanh tra giáo dục	nguyencongduy@ufm.edu.vn
9	Phòng CNTT	Trần Minh Tùng	1978	ThS, Phụ trách phòng CNTT	tungufm@ufm.edu.vn
10	phòng Quản lý KTX	Nguyễn Lai Dương Phong	1969	ThS, Trưởng phòng Quản lý KTX	nguyenlaiduongphong@ufm.edu.vn
<b>V.</b>	<b>Các bộ môn</b>				
1	Bộ môn cơ sở	Trần Nhân Phúc	1979	Tiến sĩ	phucnhantran@ufm.edu.vn
2	Bộ môn chuyên ngành tổng hợp	Huỳnh Thị Thu Sương	1974	PGS, Tiến sĩ	huynhthusuong@ufm.edu.vn
4	Bộ môn Quản trị	Trần Thế Nam	1977	Tiến sĩ	tranthenam@ufm.edu.vn

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Email
	bán hàng				

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 2 chuyên ngành

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 2 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo ĐH: 4 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 6 chuyên ngành

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không có

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Vừa làm vừa học.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

29. Tổng số các ngành đào tạo: 4 ngành

#### IV. Cán bộ, người học, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>	36	45	81
I.1	Cán bộ trong biên chế	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	36	45	81
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng <sup>2</sup> )	0	0	0

<sup>1</sup> ...  
<sup>2</sup> ...

	<b>Tổng số</b>	36	45	81
--	----------------	----	----	----

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

### 31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	16	0	3	0	0
5	Thạc sĩ	57	57	0	0	0	0
6	ĐH	2	2	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>79</b>	<b>76</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các Tiến sĩ khoa học (TSKH), TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 79 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:  $79/81 = 97,5\%$

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường ĐH, học viện).

<sup>3</sup>...

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
2	Phó Giáo sư	3,0	1	1	0	0	0	0	3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	19	16	0	3	0	0	32,18
5	Thạc sĩ	1,0	57	57	0	0	0	0	61
6	ĐH	0,3	2	2	0	0	0	0	0,6
	<b>Tổng</b>		<b>79</b>	<b>76</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>96,78</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1,26%	1	0	0	0	0	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	24,05%	15	4	0	7	9	2	1
5	Thạc sĩ	57	72,16%	20	37	0	27	29	1	0
6	ĐH	2	2,53 %	0	2	0	2	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>79</b>	<b>100%</b>	<b>36</b>	<b>43</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>38</b>	<b>3</b>	<b>2</b>

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 40,52 tuổi

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $19/79 = 24,05\%$

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ Th trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $57/79 = 72,15\%$

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	37%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	63%	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
<b>Tổng</b>		<b>100%</b>	<b>100%</b>

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2019	<b>1114</b>	<b>921</b>	<b>82,67</b>	<b>389</b>	Đợt 1: 20,75 Đợt 2: 16	Đợt 1: 21,34 Đợt 2: 18,12	<b>2</b>
2020	<b>4619</b>	<b>410</b>	<b>8,87</b>	<b>304</b>	23	23,6	<b>0</b>
2021	<b>7101</b>	<b>924</b>	<b>13</b>	<b>570</b>	HB: 9,1 THPT: 19,8	HB: 9,4 THPT: 20,51	<b>0</b>
2022	<b>7144</b>	<b>907</b>	<b>12,7</b>	<b>520</b>	HB: 7,27 THPT: 22,3	HB: 8,78 THPT: 22,86	<b>0</b>
2023	<b>24468</b>	<b>1719</b>	<b>7,03</b>	Chờ QĐ chia	HB ưu tiên: 25,1	HB ưu tiên: 26,54	<b>0</b>

				CN đối với khóa 20D	HB ko ưu tiên: 27,1 ĐGNL: 750	HB ko ưu tiên: 27,59 ĐGNL: 773	
--	--	--	--	------------------------------	---	--	--

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV ĐH Trong đó:					
Hệ chính quy	<b>1654</b>	<b>1399</b>	<b>1570</b>	<b>1722</b>	<b>1332</b>
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: 01

*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
Số lượng (người)	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,59	0,52	0,46	0,4	0,53

37. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2017 -	2018 -	2019 -	2020 -	2021 -
--------------	--------	--------	--------	--------	--------

	2018	2019	2020	2021	2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	1.536	13.970	11.436	11.436	11.436
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1.654	1.399	1.570	1.722	1.322
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	310	184	303	370	467
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	4,95	75,9	37,7	30,9	24,48

38. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH.

	Năm học				
	2017 – 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
Số lượng (người)	140	239	187	287	310
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	86,50	90,10	91,05	92,05	93,05

39. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. SV tốt nghiệp ĐH	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	357	430	308	303	210
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*



## Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017 - 208	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 -2022
1.Số lượng người học tốt nghiệp (người).	357	430	308	303	210
2.Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75,3				
3.Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	89,9	73,8	85,2	88,0	92,7
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	8,6	21,8	12,0	11,1	6,2
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	1,5	4,5	2,8	0,9	1,1
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	61,4	80,2	83,0	89,2	90,7
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	29,4	34,9	0	0	0
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	53,7	56,7	87,6	100	88,7
	46,3	43,3	12,4	0	11,3
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm gần ngành đào tạo (%)	5-10 triệu	5-10 triệu	7-10 triệu	7-10 triệu	7-10 triệu
4.3. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	61,4	80,2	83,0	89,2	90,7
4.4. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	11,5 triệu	12,3 triệu	12,5 triệu	12,7 triệu	14,1 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	59,8	67,2	71,8	73,3	72,7
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	30,1	28,3	20,4	22,1	24,1
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	10,1	4,5	7,8	4,6	3,2

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	1	3	1	0	0	<b>10</b>
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	6	10	2	0	<b>20</b>
3	Đề tài cấp trường	0,5	10	47	51	46	11	<b>82,5</b>
4	Tổng		<b>13</b>	<b>56</b>	<b>62</b>	<b>48</b>	<b>11</b>	<b>112,5</b>

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 46

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $46/79 = 0,58$

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	0	0	0
2	2020	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2021	0	0	0
4	2022	0	0	0
5	2023	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	23	36	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	6	
Trên 6 đề tài	0	0	1	
Tổng số cán bộ tham gia	0	25	43	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	2	0	0	0	4
2	Sách giáo trình	1,5	3	0	1	4	7	22,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	2	0	0	1
5	Tổng		3	2	3	4	7	27,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 27,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $27,5/79 = 0,35$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	5	0	1

Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	5	0	1

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (tính lại):

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	2	20	29	78
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	18	16	32	43	59	192
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	0	5	2	3	5.5
	<b>Tổng</b>		<b>19</b>	<b>16</b>	<b>39</b>	<b>65</b>	<b>91</b>	<b>275,5</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 275,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $275,5/79 = 3,49$

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	26	47	15
Từ 6 đến 10 bài báo	2	7	0
Từ 11 đến 15 bài báo	2	2	0
Trên 15 bài báo	1	4	0
Tổng số cán bộ tham gia	31	60	15

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	5	3	12	35	55
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	0	4	34	6	30,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	8	7	30	6	4	15,5
4	Tổng		<b>24</b>	<b>12</b>	<b>37</b>	<b>52</b>	<b>45</b>	<b>101</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 101

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $101/79 = 1,28$

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	26	47	15
Từ 6 đến 10 báo cáo	2	7	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	2	2	0
Trên 15 báo cáo	1	4	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>31</b>	<b>60</b>	<b>15</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019	0
2020	0
2021	0
2022	0
2023	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	11	97	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	11	97	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019	2020	2021	2022	2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	2	2	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	1	49

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện.

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 64.973 m<sup>2</sup>

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 180 m<sup>2</sup>

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 190 m<sup>2</sup> Nơi học: 24.923 m<sup>2</sup> Nơi vui chơi giải trí: 5.708 m<sup>2</sup>

56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>): 19.000 m<sup>2</sup>

Phòng lớn : .....m<sup>2</sup>. Phòng nhỏ: ..... m<sup>2</sup>,..... m<sup>2</sup>.

Phòng thực hành nghề luật: ..... m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích phòng học: 19.000 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,3 m<sup>2</sup>

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 1.457 tựa sách, 6.095 bản Tiếng Việt

583 tựa sách với 1619 bản Tiếng Anh.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): .....

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 14 máy

- Dùng cho người học học tập: 1174 máy

Tỷ số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,08.

### VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

#### 1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 79 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 97,5%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):  $20/79 = 25,32\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):  $57/79 = 72,15\%$

#### 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1.621

Tỷ số người học chính quy trên GV : 21,05

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):  $1422/1621 = 87,72\%$

#### 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Kiến thức: 92,7 % Kỹ năng: 92,7 %

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Kiến thức: 6,2 % Kỹ năng: 6,2 %

#### 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 90,7 %

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 58,3 %

Tỷ lệ người học có việc làm liên quan đến ngành đào tạo (%): 30,4 %

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 11,3 %

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

Dưới 3 triệu: 0%, từ 3-5 triệu: 0%, từ 5-7 triệu: 28,2 %, từ 7-10 triệu: 54,4 % và trên 10 triệu: 17,4 %.

#### 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 72,7 %

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):  
24,1 %

#### 6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  
 $46/79 = 0,58$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,59

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,348.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,49

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,28

#### 7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:  $1.174/14.632=0,08$   
máy

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:  $19.000/14.632 = 1,3 \text{ m}^2$

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:  $11.436/1900 = 6,02 \text{ m}^2/\text{người}$



**Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách**

BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1884/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo tích hợp ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan vào Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM ngày 28/9/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chu kỳ và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ phê duyệt của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 1603/TTr-ĐHTCM-KTQLCL ngày 25/7/2023 của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng về việc bổ sung nội dung triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2023;

Theo đề nghị của Trường Khoa Quản trị kinh doanh, Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo tích hợp ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo tích hợp ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà Trường Khoa Quản trị kinh doanh, Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trường các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường (để t/h);
- Lưu: VT, QTKD, KTQLCL.



**PGS. TS. Phạm Tiến Đạt**

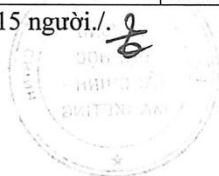
**BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHTCM ngày tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Tiến Đạt	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ, Phó Trường khoa Quản trị kinh doanh	Phó Chủ tịch
4	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thư ký Hội đồng
5	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
6	Huỳnh Thế Nguyễn	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
7	Phan Thị Hằng Nga	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý khoa học	Thành viên
8	Nguyễn Thanh Hải	Tiến sĩ, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên
9	Nguyễn Thị Kim Phụng	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Thành viên
10	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Thành viên
11	Nguyễn Thị Trúc Hà	Thạc sĩ, Phó Giám đốc Thư viện	Thành viên
12	Nguyễn Duy Minh	Phó Giám đốc Trung tâm - phụ trách Trung tâm Quản lý Kí túc xá	Thành viên
13	Tô Anh Thơ	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
14	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên chính Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
15	Trần Phụng Hoàng Minh	Sinh viên lớp 20DQT ngành Quản trị kinh doanh	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người./.




**BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH  
BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
(Kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Trưởng ban
2	Trần Thị Xuân Lan	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Thành viên
3	Trương Thị Thúy Vân	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
4	Nguyễn Hồng Diễm Trinh	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Khảo thí và QLCL	Thành viên
5	Đoàn Ngọc Minh Hương	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
6	Trần Thị Tuyết Mai	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
7	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên

Danh sách gồm có: 07 người./ 



BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH  
NHÓM CÔNG TÁC THUỘC HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

(Kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-ĐHTCM ngày tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

**Nhóm 1:**

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Tô Anh Thơ	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Trưởng nhóm
2	Đoàn Ngọc Minh Hương	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thư ký nhóm 1
3	Nguyễn Phi Hoàng	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
4	Trần Vĩnh Hoàng	Tiến sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
5	Trần Thị Xuân Lan	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Khảo thí và QLCL	Thành viên
6	Võ Ngọc Bảo Châu	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Quản lý khoa học	Thành viên
7	Đỗ Thị Kim Hà	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên

**Nhóm 2:**

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phan Thị Hằng Nga	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng Quản lý khoa học	Trưởng nhóm
2	Trần Thị Tuyết Mai	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thư ký nhóm 2
3	Phan Thị My Ca	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
4	Bùi Thị Hồng Nhung	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Quản trị thiết bị	Thành viên
5	Bùi Hồng Trang	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Quản lý khoa học	Thành viên



**Nhóm 3:**

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên chính Khoa Quản trị kinh doanh	Trưởng nhóm
2	Ngô Thanh Tiên	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Khảo thí và QLCL	Thư ký nhóm 3
3	Phạm Trần Khoa	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
4	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Thành viên
5	Thái Thị Lan Anh	Thạc sĩ, chuyên viên Phòng Công tác sinh viên	Thành viên

Danh sách gồm có: 17 người./.



**BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH  
THƯ KÝ CHƯƠNG TRÌNH**

*(Kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	Đoàn Ngọc Minh Hương	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	- Tổng hợp Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. - Tổng hợp Báo cáo tiêu chuẩn/tiêu chí thành Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh
2	Trần Hải Minh Thu	Thạc sĩ, giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Quản lý minh chứng cung cấp cho toàn bộ Báo cáo tự đánh giá

Danh sách gồm có: 02 người./.



### Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT

1

BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1663/KH-ĐHTCM-KTQLCL Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

#### KẾ HOẠCH

#### Tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo tích hợp ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học

##### 1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT), đáp ứng đủ các yêu cầu và điều kiện đăng ký kiểm định chất lượng.

##### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Khoa và các đơn vị liên quan theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT) ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng là 5 năm.

##### 3. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của BGDDT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường ĐH, CĐ, TCCN.

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDDT ban hành Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH).

- Công văn số 1704/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí - Kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

- Công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

##### 4. Hội đồng tự đánh giá

###### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2 CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng.

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT).

###### 4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời hạn thu thập thông tin, minh chứng và hoàn thành báo cáo tự đánh giá
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5	Nhóm 1	Đến ngày 31/12/2023
2	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 2	Đến ngày 31/12/2023
3	Tiêu chuẩn 8, 10, 11	Nhóm 3	Đến ngày 31/12/2023
4	Tổng hợp hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và hồ sơ minh chứng	Thư ký chương trình	Đến ngày 09/01/2024

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

**5.1. Giai đoạn tự đánh giá:** Từ năm 2019 – 2023.

#### 5.2. Huy động các nguồn lực:

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá chu kỳ 2 chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học, Nhà trường cần huy động và sử dụng các nguồn lực trong và ngoài Trường như sau:

TT	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Nhiệm vụ	Thời gian
1	Toàn thể cán bộ viên chức tại các đơn vị chức năng thuộc Trường.	Cung cấp thông tin, số liệu, văn bản minh chứng theo yêu cầu của Khoa.	Từ giai đoạn triển khai đến giai đoạn hoàn thành báo cáo TĐG.
2	Toàn thể cán bộ, giảng viên, chuyên viên trong khoa.	- Thu thập thông tin, minh chứng. - Đọc, góp ý báo cáo tự đánh giá của các tiêu chuẩn. - Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	Từ giai đoạn triển khai đến giai đoạn hoàn thành báo cáo TĐG.
3	Khoa mời 30 sinh viên đại diện cho các khóa học từ năm 2019 đến năm 2023.	Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	Theo yêu cầu cụ thể của Đoàn đánh giá ngoài.
4	Khoa mời 30 cựu sinh viên đại diện cho các khóa tốt nghiệp từ năm 2019 đến năm 2023.	Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	
5	Khoa mời 30 nhà tuyển dụng đang sử dụng học viên tốt nghiệp các khóa từ năm 2019 đến năm 2023.	Tham gia trao đổi, phỏng vấn với Đoàn đánh giá ngoài.	
6	Kinh phí thực hiện triển khai tự đánh giá.	- Chuyên gia phản biện báo cáo TĐG. - Thù lao viết hoàn thiện báo cáo tự đánh giá. - Triển khai các hoạt động khác cần thiết khi có phát sinh.	Dự trù kinh phí riêng cho công tác tự đánh giá chương trình đào tạo.

### 6. Kế hoạch thu thập thông tin và các chỉ số đảm bảo chất lượng

- Thời điểm chốt lấy số liệu về các chỉ số đảm bảo chất lượng: **31/12/2023**

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
1	Thông tin và cơ sở dữ liệu chung của Trường	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục I - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng TCHC	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023



TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
2	Thông tin và cơ sở dữ liệu riêng của Khoa	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục II, III - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Khoa	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
3	Các chỉ số về giảng viên	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục IV - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng TCHC, Khoa và các đơn vị liên quan.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
4	Các chỉ số về người học	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục V - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng QLĐT, CTSV, QLKTX, QLKH, KTQLCL, Khoa và các đơn vị liên quan.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
5	Các chỉ số liên quan đến nhà tuyển dụng	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục V - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng KTQLCL, Khoa và các đơn vị liên quan.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
6	Các chỉ số liên quan đến nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Mục VI - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng QLKH, Khoa.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023
7	Các chỉ số liên quan đến cơ sở vật chất	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	VII - Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Phòng QTTB, CNTT, Thư viện.	Từ ngày 07/8/2023 đến 18/8/2023

#### 7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần):

Thuê chuyên gia tư vấn, tập huấn viết và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo kế hoạch và lịch trình cụ thể thống nhất giữa Trường với chuyên gia.

#### 8. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm thực hiện	Giám sát việc thực hiện
Từ ngày 31/7/2023 đến ngày 04/8/2023	- Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT, Ban thư ký và các nhóm công tác, thư ký chương trình. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; phân công về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác, thư ký chương trình. - Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch TĐG CTĐT.	Phòng KTQLCL	Ban Giám hiệu

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm thực hiện	Giám sát việc thực hiện
Từ ngày 07/8/2023 đến ngày 09/01/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập huấn quy trình TĐG và nội hàm yêu cầu của các tiêu chí/tiêu chuẩn cho các nhóm công tác và các bên liên quan (nếu có).</li> <li>- Thu thập số liệu và hoàn thiện Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT.</li> <li>- Viết Báo cáo TĐG theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công, thu thập và sắp xếp minh chứng đáp ứng cho các tiêu chí, đồng thời upload minh chứng lên onedrive.</li> <li>- Hoàn thiện BCTĐG lần 1.</li> <li>- Họp Hội đồng thông qua BCTĐG.</li> <li>- Công bố BCTĐG trong toàn trường, thu thập ý kiến đóng góp từ các bên liên quan.</li> <li>- Hoàn thiện BCTĐG theo góp ý của Hội đồng và các bên liên quan (Dự thảo lần cuối).</li> </ul>	Thư ký chương trình và các đơn vị liên quan	Ban thư ký Hội đồng
Từ ngày 19/02/2024 đến ngày 29/02/2024	Báo cáo Cục Quản lý chất lượng và tiến hành gửi hồ sơ cho TTKĐ thẩm định BCTĐG.	Phòng Khảo thí và QLCL	Ban Giám hiệu
Từ ngày 01/3/2024 đến ngày 25/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các bước đánh giá ngoài theo thủ tục và các mốc thời gian quy định.</li> <li>- Đón nhận giấy chứng nhận chất lượng.</li> </ul>	Phòng Khảo thí và QLCL, các khoa, viện đào tạo liên quan	Ban Giám hiệu

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách báo cáo Ban Giám hiệu (qua Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng) để xem xét, giải quyết kịp thời./

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, KTQLCL, QTKD. ✓



**Phạm Tiến Đạt**

